

LÊ HUY BẮC - ĐÀO THU HẰNG
tuyển dịch

BERNARD MALAMUD

WASHINGTON IRVING

RAYMOND CARVER

EDGAR ALLAN POE

ISAAC BASHEVIS SINGER

người mỗi giới

Đi tình

NADINE GORDIMER

JOHN STEINBECK

LOUISE ERDRICH

LESLIE MARMON SILKO

CYNTHIA OZICK

DORIS LESSING



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NGƯỜI MÔI GIỚI ÁI TÌNH

Tập truyện ngắn Kinh dị và Trinh thám



Nhiều tác giả

Người dịch: Lê Huy Bắc - Đào Thu Hằng

NXB Thanh Niên - 2000

epub©vctvegroup

07-01-2018

BÀI GIẢNG

Isaac Bashevis Singer

Tôi lên đường đến Montreal thuyết giảng. Bây giờ đang giữa mùa đông và tôi đã được báo cho biết trước là nhiệt độ ở đó thấp hơn New York mười độ. Báo chí tường thuật rằng nhiều chuyến tàu đã bị sa lầy trong tuyết và nhiều làng chài bị biệt lập khiến thức ăn và thuốc men tiếp tế phải thả xuống cho họ bằng máy bay.

Tôi chuẩn bị cho chuyến đi như thể đó là một cuộc thám hiểm đến Bắc cực. Tôi mặc chiếc áo khoác dày bên ngoài hai cái áo len rồi gói ghém đồ lót ấm và một chai cô nhắc trong vali phòng nhờ tàu có bị kẹt lại ở một nơi nào đó trên cánh đồng. Trong túi áo ngực, tôi để tập bản thảo viết tay mà tôi dự định đọc - một bản báo cáo đầy lạc quan về tương lai ngôn ngữ I-dít.

Vào lúc khởi đầu, tất cả mọi thứ đều suôn sẻ. Như thường lệ, tôi đến sân ga sớm hơn một tiếng trước giờ tàu khởi hành, vì thế tôi chẳng tìm thấy một người phu khuân vác nào cả. Sân ga đầy khách du lịch, tôi quan sát họ, cố đoán xem họ là ai, họ sẽ đi đâu và tại sao.

Không có người nào ăn mặc nặng nề như tôi cả. Thậm chí vài người còn mặc áo khoác mỏng. Những quý bà trông rực rỡ và lịch sự trong những chiếc áo lông chồn và lông hải ly, tất dài bằng nilon và mũ hợp thời trang. Họ mang những chiếc túi màu sắc sặc sỡ và những tạp chí báo ảnh, hút thuốc rồi tán gẫu và cười nói với một vẻ vô tư làm tôi không ngừng ngạc nhiên. Cứ như là họ không biết gì về những vấn đề sống còn của thế giới hay những vấn đề đã tồn tại vĩnh hằng, cứ như họ không bao giờ nghe nói đến sự chết chóc, bệnh tật, chiến tranh, đói nghèo, sự phản bội hoặc chỉ là những rắc rối như trễ tàu, mất vé hay cướp giật. Họ đùa bỡn như những cô

nàng đồng đánh, khoe những móng tay màu đỏ máu. Sáng hôm đó sân ga lạnh lẽo nhưng hình như chẳng có ai cảm thấy điều đó. Tôi ngạc nhiên không biết những người này từng biết là đã có Hitler không. Có nghe nói đến cái máy chém không? Họ có thể biết, nhưng họ quan tâm gì khi người khác bị hành hạ?

Tôi thấy ngứa ngáy từ lớp áo len mặc bên trong. Bây giờ tôi bắt đầu cảm thấy nóng. Nhưng thỉnh thoảng một cơn ớn lạnh lại chạy dọc khắp cơ thể. Bài thuyết giảng với những điều tôi dự đoán về một tương lai chói lọi cho ngôn ngữ I-đít làm tôi lo lắng. Cái gì đã làm tôi trở nên lạc quan một cách bất ngờ như vậy? Theo quan điểm của riêng tôi, phải chăng tiếng I-đít sẽ không bị hủy diệt?

Tàu hỏa Mỹ chạy nhanh và việc nghỉ ngơi thoải mái trên toa đường như luôn giống phép màu đối với tôi. Tôi nhớ những chuyến đi ở Ba Lan khi những hành khách Do Thái không được vào trong toa còn tôi thì phải đu người trên lan can. Tôi nhớ những cuộc bãi công đường sắt khi tàu hỏa bị chặn lại giữa đường trong nhiều giờ đồng hồ và không thể len qua được đám đông dày đặc để đến phòng vệ sinh.

Nhưng tôi đã ở đây, ngồi trên một chiếc ghế mềm ngay bên cạnh cửa sổ. Toa xe bị hun nóng. Ở đây không có đồ đạc linh kinh gì, không có những chiếc mũ bằng da lông thú cao, không có áo khoác da cừu, không có thùng hộp, và cũng chẳng có sen đầm. Không có ai ăn bánh mì hay mỡ lợn. Không ai tu rượu vốt ka từ chai. Không có ai nhieć móc những người Do Thái về sự phản bội. Trong thực tế, không ai nói đến chính trị cả. Ngay khi tàu bắt đầu chuyển bánh, một người da đen to lớn đeo tạp dề trắng đi vào và thông báo ăn trưa. Tàu không chạy rầm rầm mà lướt đi nhẹ nhàng trên đường ray dọc theo miền Hudson lạnh giá. Bên ngoài, cảnh vật lấp lánh trong tuyết và ánh sáng. Những con chim vẫn còn ở lại cho đến mùa đông bay riu rít trên mặt sông băng.

Càng đi xa thì cảnh vật càng chìm trong băng giá. Thời tiết dường như thay đổi trong từng dặm. Giờ đây chúng tôi đang đi xuyên qua vùng sương

mù dày đặc và bây giờ không khí thoáng đãng rồi mặt trời lại đang tỏa sáng một vùng không gian rộng lớn lấp lánh ánh bạc.

Tuyết bắt đầu rơi nặng. Trời đột nhiên tối sầm. Ánh ngày chỉ còn thoáng qua. Tàu tốc hành không chạy nữa mà trườn đi chậm chạp và thận trọng như thể nó đang rờ rẫm trên đường ray. Hệ thống sưởi trên tàu dường như đã bị hỏng. Tàu trở nên lạnh lẽo và tôi phải mặc áo khoác. Trong một lát, những hành khách khác giả vờ rằng họ không cảm thấy gì cả, như thể họ sẽ xấu hổ khi phải thừa nhận quá nhanh rằng mình bị lạnh. Nhưng ngay sau đó, họ bắt đầu dậm chân, cắn nhai, nhai mặt lúng túng và lục lọi trong vali của mình để tìm áo len, khăn quàng, ủng hay bất cứ cái gì mà họ đem theo. Họ bẻ dựng cổ áo lên, rút tay vào tay áo. Son phấn trên mặt các quý bà khô lên và bắt đầu bong ra như vữa trát tường.

Người Mỹ mơ mộng rằng dần dần tuyết sẽ tan còn người Ba Lan chân chất thực tế thì không tin như thế. Ai đó uống urytky từ trong chai. Ai đó ăn bánh mì và xúc-xích để làm ấm cái dạ dày. Cũng có người lao nhanh vào toa-lét. Khó mà hiểu được chuyện gì đã xảy ra, nhưng sàn toa xe trở nên ẩm ướt và nhộp nháp. Những ô kính cửa sổ bị băng đóng cứng và sương giá phủ lên những giọt nhũ trắng.

Đột nhiên tàu dừng lại. Tôi nhìn ra ngoài thấy rừng cây thưa thớt. Cây cối khẳng khiu, cong queo và mặc dù bị tuyết phủ, trông chúng vẫn tro trụi và đen đui, như thể vừa trải qua đám cháy. Mặt trời đã lặn nhưng những quầng sáng màu đỏ tía vẫn rực lên ở phía tây. Tuyết trên mặt đất không còn trắng nữa, mà chuyển sang màu tím. Mấy con quạ bước trên mặt tuyết, vỗ cánh và tôi nghe thấy tiếng kêu của chúng. Tuyết rơi thành từng khối xám nặng, như thể những ông thần giữ cửa của Kho Tuyết ở trên kia đã quá lười nhác vung chúng rơi đều hơn. Hành khách đi từ toa này sang toa khác để lại những cánh cửa mở. Nhân viên phục vụ và những người làm công khác trên tàu; khi được hỏi, họ không dừng lại mà khiếm nhã càu nhàu điều gì đó.

Chúng tôi cách biên giới Canada không xa, và hầu như đã đi qua lãnh thổ của Chú Sam. Vài hành khách bắt đầu tháo hành lý xuống; có lẽ chẳng mấy

nữa họ phải trình nó cho các nhân viên hải quan. Một công dân Mỹ nhập tịch lấy giấy tờ tùy thân ra và xem xét ảnh của mình, như cổ thuyết phục bản thân rằng những giấy tờ ấy không giả.

Một hay hai hành khách gì đấy đánh bạo đi ra khỏi tàu, nhưng chân họ bị ngập tuyết đến đầu gối. Lát sau họ đành phải trèo lại vào trong toa. Hoàng hôn còn rơi rớt lại một lúc rồi màn đêm ập xuống.

Tôi thấy mọi người dùng thời tiết như một cái cớ để làm quen nhau. Phụ nữ bắt đầu nói chuyện với nhau thân tình một cách bất ngờ. Đàn ông cũng tụ thành một nhóm. Tất cả mọi người đều kiểm được những mẩu thông tin. Người ta tặng cho nhau những lời khuyên. Nhưng không ai chú ý tới tôi cả. Tôi ngồi cô đơn, là nạn nhân của sự cô lập của chính mình, nhút nhát và xa lạ với cả thế giới. Tôi bắt đầu đọc một quyển sách và đó là một thái độ chống đối đầy khiêu khích, bởi đọc sách trong lúc như vậy dường như là một sự thách thức hay một sự xúc phạm đối với những hành khách khác. Tôi không cho phép mình giao du với tầng lớp thượng lưu, và tất cả những gương mặt kia như thầm nói với tôi rằng: Anh không cần chúng tôi và chúng tôi cũng chẳng cần anh. Không hề gì, anh sẽ vẫn phải quay về với chúng tôi nhưng chúng tôi sẽ chẳng thêm đoái hoài tới anh đâu...

Tôi mở cái vali rộng, nặng nề, lấy ra chai cô nhắc và thỉnh thoảng lén lút làm một hộp. Sau đó, tôi tì mặt vào ô kính cửa sổ lạnh lẽo và cố nhìn ra ngoài. Nhưng tất cả những gì tôi thấy chỉ là sự phản chiếu lại bên trong toa xe. Thế giới bên ngoài dường như đã biến mất. Triết học duy ngã của Bishop Berkeley đã lôi kéo về mình tất cả những nguyên lý triết học khác. Chẳng có gì tồn tại ngoại trừ phải chờ đợi kiên nhẫn cho tới khi ý muốn của Thượng Đế về việc dùng tuyết làm con tàu tắc lại trên đường ray sẽ nhường chỗ cho những ý muốn khác của Thượng Đế cho phép con tàu chuyển động và tới đích.

Thương thay cho bài diễn thuyết của tôi! Nếu tôi tới nơi vào nửa đêm, sẽ không có ai đợi tôi cả. Tôi sẽ phải tìm một khách sạn. Giá mà tôi có một tấm vé khứ hồi. Nhưng, có phải thuyền trưởng Scott do bị lạc trên cánh đồng băng của địa cực, ở vào một vị trí tốt hơn sau Amundsen, đã khám

phá ra Nam cực? Liệu thuyền trưởng Scott phải trả bao nhiêu để được ngồi trong toa xe sáng chói như thế này? Không, con người ta không được phép phàn nàn vì tham lam.

Rượu cô nhắc làm tôi ấm lên. Hương rượu say nồng từ cái dạ dày rộng xông lên não. Cùng một lúc, tôi vừa tỉnh táo vừa gà gật. Thời gian trôi đi hết chỉ để lại một vệt mờ mờ. Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, nhưng không biết rõ điều gì. Tôi chìm vào thái độ trung lập đầy sung sướng. Về phần tôi, tàu hỏa có thể dừng lại đây suốt ba ngày ba đêm. Tôi có hộp bánh quy trong vali. Tôi sẽ không chết đói. Nhiều vấn đề bỗng bành lướt qua đầu tôi. Trong tôi trỗi lên tiếng thì thầm về một điều gì đó kỳ diệu tựa như giấc mơ.

Cái đầu máy diesel hăm đang lao về phía trước. Tôi nghe thấy những âm thanh gầm gừ, lọc xọc, rầm rầm kéo về phía trước như thể âm thanh của một con bò kỳ quái, một con bò bằng thép trong huyền thoại. Hầu hết hành khách đã đến quán bar hay nhà hàng trên toa xe nhưng tôi quá lười thức dậy. Tôi dường như đã mọc rễ vào trong ghế. Tính bướng bỉnh trẻ con đã chế ngự tôi; tôi sẽ tỏ rõ cho tất cả bọn họ thấy rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự huyền ảo nào; tôi ở trên những sự việc tầm thường của cuộc sống.

Tất cả mọi người đi qua tôi - từ phía sau đến hay từ phía trước lại - đều liếc nhìn tôi; và đối với tôi, dường như mỗi một người đã hình thành nên ý kiến phán xét của riêng mình về cái loại người tôi. Nhưng liệu có ai biết tôi là một nhà văn Do Thái bị trễ giờ diễn thuyết. Về điều này, tôi chắc rằng, chẳng một ai nghĩ đến. Điều này chỉ những người có quyền lực cao hơn mới biết mà thôi.

Tôi làm một hợp khác, rồi một hợp khác nữa. Tôi chưa bao giờ hiểu cảm giác của việc uống rượu, nhưng giờ đây tôi đã thấy được sức mạnh nằm ở trong cồn. Đó là một chất lỏng nắm giữ trong mình bí mật của cõi niết bàn. Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay của mình nữa. Tôi không lo lắng về chỗ ngủ nữa. Trong thâm tâm, tôi thầm chế giễu bài thuyết trình mà tôi đã chuẩn bị. Điều gì sẽ xảy ra nếu nó không được đọc? Người ta sẽ được nghe ít lời dối trá hơn. Nếu tôi có thể mở cửa sổ, thì tôi sẽ quăng tập bản thảo

vào trong rừng. Để cho mớ giấy tờ và mực viết trở về với cát bụi, nơi không thể tồn tại một lỗi lầm hay sự dối trá nào. Nguyên tử và phân tử vô tội; chúng là một phần của chân lý vĩnh hằng...

Tàu tới nơi đứng vào hai rưỡi. Không có ai đợi tôi cả. Tôi rời sân ga và bị một luồng gió đêm lạnh buốt cuốn lấy, cái lạnh mà không một chiếc áo khoác hay áo len nào có thể ngăn lại được. Trong nháy mắt, tất cả những chiếc xe tắcxi đều đã được thuê hết. Tôi quay lại nhà ga, chuẩn bị trải qua một đêm ngồi trên ghế.

Đột nhiên tôi thấy một người đàn bà thọt và một cô gái trẻ đang nhìn và chỉ tay vào tôi. Tôi đứng và quay nhìn lại. Người đàn bà thọt chống trên hai chiếc nạng to, ngắn. Bà ta nhăn nhoe và nhếch nhác, trông như một bà già Ba Lan, nhưng đôi mắt đen của bà ta cho thấy bà ốm yếu và suy sụp hơn là già. Quần áo bà ta cũng gợi tôi nhớ về Ba Lan. Bà mặc một chiếc áo kiểu jăckét bằng lông thú không tay. Mũi và gót giày của bà có kiểu mà tôi đã không nhìn thấy trong nhiều năm. Trên vai, bà choàng một chiếc khăn len có tua rua, giống như một trong những cái khăn của mẹ tôi. Trái lại, người phụ nữ trẻ lại ăn vận kiểu cách nhưng cũng hơi nhếch nhác.

Sau một hồi do dự, tôi đến gần họ.

Cô gái hỏi: “Ông có phải là ông N. không?”

Tôi đáp: “Phải, tôi đây.”

Người đàn bà thọt đột nhiên di chuyển như thể sắp thả rơi đôi nạng và vỗ tay. Đột nhiên bà than vãn như thể đã rất thân thiết đối với tôi.

“Ôi lạy Chúa lòng lành!” bà kêu lớn. “Tôi đang nói với con gái tôi đó đúng là ngài, nhưng nó bảo không phải. Tôi đã nhận ra ngài. Ngài đi đâu mà mang theo vali vậy? Thật kỳ diệu khi ngài trở lại. Tôi không bao giờ tha thứ cho mình cả. Ôi, Binele, con nói gì bây giờ? Mẹ của con vẫn còn linh cảm tốt. Tôi chỉ là một người đàn bà, nhưng tôi là con gái một giáo sĩ Do Thái, và trong mắt mọi người, đó là người có học thức. Tôi chỉ nhìn một lần và thăm nghĩ - đúng là ngài rồi! Nhưng ngày nay trứng khôn hơn gà. Nó nói với tôi: “Không, đó không phải là ngài.” Và trong khi ấy thì ngài

biến mất. Tôi đã bắt đầu thầm nghĩ rằng: Ai mà biết được, làm người thì ai cũng thế, không ai là không có lỗi. Nhưng khi tôi thấy ngài quay lại, tôi biết đúng là ngài rồi. Người yêu quý của tôi ơi, chúng tôi đã đợi ngài ở đây từ bảy rưỡi tối. Không chỉ có mình chúng tôi: có cả toàn bộ nhóm giáo viên, những nhà sư phạm, cả vài nhà văn nữa. Nhưng rồi cuộc chờ đợi cứ kéo dài mãi, và mọi người về nhà. Họ còn có vợ, con. Vài người phải dậy sớm để đi làm. Nhưng tôi nói với con gái, Mẹ sẽ không về. Mẹ không thể để cho nhà văn yêu quý của mình, người mà mỗi từ mẹ đều trân trọng giữ gìn như một viên ngọc quý, đến đây mà không thấy ai đợi mình. Nếu con muốn, con gái của mẹ ạ; tôi nói với nó, con có thể về nhà và đi ngủ. Tiếc gì một giấc ngủ đêm? Khi tôi còn trẻ, tôi vẫn nghĩ rằng nếu ngài mất ngủ một đêm thì cả thế giới sẽ tan biến đi. Nhưng Hitler đã dạy cho chúng tôi một bài học. Hẳn đã dạy cho chúng tôi một bài học mà tôi sẽ không quên cho tới khi nhắm mắt xuôi tay. Ngài nhìn tôi và thấy tôi già nua, ốm yếu, tàn tật, nhưng tôi đã phải lao động vất vả trong những trại của Hitler. Tôi đào hào và bốc vác hàng hóa ở toa xe lửa. Còn có việc gì mà tôi không làm? Đó là nơi mà tôi đã mắc bệnh thấp khớp. Đến đêm chúng tôi phải ngủ trên những ngăn ván không xứng làm chỗ nằm cho chó, và chúng tôi bị đói đến nổi...”

“Mẹ, lát nữa mẹ sẽ có đủ thời gian để nói chuyện. Bây giờ đã là nửa đêm rồi,” con gái bà ngắt lời.

Chỉ đến khi ấy tôi mới nhìn kỹ cô gái. Toàn bộ thân hình và dáng điệu của cô là của một thiếu nữ, nhưng rõ ràng cô phải ở vào độ tuổi cuối hai mươi hay thậm chí quá ba mươi. Cô nhỏ bé, thanh mảnh với mái tóc hoe vàng chải hất ra sau búi thành búi. Mặt cô là gương mặt của một người ốm yếu xanh xao, đầy tàn nhang. Cô có đôi mắt vàng, trán rộng, mũi khoằm, môi mỏng và một cái cằm dài. Cô quấn quanh cổ một chiếc khăn như của đàn ông. Cô làm tôi nhớ đến một cậu bé người Hassidic.

Mấy lời cô nói chứng tỏ đó là giọng của một người Ba Lan tỉnh lẻ mà tôi đã quên mất trong suốt thời gian sống ở Mỹ. Cô làm tôi nhớ đến bánh mì mạch đen, hạt carum, pho mát thôn quê và nước lấy từ giếng vào thùng và được gánh bằng đòn gỗ trên vai.

“Cảm ơn, nhưng tôi có đủ kiên nhẫn lắng nghe,” tôi nói.

“Khi mẹ tôi bắt đầu kể về những năm tháng ấy, bà có thể nói cả ngày, cả tuần...”

“Suyt, suyt, mẹ của con không điên rồ tới mức như con nghĩ đâu. Sự thật là, thần kinh của chúng ta đã bị chùng ra ở đó. Thật ngạc nhiên khi chúng ta không hoàn toàn mất trí mà chạy quanh đường phố. Nhưng còn nó? Như ngài đã thấy đấy, nó cũng ở Auschwitz để chờ đợi đưa vào lò. Thậm chí tôi đã không biết nó hãy còn sống. Tôi cứ chắc chắn là nó bị lạc, và ngài có thể tưởng tượng được tình cảm của một người mẹ! Tôi nghĩ là nó đã đi theo con đường của ba thằng anh nó; nhưng sau giải phóng, chúng tôi đã tìm thấy nhau. Đồ súc vật, chúng muốn gì ở chúng tôi? Chồng tôi là một người sùng đạo, một người Do Thái giữ công văn giấy tờ. Con trai tôi làm việc vất vả để kiếm từng mẩu bánh mì, bởi vì khoản tiền cho vay dưới hình thức cổ phần không mang lại nhiều lợi nhuận. Chồng tôi, chính ông ấy, phải thường xuyên nhịn đói. Ánh sáng của Chúa đã ngừng lại trên gương mặt ông ấy. Các con trai tôi thì bị giết bởi những kẻ giết người...”

“Mẹ, xin mẹ dừng lại đi?”

“Mẹ sẽ dừng lại. Mẹ sẽ dừng lại. Dẫu sao thì tôi đã nói có dài dòng lắm không? Nhưng nó đúng đấy. Trước hết, hồi người yêu quý của tôi, chúng tôi phải lo liệu cho ngài. Ngài hiệu trưởng đã nói cho tôi tên của khách sạn - họ đã đặt phòng trước cho ngài - nhưng con gái tôi không nghe những gì ông ta nói, mà tôi thì đã quên mất. Việc quên ấy là điều không may của tôi. Tôi đặt một thứ gì đó xuống và tôi không biết là ở đâu nữa. Tôi cứ mãi tìm kiếm nhiều thứ, và đấy là cách thời gian trong ngày của tôi mất đi. Nên có lẽ, nhà văn yêu quý của tôi ạ, ngài sẽ ngủ đêm nay ở chỗ chúng tôi chứ? Chúng tôi không có một căn phòng nào tử tế. Nó lạnh lẽo, tồi tàn. Tuy nhiên, như vậy còn tốt hơn là không có chỗ nào cả. Tôi định gọi điện cho ngài hiệu trưởng, nhưng tôi sợ đánh thức ông ấy vào ban đêm. Ông ấy nóng tính như vậy đấy, có lẽ ông ấy sẽ tha thứ tôi. Ông ta cứ quát tháo rằng chúng tôi không được khai hóa văn minh. Vậy nên tôi nói với ông ta: “Người Đức là người văn minh đấy, đi mà theo chúng...”

“Đi với chúng tôi, dù sao, đêm đã hết ba phần tư rồi,” cô con gái nói với tôi. “Lẽ ra, ông ta nên viết tên khách sạn thay vì chỉ nói; mà nếu có nói thì ông ta nên nói với tôi, chứ không nên nói với mẹ tôi. Bà ấy quên tất cả mọi thứ. Bà ấy đeo kính vào và gào lên: Kính của tao đâu rồi? Thỉnh thoảng tôi lại phải bật cười. Hãy đưa vali của ông cho tôi.”

“Cô nói gì? Tôi có thể tự xách được, nó không nặng lắm đâu.”

“Ông không quen xách đồ đạc, nhưng ở đó tôi đã học cách mang những vật nặng. Nếu ông nhìn thấy những hòn đá tôi đã khuân thì ông sẽ không tin nổi vào mắt mình. Thậm chí bản thân tôi cũng không tin những chuyện ấy nữa. Đôi khi, đối với tôi tất cả điều đó như thể là cơn ác mộng...”

“Lạy trời đừng có chuyện đó, cô không phải xách vali cho tôi đâu. Đó là tất cả những gì tôi muốn...”

“Ngài ấy là một người lịch sự, ngài là một người tế nhị, dịu dàng. Mẹ biết điều đó ngay khi lần đầu tiên mẹ đọc tác phẩm của ngài,” người mẹ nói. “Ngài sẽ không tin tôi, nhưng thậm chí chúng tôi đã đọc truyện của ngài ngay ở trong trại. Sau chiến tranh, người ta bắt đầu gửi sách cho chúng tôi, và tôi đã lần lượt đọc hết truyện của ngài. Tôi không nhớ rõ những nhan đề tác phẩm, nhưng tôi đã đọc chúng, rồi bóng tối tan khỏi trái tim tôi. Binele, tôi gọi - khi ấy nó luôn ở bên tôi - Mẹ đã tìm thấy cả một kho báu. Tôi nói như vậy đấy...”

“Cảm ơn, cảm ơn bà rất nhiều.”

“Đừng cảm ơn tôi, xin đừng cảm ơn tôi. Chúng tôi mới là những người phải cảm ơn ngài. Tất cả những điều rắc rối đều xuất phát từ điếc và mù. Họ không nhìn thấy người bên cạnh và thế là họ hành hạ anh ta. Chúng tôi đang lang thang giữa những kẻ độc ác mù quáng... Binele, đừng để cho con người tôn kính này phải xách vali.”

“Vâng, xin hãy đưa nó cho tôi!”

Tôi phải nài xin Binele là để tôi mang vali. Cô ta gần như cố giật nó khỏi tay tôi.

Chúng tôi ra khỏi ga và một chiếc tắc xi trở tới. Thật không dễ để đưa bà mẹ vào trong xe. Tôi vẫn không thể hiểu nổi bằng cách nào mà bà ta xoay sở để đến được nhà ga. Tôi phải bế bà ta lên và đặt vào trong xe. Trong lúc làm như thế, bà ta đã đánh rơi mất một chiếc nạng, Binele và tôi phải tìm nó trong tuyết. Gã lái xe bắt đầu cầu nhàu gắt gỏng bằng thứ tiếng Pháp-Canada của gã. Rồi thì chiếc xe bắt đầu rồ máy và lăn tròn trên mặt đường trơn, lờ mờ, phủ đầy tuyết và mấp mô những móm băng. Những lớp xe bị kẹt vào đó, tài xế phải lùi xe lại nhiều lần.

Cuối cùng chúng tôi cũng đến được con đường, gọi tôi nhớ về một thị trấn nhỏ ở Ba Lan; tối tăm, hẹp, với những ngôi nhà bằng gỗ. Người đàn bà ốm yếu vội vàng mở ví nhưng tôi đã trả trước lúc bà kịp lấy tiền ra. Cả hai người phụ nữ đều la rầy tôi, còn gã lái xe yêu cầu chúng tôi phải ra khỏi xe càng nhanh càng tốt. Tôi gần như phải bế người đàn bà thọt ra khỏi tắc xi. Một lần nữa, chúng tôi lại phải tìm chiếc nạng của bà rơi vào trong lớp tuyết dày. Sau đó, con gái của bà và tôi nửa dẫn, nửa lôi bà ta lên bậc tam cấp cao. Họ mở cửa và tôi đột nhiên bị chìm ngập trong những thứ mùi mà tôi đã quên từ lâu; mùi cà chua mốc meo, hành tây, rau diếp xoắn thối rữa, và cả những mùi gì đó mà tôi không thể gọi tên ra được. Bằng cách bí ẩn nào đấy, bà mẹ và cô con gái đã xoay sở để mang theo mình toàn bộ không khí của sự nghèo nàn khốn khổ từ căn nhà cũ nát của họ ở Ba Lan.

Họ thắp một ngọn đèn dầu và tôi thấy căn phòng với giấy dán tường đã rách bươm, sàn nhà bằng gỗ nhám, mạng nhện giăng tứ phía. Một chiếc bếp dầu đã cũ, những căn phòng bị gió lùa. Những chai lọ vỡ, những cái đĩa vỡ, những chiếc cốc mất quai được đặt trên một chiếc ghế dài. Thậm chí tôi còn thấy một chiếc chổi sể che trên đồng rác nữa. Không một đạo diễn sân khấu nào, tôi nghĩ, có thể làm công việc sao chép tốt hơn cái cảnh khổ sở của xứ sở căn cỗi như thế.

Binele bắt đầu xin lỗi. “Bữa bọn quá, phải không? Chúng tôi đã rất vội vàng như thế để đến nhà ga, chúng tôi không có cả thời gian để rửa chén đĩa. Dù sao, thì việc rửa ráy và lau chùi ở đây có tốt gì. Nó là một căn phòng lụp xụp đã cũ và ọp ẹp. Bà chủ nhà lại chỉ biết có mỗi một điều: đến

lấy tiền thuê nhà hàng tháng. Nếu trả chậm một ngày, bà ấy sẵn sàng cắt đứt hòng người ta. Dù vậy, sau tất cả mọi chuyện mà chúng tôi đã trải qua ở đó, đây vẫn là một biệt thự đấy...”

Và Binele cười to, để phô cái mồm đầy những chiếc răng rất thưa, kẽ răng được trám vàng, việc ấy hẳn được thực hiện lúc cô vẫn còn ở phía bên kia đại dương.

Họ dọn chỗ ngủ cho tôi trên một chiếc giường gấp trong căn phòng nhỏ xíu với những ô cửa sổ có chấn song. Binele đắp lên người tôi hai tấm chăn và phủ cả cái áo khoác của tôi lên trên. Nhưng không khí vẫn lạnh như ở ngoài trời. Tôi nằm bên dưới tất cả những thứ che phủ đó mà không cảm thấy ấm lên.

Đột nhiên tôi nhớ tới tập bản thảo của mình. Tập bản thảo bài giảng của tôi đâu rồi? Tôi đã để nó trong túi ngực áo khoác. Không dám ngồi dậy, sợ rằng chiếc giường sẽ sập xuống, tôi cố lần mò tìm nó. Nhưng tập bản thảo đã không còn ở đó. Tôi nhìn áo jackét treo trên chiếc ghế bên cạnh, nhưng cũng không thấy. Tôi chắc rằng mình không bỏ nó vào vali, vì tôi mở vali chỉ để lấy chai cônhắc. Tôi đã định mở nó ở phòng thuế quan, nhưng nhân viên hải quan chỉ vẫy tay ra hiệu cho tôi đi, tỏ ý không cần thiết.

Rõ ràng là tôi đã đánh mất tập bản thảo. Nhưng mất bằng cách nào? Bà mẹ và cô con gái nói với tôi rằng buổi thuyết giảng được hoãn đến ngày hôm sau, nhưng tôi sẽ đọc cái gì đây? Chỉ còn một hy vọng duy nhất: có lẽ nó rơi trên sàn nhà khi Binele phủ áo khoác lên người tôi. Tôi sờ xuống sàn nhà, cố không gây tiếng động nhưng chiếc giường cứ kêu cọt két dù khẽ nhúc nhích. Thậm chí với tôi, chiếc giường bắt đầu kêu cọt két trước khi tôi nghĩ đến việc di chuyển. Những vật vô tri vô giác thật ra không hề vô tri vô giác...

Bà mẹ và cô con gái rõ ràng là không ngủ. Tôi nghe thấy tiếng thì thầm, tiếng nói lầm rầm từ phòng kế bên. Họ đang khẽ bàn luận về một điều gì đó, nhưng về cái gì?

Tôi nghĩ, mất tập bản thảo, là một thảm họa theo kiểu Frót. Tôi đã không hài lòng với bài tiểu luận ngay từ lần đầu tiên. Giọng tôi nói lúc đó quá khoa trương. Ấy thế mà, tôi đã nói gì vào buổi tối hôm đó? Có lẽ tôi đã bối rối ngay từ những câu đầu tiên, giống như người diễn thuyết, người đã bắt đầu với bài thuyết giảng của mình bằng, “Peretz là một người khác thường”, và không thể thốt ra thêm một từ nào nữa.

Giá mà tôi có thể ngủ. Tối hôm trước tôi cũng đã không ngủ. Khi tôi xuất hiện trước công chúng, thì tôi đã không ngủ trong nhiều đêm. Mất tập bản thảo thật là một tai họa lớn. Tôi cố nhắm mắt, nhưng chúng cứ mở thao láo. Có con gì đốt tôi; nhưng ngay khi tôi muốn gãi, chiếc giường lại lung lay và rít lên như một gã ốm trong cơn đau.

Tôi nằm đó, yên lặng, ngay đơ và tỉnh hẳn. Một con chuột đào hố kèn kẹt ở nơi nào đó, và rồi tôi nghe thấy một tiếng động, như của loài vật nào đó với cái cửa và những chiếc răng nanh đang cố cửa thùng tấm ván sàn. Một con chuột không thể gây nên âm thanh như vậy. Chắc con quái vật nào đó đang cố làm sập móng của ngôi nhà...

“Ôi, cuộc phiêu lưu này sẽ là cuộc phiêu lưu cuối cùng của ta!” tôi tự nhủ. “Ta sẽ không còn sống sót để ra khỏi đây.”

Tôi nằm rét cóng, không động đậy được chân tay. Mũi tôi bị nghẹt nên tôi phải hít thở khí lạnh của căn phòng bằng miệng. Cổ họng tôi dường như thắt lại. Tôi phải ho, nhưng tôi không muốn quấy rầy bà mẹ và cô con gái. Họ cũng có thể làm sập chiếc giường xiêu vẹo này... À, hãy để tôi hình dung rằng tôi vẫn còn đang dưới ách Hitler trong chiến tranh. Cũng nên để cho tôi nếm một ít mùi đó...

Tôi tưởng tượng mình ở một nơi nào đó ở Treblinka hay Maidanek. Tôi phải làm việc vất vả cả ngày dài. Bây giờ tôi đang nằm trên ngăn ván. Ngày mai có khả năng trở thành “kẻ bị lựa chọn”, và nếu tôi không còn khỏe nữa, thì tôi sẽ bị tổng đến lò thiêu... Tôi thầm nói lời tạm biệt với vài người thân thiết của mình. Tôi chắc hẳn đã chợp ngủ lơ mơ, vì tôi bị đánh thức dậy bởi một tiếng hét lớn. Binele la lên: “Mẹ! Mẹ! Mẹ!...” cánh cửa bật tung ra và Binele gọi tôi: “Giúp tôi với! Mẹ tôi chết rồi!”

Tôi muốn nhảy khỏi chiếc giường gấp nhưng nó đã sập xuống chân tôi, và thay vì nhảy xuống, tôi phải toài người ra. Tôi kêu lên: “Có chuyện gì thế?”

Binele hét: “Bà ấy lạnh rồi! Diêm đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ! Thắp đèn lên! Ôi, mẹ ơi!... Mẹ! Mẹ!”

Từ khi bỏ thuốc, tôi không bao giờ mang theo diêm. Tôi đi vào với bộ pijama mặc khi ngủ. Trong bóng đêm, tôi va phải Binele. Tôi hỏi cô: “Tôi có thể gọi bác sĩ bằng cách nào đây?”

Cô không trả lời, nhưng mở cánh cửa dẫn ra hành lang và gào lên: “Cứu, mọi người hãy giúp tôi! Mẹ tôi chết!” Cô gào lên với tất cả sức lực của mình, như những người phụ nữ gào lên trong những khu phố nhỏ của người Do Thái ở Ba Lan, nhưng không ai đáp lại. Tôi cố tìm diêm, biết trước rằng tôi không thể tìm thấy diêm trong ngôi nhà xa lạ này. Binele quay lại và chúng tôi lại va vào nhau trong bóng tối. Cô níu lấy tôi với sức mạnh không ngờ và khóc lóc: “Cứu! Cứu! Tôi không còn ai khác trên thế gian này! Mẹ là tất cả những gì tôi có!”

Rồi cô khóc lóc điên cuồng, làm tôi choáng váng và chết lặng đi.

“Tìm diêm! Thắp đèn lên!” Cuối cùng tôi cũng gào lên dù tôi biết những lời nói của mình là thừa.

“Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” cô kêu lên khi bản thân cũng nhận thấy không thể tin vào yêu cầu phi lý của mình.

Cô nửa dẫn, nửa kéo tôi vào giường nơi mẹ cô nằm. Tôi đưa tay sờ vào cơ thể của bà. Tôi bắt đầu tìm bàn tay bà, tìm nó và thử bắt mạch, nhưng mạch không còn đập nữa. Bàn tay rủ xuống nặng nề. Nó lạnh như một sinh thể lạnh khi chết. Binele hình như đã hiểu việc tôi đang làm và giữ yên lặng trong một lúc.

“Sao, sao? Mẹ chết rồi ư?... Mẹ chết rồi!... Mẹ đã bị một cơn đau tim... Giúp tôi với! Giúp tôi với!”

“Tôi có thể làm được gì? Tôi chẳng nhìn thấy gì cả!” Tôi nói với cô, và những lời của tôi dường như cũng không tự tin lắm.

“Giúp tôi với!... Giúp tôi với!... Mẹ ơi!”

“Không có người hàng xóm nào ở trong khu nhà này sao?” Tôi hỏi.

“Có một gã nghiện rượu ở tầng trên...”

“Có lẽ chúng ta có thể mượn diêm của hắn?”

Binele không trả lời. Tôi đột nhiên nhận thấy mình lạnh lắm. Tôi phải mặc cái gì đó nếu không tôi sẽ bị viêm phổi. Tôi run lấy bầy, răng va vào nhau lập cập. Tôi tìm đường đến căn phòng nơi tôi đã ngủ nhưng lại thấy mình ở trong bếp. Tôi quay ra và suýt huých ngã Binele. Cô gần như trần truồng. Vô thức, tôi đặt tay lên ngực cô.

“Mặc cái gì vào đi!” Tôi bảo cô. “Cô sẽ bị cảm lạnh đấy!”

“Tôi không muốn sống! Tôi không muốn sống!... Mẹ không có bốn phận phải đến nhà ga!... Tôi đã cầu xin nhưng mẹ quá bướng bỉnh... Mẹ không có gì để ăn. Mẹ cũng không uống dù chỉ một tách trà... Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi sẽ đi đâu? Ôi, mẹ, mẹ ơi!”

Rồi đột nhiên không gian yên lặng. Binele hắn đã đi lên tầng trên để gõ cửa nhà gã nghiện rượu. Tôi còn lại một mình với cái xác trong bóng tối. Nỗi khiếp sợ mà tôi đã quên từ lâu nay lại chế ngự tôi. Tôi có cảm giác đáng sợ rằng người đàn bà chết đang cố đến gần tôi, để tóm lấy tôi bằng đôi tay lạnh giá, để kéo tôi đến nơi bà ở bây giờ. Rốt cuộc, tôi lại phải chịu trách nhiệm về cái chết của bà. Sự căng thẳng lúc đợi gặp tôi đã giết chết bà. Tôi bắt đầu tiến ra phía cửa như thể sẵn sàng để chạy ào ra phố. Tôi vấp phải một cái ghế, ngã đập gối. Những ngón tay xương xẩu vươn ra phía sau tôi. Trong yên lặng, một quái vật kỳ lạ hét vào tôi. Tai tôi ngân vang tiếng thét và nước bọt tứa ra đầy miệng như thể tôi sắp ngất đi.

Thật kỳ lạ, thay vì ra khỏi nhà, tôi thấy mình trở lại căn phòng đã ngủ. Tôi vấp chân vào cái giường đã bẹp dúm. Tôi cúi xuống nhặt áo khoác lên và mặc vào. Chỉ đến khi ấy tôi mới thấy mình lạnh thế nào và ngôi nhà ấy mới lạnh làm sao. Chiếc áo khoác như một túi băng áp vào cơ thể tôi. Tôi run lên như bị sốt rét. Răng va vào nhau lập cập, chân tôi bủn rủn. Tôi sẵn sàng đánh lui người đàn bà chết kia, chống lại bà ta bằng một trận đấu ra

trò. Tôi cảm thấy tim mình đập nhanh, mạnh, liên hồi. Chẳng có trái tim nào có thể chịu đựng lâu cú sốc kinh hoàng như vậy. Tôi nghĩ rằng khi Binele trở về, thay vì một, cô sẽ thấy hai xác chết.

Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, tiếng bước chân và nhìn thấy ánh đèn. Binele dẫn người hàng xóm ở tầng trên xuống. Cô khoác một chiếc áo choàng của đàn ông trên vai. Người hàng xóm cầm một cây nến đang cháy. Đó là một gã đàn ông to lớn đen đui với mái tóc đen dày và cái mũi dài. Hắn đi chân trần và mặc một chiếc áo choàng tắm bên ngoài pijama. Điều khiến tôi kinh hoàng nhất là bàn chân quá cỡ của hắn. Cầm nến, hắn đến bên giường, cái bóng nhún nhảy sau lưng hắn và rung rinh vắt qua trần nhà tối mờ.

Hắn liếc nhìn người đàn bà và nói với tôi rằng bà ta đã chết. Gương mặt bà đã hoàn toàn biến dạng. Miệng bà trở nên mỏng và hóp vào đến lạ kỳ, đó không phải là miệng nữa mà là một cái hố. Gương mặt vàng ệch, cứng đanh lại, như bằng sáp. Chỉ có mái tóc bạc trông như thể hãy còn sinh khí. Gã hàng xóm lẩm bẩm điều gì đó bằng tiếng Pháp. Hắn cúi xuống người đàn bà và sờ trán. Hắn thốt ra chỉ một từ và Binele lại bắt đầu gào lên rên rĩ. Hắn cố nói với cô, nói với cô điều gì đó nữa, nhưng rõ ràng là cô không hiểu được thứ ngôn ngữ của hắn. Hắn nhún vai, đưa cho tôi cây nến, và đi ra. Tay tôi run đến nỗi không giữ được ngọn lửa nhỏ tròn trĩnh theo các hướng và gần như tắt đi. Tôi rỏ mấy giọt mồ hôi lên tủ quần áo và cắm cây nến vào đó.

Binele bắt đầu giật tóc, buông tiếng khóc than rùng rợn đến mức tôi phải giận dữ hét lên với cô: “Im đi!”

Cô liếc xéo tôi một cái, đầy ngạc nhiên và căm tức rồi trả lời nhẹ nhàng và cảm động: “Trên thế gian này, mẹ là tất cả đối với tôi...”

“Tôi biết, tôi hiểu... Nhưng gào thét thì chẳng có ích gì.”

Câu nói của tôi hình như đã tác động đến cô, đến ý thức của cô. Cô đứng yên lặng bên giường, nhìn mẹ. Tôi đứng đối diện phía bên kia. Tôi nhớ rõ rằng người đàn bà này có cái mũi ngắn; bây giờ nó trở nên dài và có hình

móc câu, cứ như cái chết đã tố cáo một điểm di truyền mà bà đã giữ kín trong suốt cuộc đời. Trán và lông mày bà ta mang những đường nét đàn ông và lạ lẫm. Có lúc sự đau buồn của Binele dường như chuyển thành trạng thái sững sờ. Cô mở to mắt, nhìn chăm chăm, như thể cô không nhận ra cả mẹ mình.

Tôi liếc ra cửa sổ. Đêm có thể dài đến bao lâu, thậm chí là một đêm đông? Phải chăng mặt trời không bao giờ mọc nữa? Có thể đây là khoảnh khắc thảm họa vũ trụ mà David Hume đã vạch ra như một giả thuyết khoa học chẳng? Nhưng những khung cửa kính đã bắt đầu chuyển sang màu xám.

Tôi đến bên cửa sổ và lau ô kính mờ mờ. Màn đêm bên ngoài đang trà trộn với ánh ngày bàng bạc. Những đồng tuyết, những căn nhà nhỏ, những mái nhà; những đường nét ấy của con phố hiện ra trở nên mờ nhạt. Đèn đường chập chờn ở phía xa, nhưng tất cả đều không sáng rõ. Tôi nhướng mắt nhìn lên bầu trời. Một nửa vẫn còn đầy sao; nửa kia hừng sáng lên với ánh bình minh. Trong vài giây, dường như tôi quên hết mọi chuyện đã xảy ra và hoàn toàn đắm chìm trong sự khai sinh của một ngày mới. Tôi thấy những ngôi sao lần lượt biến mất. Những tia đỏ, hồng, vàng băng qua bầu trời, như trong bức tranh của một đứa trẻ.

“Tôi sẽ làm gì bây giờ? Tôi sẽ làm gì bây giờ?” Binele lại bắt đầu gào lên “Tôi sẽ gọi ai? Tôi sẽ đi đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” Và cô òa lên khóc nức nở.

Tôi quay về phía cô. “Giờ thì bác sĩ còn có thể làm được gì nữa?”

“Nhưng cần phải gọi ai đó.”

“Cô không có bà con gì sao?”

“Không. Tôi chẳng có ai trên thế gian này cả.”

“Thế còn những thành viên trong câu lạc bộ diễn thuyết của cô?”

“Họ không sống quanh đây...”

Tôi đi vào phòng mình và bắt đầu mặc quần áo. Quần áo tôi đã lạnh cứng. Bộ comlê của tôi bị ép chặt trước chuyển đi đã nhàu nát. Đôi giày

của tôi trông quē mùa xấu xí. Tôi bắt gặp cái nhìn từ khuôn mặt mình trong gương, và nó làm tôi sững sốt. Nó hóp lại, bần thiũ, xám xì, râu ria lờm chờm. Bên ngoài, tuyết lại bắt đầu rơi.

“Tôi có thể giúp gì cho cô?” Tôi hỏi Binele. “Ở đây tôi là người lạ. Tôi không biết chỗ nào để đi cả.”

“Khổ tôi chưa! Tôi sẽ làm gì với ông đây? Ông là nạn nhân của sự bất hạnh của chúng tôi. Tôi sẽ ra ngoài gọi điện cho cảnh sát, nhưng tôi không thể để mẹ tôi một mình.”

“Tôi sẽ ở lại đây.”

“Ông ư? Mẹ rất yêu quý ông. Bà không bao giờ ngừng nói về ông... Cả ngày hôm qua...”

Tôi ngồi xuống ghế không nhìn người đàn bà chết. Binele đã mặc quần áo. Thường thường, tôi rất sợ phải ở lại một mình với một cái xác. Nhưng tôi nửa ớn lạnh, nửa buồn ngủ. Tôi đã kiệt sức sau một đêm khổ sở. Một nỗi tuyệt vọng sâu sắc bao trùm lấy tôi. Đã lâu, lâu lắm tôi mới phải chứng kiến cái cảnh bất hạnh và bi kịch lớn như thế này. Những năm tháng ở Mỹ của tôi dường như đã bị quét sạch bởi một đêm đó và tôi trở về, cứ như bởi phép thần, để đến những ngày đen tối nhất ở Ba Lan, đến cơn khủng hoảng cay đắng nhất trong đời tôi. Tôi nghe thấy tiếng đóng cửa ở bên ngoài. Binele đã đi. Tôi không thể ngồi lâu hơn trong phòng với người đàn bà chết nữa. Tôi chạy vào bếp. Tôi mở cánh cửa dẫn ra cầu thang. Tôi đứng bên cánh cửa mở như thể sẵn sàng tẩu thoát ngay khi xác chết bắt đầu giờ những mưu mẹo, mà tôi đã kinh hãi từ ngày còn ấu thơ... Tôi thầm nói với bản thân nếu người chết còn cảm nhận được mọi chuyện thì quả là ngu ngốc khi sợ hãi người đàn bà hiền lành này, một người tàn tật, người đã yêu mến tôi suốt khi còn sống và chắc chắn giờ đây cũng không thù hận gì tôi. Nhưng tất cả những nỗi sợ hãi từ thời niên thiếu lại quay về trong tôi. Sườn tôi cảm thấy ớn lạnh, như thể có mấy ngón tay băng giá sờ lên đó. Tim tôi đập mạnh và run rẩy như tiếng tích tắc trong chiếc đồng hồ vỡ... Trong người tôi, tất cả mọi thứ đều căng ra. Một tiếng sột soạt dù nhẹ nhất cũng sẽ làm tôi nhảy bổ xuống cầu thang trong sự kinh hãi. Cánh cửa dẫn ra

đường phố ở tầng dưới có những ô cửa kính nhưng chúng bị sương giá phủ mờ mờ. Ánh sáng vàng vọt chiếu qua chúng như vào lúc hoàng hôn. Sự lạnh lẽo băng giá từ bên dưới tỏa lên. Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng bước chân. Xác chết ư? Tôi muốn chạy, nhưng nhận thấy rằng bước chân đi từ sàn nhà bên trên. Tôi thấy một người nào đó đi xuống. Đó là gã hàng xóm ở tầng trên trên đường đi làm, gã đàn ông to lớn ấy đi đôi ủng cao su và mặc áo khoác có mũ trùm đầu, tay xách chiếc cặp lồng kim loại đựng bữa ăn trưa. Hắn liếc nhìn tôi tò mò và bắt đầu nói với tôi bằng thứ tiếng Pháp-Canada. Thật là tốt khi có người khác để giao tiếp một lát. Tôi gật đầu, diễn tả bằng tay và trả lời hắn bằng tiếng Anh. Hắn cố gắng nhiều lần để nói điều gì đó bằng thứ ngôn ngữ lạ lẫm của mình, như thể tin rằng nếu tôi lắng nghe cẩn thận thì cuối cùng tôi cũng hiểu. Cuối cùng hắn lẩm bẩm điều gì đó rồi khoát tay, đi ra và đóng sầm cửa lại. Bây giờ tôi chỉ còn lại một mình với căn nhà.

Ngộ nhỡ Binele không quay lại? Tôi bắt đầu suy nghĩ vẩn vơ với sự tưởng tượng rằng có lẽ cô bỏ chạy. Có lẽ tôi bị nghi ngờ về tội giết người chẳng? Trên thế giới này việc gì cũng có thể xảy ra. Tôi đứng nhìn chăm chăm ra ngoài cửa. Giờ đây tôi chỉ muốn một điều - quay trở lại New York càng nhanh càng tốt. Căn nhà của tôi, công việc của tôi dường như đã hoàn toàn xa xôi và mơ hồ, giống như những hình ảnh trước khi ăn sâu vào ký ức. Ai hiểu được? Có lẽ toàn bộ cuộc sống của tôi ở New York chẳng hơn gì một ảo giác. Tôi bắt đầu lục soát túi áo ngực... Có phải tôi đã đánh mất hết giấy tờ tùy thân cùng với tập bản thảo. Tôi sờ thấy một mẫu giấy cứng. Đội ơn Chúa, giấy tờ tùy thân của tôi đây rồi. Lẽ ra tôi cũng có thể đánh mất chúng. Những giấy tờ này giờ đây là bằng chứng khẳng định rằng những năm tôi sống ở Mỹ không phải là chuyện bịa.

Đây là ảnh của tôi. Và chữ ký của tôi. Đây là con dấu của chính phủ. Thật ra, đó chỉ là những vật vô tri vô giác, không có sự sống, nhưng chúng tượng trưng cho phẩm chức, ý nghĩa về bốn phận, pháp luật. Tôi đứng trên ngưỡng cửa và lần đầu tiên thực sự đọc những giấy tờ xác nhận tôi là công dân Mỹ. Tôi đọc chăm chú đến nỗi hầu như quên hẳn người đàn bà chết.

Lát sau cửa bên ngoài bật mở và tôi thấy Binele, người phủ đầy tuyết. Cô quàng cái khăn giống như cái mẹ cô đã quàng hôm qua.

“Tôi không thể tìm thấy điện thoại!”

Cô òa lên khóc. Tôi đi xuống chỗ cô, rút nhanh những giấy tờ tùy thân vào lại trong túi. Cuộc sống đã trở lại. Cơn ác mộng dài đã qua. Tôi choàng tay lên người Binele, cô không cố giẫy ra. Tôi bị ướt vì tuyết tan. Chúng tôi đứng giữa đường đi lên cầu thang và khẽ đung đưa người - một nhà văn Do Thái nhờ đường, và một nạn nhân của Hitler và bài thuyết giảng tai hại của tôi. Tôi nhìn thấy một con số xăm trên cổ tay Binele và tôi thầm nói trong đầu: “Binele, tôi sẽ không bỏ rơi cô. Tôi xin thề trước linh hồn mẹ cô...”

Cơ thể Binele bắt đầu lả đi trong tay tôi. Cô mở mắt và thì thầm: “Tại sao mẹ lại làm như thế? Mẹ đã đợi ông đến mà...”

CÁI TÌM ĐƯỢC

Nadine Gordimer (Nam Phi, 1923-?)

Mặc xác chúng mày.

Người đàn ông từng gặp nhiều bất hạnh với đàn bà đã quyết định sống độc thân một thời gian. Vì tình, đã hai lần anh kết hôn. Anh dọn ngôi nhà sạch hết những thứ mà vì lẽ gì đó cô vợ hai tận tâm đã bỏ sót khi rời đi cùng với những món đồ ưa thích hai người cùng thu thập - những bức tranh, cốc hiểm, kể cả mấy chai rượu hảo hạng dưới hầm. Anh vứt bỏ những cuốn sách mà cô vợ đầu tiên đã viết những dòng chữ yêu thương lên tờ ngỏ bằng tên của một cô dâu mới. Rồi anh đi nghỉ không có phụ nữ đi cùng. Bởi lẽ lần đầu tiên anh có thể nhớ; nhưng những cô ả đốn mạt và đi thõa anh nghĩ mình đã yêu ấy hóa ra lại tráo trở hệt như mấy cô vợ trung thực luôn thề thốt yêu thương anh suốt đời.

Anh một mình đến bãi tắm nơi những tảng đá lồi lõm nhô ra biển, sóng vỗ ì oạp tạo thành những hốc nước. Không có cát. Trên những phiến đá tựa chỗ kẹo nấu sôi, có vắn, sọc và lốm đốm, nhiều người - cả phụ nữ - nằm trên những chiếc chiếu bạc muối, xoa dầu thơm lên người. Năm ấy, tóc họ búi cao và được giữ lại bằng những vòng hoa nhân tạo đàn hồi hoặc buông xuống - khi họ bước khỏi mặt nước với chuỗi pha lê bóng loáng trên ngực - từ cái cài mạ vàng có khoen móc vào tai đựng đưa lấp lánh. Ngực để trần. Họ đeo mảnh vải hình tam giác lộn ngược có thể phát sáng trước vùng sinh dục bằng một sợi dây chạy qua kẽ hông nối với dây chạy vòng qua bụng và eo. Từ góc nhìn của anh, khi họ đi xuống biển thì trông họ khóa thân hoàn toàn; rồi khi họ rời khỏi mặt biển, hỗn hển thở với vẻ hài lòng, tiến vào tầm nhìn của anh thì ngực họ đập dềnh, rủ xuống khi họ cúi người,

cười vang trong lúc lau mình, chải tóc và bôi dầu. Cơ thể của vài người được chia ra từng phần rõ như mảnh vải được nhuộm kỹ: những cái sọc, những mảnh trắng hoặc đỏ tùy theo chỗ được quần áo che tránh khỏi sự thiêu đốt của mặt trời. Núm vú của đôi người đỏ ửng như những quả dâu tây, có thể thấy ngay họ đã không chịu bôi dầu. Có cả đàn ông nhưng anh không nhìn đàn ông. Khi anh nhắm mắt, lắng nghe biển thì anh có thể ngửi thấy mùi đàn bà - mùi dầu.

Anh bơi nhiều. Ra tận vùng vịnh phẳng lặng, giữa những người lướt gió dang tay giữ những cánh buồm sắc sỡ hay gần bờ nơi một tấm ván trượt hất tung bọt nước trắng xóa trùm lên đầu anh. Một nhóm các bà mẹ trẻ đưa con vào chỗ nước nông. Da thịt mềm mại, trần truồng áp sát da thịt mẹ chúng, những đứa trẻ bám chặt, sau đó tách ra nhưng dường như chúng vẫn có một phần da thịt đàn bà nơi chúng được hoài thai bởi những đàn ông như anh. Anh nằm phơi khô mình trên tảng đá. Anh thích độ lồi lõm của đá nhưng anh phải cựa quậy điều chỉnh các khớp xương sao cho các đường cong trên cơ thể thoải mái hơn trên mặt đá. Anh ngủ. Anh thức giấc nhìn những cái chân cạo lông đang đi gần đầu anh - đàn bà. Nước từ mái tóc ướt vung vẩy rơi xuống đôi vai ấm áp của anh. Đôi khi anh thấy mình lặn bên dưới họ, thân hình với làn da nhám của anh lướt qua như một chú cá mập.

Như cánh đàn ông thường làm trên bờ khi cô đơn, anh liệng đá xuống biển, nhớ cách giữ chúng nhảy lướt trên mặt nước. Nằm úp mặt xuống những lạch nước nhỏ cuối cùng, anh nhặt một vốc đầy đá biển bóng láng, đưa lại gần và bắt đầu quan sát như thể người lớn dừng lại xem trẻ con tần ngần ngắm một bông hoa, một chiếc lá - một viên đá, với những sọc cát của nó, thành phần màu sắc bí ẩn, độ bóng lánh ẩn chứa bên trong, sự cảm nhận (của chính anh) đã khám phá: hình thù quả trứng hay bầu dục của nó được bàn tay xoa dầu của biển mài nhẵn bóng.

Thật ra, những viên đá ấy không phải tất cả đều là đá. Có những mẫu hình thoi màu hổ phách dẹt mà đại dương cắt ngọc đã đánh bóng từ những chai bia vỡ. Có cả những mẫu thủy tinh xanh da trời và xanh đậm (từ cái chai bị chìm khác) mà có thể chuyển sang màu lục ngọc và màu ngọc lục

bảo. Trẻ con nhặt chúng để vào mũ hoặc vào xô. Rồi một chiều nọ, trong mớ tài sản trộn lẫn với những mẫu nhựa dẻo bị vứt khỏi tàu chở hàng và cả những vật dụng bằng nhựa nổi lềnh bềnh khắp mọi bến bờ trên toàn thế giới, anh tìm thấy giữa những viên đá anh đang gạn trong tay giống như ông thầy tu lần tràng hạt, một vật quý giá thực sự. Giữa những viên cuội thủy tinh màu là một chiếc nhẫn kim cương sapphire. Nó không nằm trên bề mặt bờ biển đá nên rõ ràng là đã không bị một trong số những phụ nữ hôm ấy đánh rơi. Một người yêu, (hay vợ bất hợp pháp) của một quý ông giàu có rớt khỏi thuyền ở ngoài kia, đeo đồ trang sức trong lúc đang cố vứt bỏ những vật vướng khác, hẳn đã để một trong số những chiếc nhẫn tuyệt khỏi tay chìm xuống nước. Mà không hề phát hiện ra mãi cho đến khi lên lại boong thì vội đi tìm chế độ bảo hiểm trong lúc biển cứ kéo chiếc nhẫn chìm xuống sâu, sâu hơn nữa; và rồi thủy triều từ ngày này sang ngày khác, năm này nối năm kia dần dần xô dạt nó vào bờ. Chiếc nhẫn tuyệt đẹp. Mặt sapphire hình chữ nhật rộng được bao quanh bằng những viên kim cương tròn và một viên kim cương lớn được đặt một bên mặt đá sáng nối nó với vòng tròn được chạm sâu.

Mặc dù chiếc nhẫn được mấy ngón tay của anh tình cờ đào lên từ độ sâu chừng một tấc rưỡi nhưng anh vẫn nhìn quanh như thể chủ nhân của nó chắc chắn đang đứng bên cạnh.

Nhưng họ vẫn mãi miết bôi dầu, lau bọt trẻ, nhổ lông mày qua những chiếc gương bé xíu, họ ngồi gác chân, vú uế oải tựa lên cái bàn thấp nơi bọn bồi nhà hàng đã đặt mấy đĩa salad và những chai rượu vang. Anh mang chiếc nhẫn đến nhà hàng; có lẽ ai đó đã kể là bị mất. Chủ nhà hàng bước lùi lại. Bà ta hẳn đang được đề nghị mua món hàng ăn cắp của một kẻ gian lận. Chiếc nhẫn giá trị lắm. Hãy mang nó đến đồn cảnh sát.

Nghi ngờ dấy lên cảnh giác; có lẽ, trong nhà hàng ngoại quốc này, đã có nguyên nhân khiến người ta nghi ngờ. Thậm chí cả cảnh sát. Nếu không có ai nhận chiếc nhẫn thì một quan chức bản địa nào đó sẽ đút túi. Khác nhau là thể đấy - anh đút chiếc nhẫn vào túi hoặc an toàn hơn là vào túi đeo vai

đang đựng tiền, thẻ tín dụng, chìa khóa xe và kính râm. Rồi anh quay lại bãi biển, nằm trên đá, giữa đám đàn bà. Suy nghĩ.

Anh đăng lời nhắn tin trên tờ báo địa phương. Nhắn được tìm thấy trên bãi tắm Blue Horizon, thứ ba, mùng một, kèm theo số điện thoại và số phòng của anh ở khách sạn. Bà chủ nhà hàng nói đúng; có rất nhiều cú điện thoại. Vài cú là của đàn ông nói rằng vợ, mẹ, bạn gái họ đã thật sự mất nhẫn ở bãi tắm ấy. Khi anh đề nghị họ miêu tả, họ thử vận may: một chiếc nhẫn kim cương. Nhưng khi bị buộc miêu tả chi tiết hơn thì họ chỉ có thể nói vòng vo. Nếu là giọng phụ nữ khéo nịnh và tán tỉnh vờ vĩnh (thậm chí đôi người còn sụt sùi) được phát hiện là giọng đàn bà đang điểm luống tuổi thì anh cúp máy ngay khi thị ta cố miêu tả chiếc nhẫn mất của mình. Nhưng nếu giọng ấy quyến rũ và thảnh thơi trẻ trung, dịu dàng kể cả có phần do dự vì sự nói dối táo bạo thì anh mời người ấy đến khách sạn nhận dạng chiếc nhẫn.

Hãy miêu tả nó.

Anh để họ ngồi thoải mái trước ban-công thoáng dang với luồng sáng ngoài biển dò xét nét mặt họ. Duy chỉ một người thuyết phục được anh rằng nàng thực sự đã đánh mất chiếc nhẫn; nàng miêu tả chi tiết rồi bỏ đi sau khi xin lỗi vì đã làm phiền anh. Những người khác - đôi người hấp dẫn hay thậm chí cực kỳ xinh đẹp, ăn vận trang nhã - hẳn đến vì mục đích khác nếu họ không bỏ đi cùng với sự miêu tả bịa đặt về chiếc nhẫn. Họ dường như tính toán chiếc nhẫn là một chiếc nhẫn; nếu có giá trị thì nó phải là nhẫn kim cương và một hoặc hai người tỏ ra thông minh khi xác nhận, vâng, chiếc nhẫn còn có mặt đá quý nhưng nó là đồ gia bảo (của bà) nhưng họ thực sự không biết tên của loại đá đó.

Thế còn màu sắc? hình dáng?

Họ bỏ đi như thể bị xúc phạm; hoặc họ cười ngớ ngẩn như cảm thấy có lỗi, chỉ vì liều mạng mà họ đến thôi, thực là buồn cười. Và họ khó có thể giữ được lịch sự khi bỏ đi.

Rồi có một người mà giọng nói chẳng giống bất kỳ giọng của những người đã gọi, giọng nhã nhặn của ca sĩ, nghệ sĩ, có lẽ, biểu lộ sự nhút nhát. Tôi đã hết hy vọng. Về việc tìm lại nó... chiếc nhẫn của tôi. Nàng đã đọc lời nhắn tin rồi nghĩ, không, không, chẳng ích gì đâu. Nhưng nếu cơ hội là một phần triệu... Anh mời nàng đến khách sạn.

Nàng chắc đã bốn mươi, có vẻ đẹp tự nhiên với đôi mắt phớt xanh, tinh lặng đầy ấn tượng và chẳng cần trang điểm gì cả ngoài mái tóc đen màu lông công. Mái tóc mọc lên từ vùng đầu cao trên cái trán rộng và được búi thành cuộn quanh đầu, bóng mượt như những sợi lông chim mịn màng. Chẳng có lấy một nếp nhăn nào ở khoảng đôi bầu vú và cả mảng thịt da săn chắc nơi vùng cổ của chiếc váy đen như tóc nàng. Bàn tay nàng sinh ra là để đeo nhẫn; nàng ngửa hai lòng bàn tay, xòe rộng các ngón cái và những ngón còn lại: Và khi động tác kết thúc, tôi thấy một tia sáng lóe lên trong dòng nước.

Tả nó đi.

Nàng nhìn thẳng anh, ngẩng đầu để hướng cái nhìn ra xa và bắt đầu nói. Nàng nói rất tỉ mỉ, bạch kim và vàng... anh biết đấy, thật khó miêu tả chính xác một vật mình dùng quá lâu mà lại không còn để ý đến nó. Một chiếc nhẫn kim cương lớn... rất nhiều. Ngọc lục bảo và đá đỏ... ngọc rubi, nhưng tôi nghĩ chúng đã long ra trước khi...

Anh bước lại gần kéo của cái bàn trang điểm kiêm bàn viết của khách sạn và kéo từ dưới những tờ bìa miêu tả nhà hàng, chương trình TV cáp và dịch vụ phòng có sẵn, ra một phong bì. Nhẫn của cô đây, anh nói.

Ánh mắt nàng không đổi. Anh đưa cái phong bì về phía nàng.

Tay nàng chậm chậm lướt về phía anh như thể đang ở dưới nước. Nàng cầm chiếc nhẫn từ tay anh rồi đeo vào ngón giữa tay phải. Nó không vừa nhưng nàng điều chỉnh lại động tác bằng sự thay đổi nhanh nhẹn và chiếc nhẫn trượt khít vào ngón tay thứ ba.

Anh đưa nàng đi ăn tối, chuyện chiếc nhẫn không được đa động gì đến. Thế là lần nữa, nàng trở thành người vợ thứ ba của anh. Hai người sống với

nhau tâm đầu ý hợp hơn bất kì đôi vợ chồng nào khác.

CON RẰN

John Steinbeck (Mỹ, 1902-1968)

Trời sắp tối hắt hắt khi tiến sĩ trẻ Phillips lẳng cái túi lên vai và rời vùng biển. Anh băng qua những tảng đá rồi ì ạch lê đôi ủng cao su trên đường. Đèn đường bật sáng lúc anh về đến phòng thí nghiệm kinh doanh nhỏ của mình trên phố sản xuất đồ hộp ở Monterey. Đây là ngôi nhà khá nhỏ, một nửa chìm chân xuống vịnh và nửa kia thì ở trên đất liền. Hai bên nhà, đồng hồ cá trích lớn bằng thiếc lượn dòn cao lên.

Tiến sĩ Phillips leo lên các bậc cầu thang gỗ và mở cửa. Lũ chuột bạch trong lồng đùa giỡn lên xuống lồng sắt, mấy con mèo nhốt trong cũi mèo đòi sữa. Tiến sĩ Phillips bật ngọn đèn sáng chói trên cái bàn phẫu thuật rồi buông cái túi nhóp nhép xuống sàn. Anh bước đến những chiếc lồng kính cạnh cửa sổ nơi lũ rắn chuông sinh sống và cúi xuống nhìn.

Lũ rắn cuộn mình ngủ trong các góc lồng nhưng mấy cái đầu thì lộ rõ; những đôi mắt đờ đẫn như chẳng nhìn vào điểm nào, nhưng khi người trẻ tuổi cúi xuống lồng thì mấy cái lưỡi chẻ, đầu chóp đen, phía sau hồng, thè ra từ từ vẩy xuống vẩy lên. Khi lũ rắn nhận ra anh, chúng thụt lưỡi lại.

Tiến sĩ Phillips cởi áo khoác da rồi nhóm lửa cái bếp bằng thiếc; anh đặt ấm nước lên bếp, thả vào ấm hộp đậu. Đoạn anh đứng nhìn xuống cái bao trên sàn. Anh hãy còn khá trẻ, ánh mắt bận rộn, mờ mờ thường xuyên nhìn kính hiển vi. Anh để bộ râu ngắn, màu vàng sẫm.

Luồng nhiệt bốc thẳng lên ống khói và hơi ấm tỏa ra từ bếp lò. Những con sóng nhỏ lặng lẽ vỗ vào hàng trụ chống ngôi nhà. Trên các dây giá

trong phòng, hàng núi chai lọ đựng nghèn các mẫu thí nghiệm sinh vật biển xếp tầng tầng lớp lớp lên nhau.

Tiến sĩ Phillips mở cánh cửa hông bước sang phòng ngủ, một căn buồng chứa đầy sách và một chiếc giường ngủ, một ngọn đèn đọc sách và một cái ghế gỗ cà tàng. Anh tháo ủng cao su rồi đi dép lê bằng da cừu. Khi anh trở lại phòng ngoài, nước trong ấm bắt đầu reo.

Anh nhắc cái túi đặt lên bàn dưới ánh đèn nê-ông rồi trút hết hai tá sao biển ra. Anh xếp chúng nằm sát nhau trên bàn. Ánh mắt bận rộn của anh quay sang lũ chuột nhốn nháo trong lồng thép. Lấy ngũ cốc từ túi giấy, anh trút vào máng ăn. Ngay lập tức, lũ chuột lao từ lồng thép xuống chỗ thức ăn. Trên cái giá bằng kính, có một chai sữa để giữa con bạch tuộc nhỏ và một con sứa được gắn vào khung. Tiến sĩ Phillips lấy chai sữa xuống, đến lồng mèo, nhưng trước lúc đổ đầy các ngăn chứa, anh nhẹ nhàng bắt một chú mèo mướp lai to, dài ra. Anh vuốt ve nó một lát rồi thả vào cái hộp sơn đen nhỏ, đóng nắp, chốt lại rồi mở van xả gas ngạt vào. Trong lúc cơn vật vã nhẹ diễn ra trong hộp đen, anh đổ đầy sữa vào ngăn ăn. Một con trong đám mèo cọ vào tay anh, anh mỉm cười và vỗ nhẹ vào cổ nó.

Cái hộp bây giờ yên lặng. Anh khóa van vì cái hộp chắc đã đầy gas.

Trên bếp, nước nổi bong bóng xèo xèo quanh hộp đậu. Tiến sĩ Phillips dùng cái kẹp lớn nhắc cái hộp, mở nắp trút đậu ra cái đĩa thủy tinh. Trong lúc ăn, anh quan sát đám sao biển trên bàn. Giữa các cánh sao, những giọt nước nhỏ màu trắng đục đang tiết ra. Anh ăn đĩa đậu, ăn xong anh để đĩa vào chậu rồi bước đến tủ dụng cụ. Anh lấy từ tủ ra một cái kính hiển vi và cả chồng đĩa thủy tinh nhỏ. Anh mở vòi lần lượt lấy đầy nước biển vào từng cái đĩa rồi xếp thành dãy bên cạnh đám sao biển. Anh tháo đồng hồ đặt lên bàn dưới ngọn đèn nê-ông đang tỏa sáng. Bên dưới sàn nhà, từng đợt sóng nhẹ nhàng vỗ vào hàng cột. Anh lấy từ ngăn kéo ra dụng cụ dùng để đếm mắt và cúi xuống đám sao biển.

Vừa lúc đó, có tiếng chân nhẹ nhàng, bước nhanh lên cầu thang gỗ và có tiếng gõ mạnh vào cửa. Vẻ cau có thoáng hiện lên nét mặt người trẻ tuổi khi anh ra mở cửa. Một phụ nữ cao, gầy đứng trên ngưỡng cửa. Cô vận bộ

đồ đen tuyền, giản dị - mái tóc đen thẳng của cô để mọc thấp xuống cái trán phẳng, bành bồng như thể gió đang lùa vào. Đôi mắt đen của cô lấp lánh ánh nhìn khỏe khoắn.

Cô nói giọng trầm, dịu dàng, “Tôi có thể vào được chứ? Tôi muốn nói chuyện với anh.”

“Lúc này tôi rất bận,” anh nói hờ hững. “Tôi phải làm việc một lúc.” Nhưng anh lại đứng tránh khỏi cửa. Người đàn bà cao bước vào.

“Tôi sẽ giữ im lặng cho đến khi nào anh có thể nói chuyện với tôi.”

Anh đóng cửa rồi vào mang cái ghế cà tàng trong phòng ngủ ra. “Cô thấy đấy,” anh ngỏ lời xin lỗi, “công việc chỉ vừa mới bắt đầu, tôi phải tiếp tục.” Rất nhiều người tò mò đưa ra câu hỏi. Anh có thói quen giải thích những thí nghiệm đơn giản hơn. Anh có thể nói với họ mà không cần suy nghĩ. “Cứ ngồi đây, lát nữa tôi sẽ tiếp chuyện cô.”

Người đàn bà cúi nhìn xuống bàn. Dùng dụng cụ điểm mắt, người trẻ tuổi gom chất dịch giữa các cánh sao của đám sao biển vắt vào chén nước, anh hút ra một ít dịch màu sữa rồi cũng vắt vào cái bát ấy và dùng dụng cụ điểm mắt khuấy nhẹ chén nước. Anh bắt đầu mục giải thích ngắn của mình.

“Khi sao biển đến kỳ sinh sản chúng sẽ tiết tinh trùng và trứng trong lúc nằm phơi mình vào độ thủy triều xuống thấp. Bằng cách chọn các mẫu thí nghiệm đủ độ trưởng thành, đưa chúng lên khỏi nước, tôi sẽ giúp cho chúng ở vào điều kiện thủy triều thấp. Lúc này tôi đã trộn xong trứng với tinh trùng. Bây giờ tôi sẽ cho một ít ra đều trên mười cái đĩa thủy tinh này. Sau mười phút tôi sẽ dùng tinh dầu bạc hà giết hết chỗ trứng trên chiếc đĩa thứ nhất, hai mươi phút sau tôi sẽ giết nhóm thứ hai, rồi cứ đều đặn sau hai mươi phút lại giết một nhóm mới. Rồi tôi sẽ dừng lại một lát để xếp chúng lên những tấm kính đỡ tiêu bản dưới kính hiển vi để nghiên cứu sinh thể của chúng.” Anh dừng lại. “Cô có thích nhìn cái nhóm đầu tiên này dưới kính hiển vi không?”

“Không, cảm ơn anh.”

Anh quay nhanh về phía cô. Mọi người luôn muốn nhìn kính hiển vi. Cô không nhìn xuống bàn mà nhìn anh. Đôi mắt đen của cô rọi thẳng vào anh nhưng chúng như thể không nhìn anh. Anh hiểu được nguyên nhân - tròng đen đen như con người, không có đường phân màu giữa chúng. Tiến sĩ Phillips tự ái bởi câu trả lời của cô. Mặc dù chẳng hào hứng khi phải trả lời câu hỏi nhưng thái độ thiếu quan tâm đến việc anh đang làm đã khiến anh bực bội. Ước muốn lôi cuốn cô trở dậy trong anh.

“Trong lúc chờ đợi mười phút tôi phải làm một số việc. Có lẽ tốt hơn là cô nên bước sang phòng bên đợi cho đến khi tôi kết thúc.”

“Không,” nàng nói khẽ bằng giọng đều đều. “Cứ làm những gì anh muốn. Tôi sẽ đợi cho đến lúc anh có thể nói chuyện với tôi.” Hai bàn tay của cô đặt kề nhau trong lòng. Cô hoàn toàn thư thái. Mắt cô sáng nhưng toàn bộ cơ thể cô dường như đang ở trong trạng thái lơ đãng. Anh nghĩ, “tốc độ chuyển hóa chậm, gần như chậm bằng ở ếch, mấy cái mẫu thí nghiệm này.” Và ước muốn kéo cô ra khỏi trạng thái phiêu lãng ấy lại trở dậy trong anh.

Anh xách cái giá gỗ nhỏ đến bàn, lấy ra con dao giải phẫu, cái kéo và nổi cây kim tiêm lớn vào cái ống áp suất. Đoạn anh lấy từ trong ngăn hơi ngạt con mèo chết ra đặt nằm trên giá rồi buộc chân nó vào mấy cái móc xung quanh. Anh liếc nhìn sang người đàn bà. Cô không cử động, cô vẫn trong trạng thái nghỉ ngơi.

Con mèo nhe răng trong ánh đèn, cái lưỡi hồng của nó thè qua mấy cái răng nanh. Tiến sĩ Phillips khéo léo cắt mở mảng da nơi cổ họng rồi dùng dao lách sâu vào tìm động mạch. Bằng kỹ thuật điều luyện anh đâm kim vào rồi buộc lại. “Chất dịch ướp xác,” anh giải thích. “Lát nữa tôi sẽ tiêm phần màu vàng vào hệ thống tĩnh mạch, phần màu đỏ vào hệ thống động mạch - để phân tích tỉ mỉ mạch máu - thành các lớp sinh thể.”

Anh lại quay nhìn cô. Đôi mắt đen của cô dường như phủ lớp màng mờ. Cô dừng dừng nhìn cái cổ họng bị mổ phanh ra của con mèo. Không một giọt máu nào vương ra cả. Vết rạch sạch sẽ. Tiến sĩ Phillips nhìn đồng hồ.

“Đã đến lúc xử lý nhóm thứ nhất.” Anh vẩy mấy giọt tinh dầu bạc hà vào miếng thủy tinh quan sát thứ nhất.

Người đàn bà đang làm anh căng thẳng. Lũ chuột lại leo loạn xạ khắp lồng, khê kê chút chút. Những con sóng dưới ngôi nhà vẫn vỗ đều vào các cột trụ.

Người trẻ tuổi rùng mình. Anh cho thêm ít than vào lò, đoạn ngồi xuống. “Bây giờ,” anh nói. “Tôi rảnh được hai mươi phút.” Anh để ý thấy cái cằm ngắn của cô ta dưới đôi môi. Cô như thể từ từ tỉnh lại từ thăm sâu của cõi vô thức. Đầu cô ngẩng lên, đôi mắt đen mờ nhìn khắp phòng rồi dừng lại chỗ anh.

“Tôi đang đợi,” cô nói. Tay cô vẫn để nguyên trong lòng. “Ông có răn chứ?”

“Sao, có,” anh đáp hơi lớn. “Tôi có chừng hai tá răn chuông. Tôi lấy nọc và mang bán cho các phòng thí nghiệm chống nọc độc.”

Vẫn tiếp tục nhìn anh nhưng mắt cô không tập trung mà như thể đang bọc lấy anh, như thể nhìn cả vòng tròn lớn bao quanh anh. “Ông có răn được chứ, một con răn chuông được?”

“Có, tôi nghĩ chắc là tôi có. Sáng nọ, tôi vào và thấy một con răn lớn đang... đang giao phối với một con nhỏ hơn. Việc đó rất hiếm khi xảy ra trong tình trạng nuôi nhốt. Cô hiểu chứ, tôi chắc là tôi có một con được.”

“Nó ở đâu?”

“Sao, ngay trong cái lồng kính cạnh cửa sổ kia kìa.”

Đầu cô từ từ quay lại nhưng đôi tay nằm yên thì vẫn không nhúc nhích. Cô lại quay về phía anh. “Tôi xem được chứ?”

Anh đứng dậy, đi đến cái lồng bên cửa sổ. Trên đáy cát, đàn răn chuông cuộn thành búi nhưng đầu chúng nhô ra ngoài. Mấy cái lưỡi thè ra, chớp chớp một lúc rồi vẩy lên vẩy xuống dò tìm sự rung động trong không khí. Tiến sĩ Phillips giật mình quay đầu lại. Người đàn bà đang đứng bên anh. Anh đã không nghe tiếng cô đứng dậy khỏi ghế. Anh chỉ nghe tiếng sóng tấp vào những cột trụ và tiếng lũ chuột chạy đùa giỡn trên tấm lưới thép.

Cô khẽ nói, “Con đực ông bảo đâu rồi?”

Anh chỉ con rắn mập, mốc xám đang nằm riêng trong góc lồng. “Con kia kìa. Nó dài gần một mét rưỡi. Nó từ Texas đến. Những con rắn trên bờ Thái Bình Dương của ta thường nhỏ hơn. Nó cũng luôn chiếm hết phần chuột. Khi muốn cho những con khác ăn thì tôi phải bắt nó ra.”

Người đàn bà nhìn chăm chăm vào cái đầu khô ngấn của con rắn. Cái lưỡi chẻ thè ra vung vẩy hồi lâu. “Ông có chắc nó là rắn đực không?”

“Lũ rắn chuông thì rất buồn cười,” anh nói liền thoảng. “Hầu hết những lời khẳng định đều sai. Tôi không muốn quả quyết điều gì về chúng cả, nhưng - vâng - tôi có thể quả quyết nó là rắn đực.”

Mắt cô không rời khỏi cái đầu bẹt. “Ông bán nó cho tôi được không?”

“Bán nó?” anh kêu lên. “Bán nó cho cô?”

“Ông bán các mẫu vật, đúng không?”

“Ồ - vâng. Dĩ nhiên là thế. Dĩ nhiên là thế.”

“Bao nhiêu đây? Năm đô la? Mười?”

“Ồ! Không nhiều hơn năm. Nhưng - cô có hiểu biết gì về rắn chuông chưa? Cô có thể bị cắn.”

Cô nhìn anh một lúc. “Tôi không có ý định mang nó đi. Tôi muốn để nó lại đây, nhưng - tôi muốn nó thuộc về tôi. Tôi muốn đến đây, nhìn, cho nó ăn và biết nó là của tôi.” Cô mở cái ví nhỏ lấy ra tờ giấy bạc năm đôla. “Đây này! Bây giờ nó thuộc về tôi.”

Tiến sĩ Phillips bắt đầu lo sợ. “Cô có thể đến nhìn nó mà không cần sờ hữu.”

“Tôi muốn nó thuộc về tôi.”

“Ôi, lạy Chúa!” anh thốt lên. “Tôi quên khuấy thời gian cả rồi.” Anh chạy lại bàn. “Đã quá ba phút. Cũng chẳng sao.” Anh vẩy mấy giọt tinh dầu bạc hà vào đĩa thứ hai. Rồi anh quay lại lồng nơi người đàn bà vẫn nhìn như dán mắt vào con rắn.

Cô hỏi, “Nó ăn gì?”

“Tôi nuôi chúng bằng chuột bạch, ở cái lồng kia kia.”

“Ông cho nó sang chiếc lồng khác có được không? Tôi muốn cho nó ăn.”

“Nhưng nó chưa cần ăn. Tuần này nó đã ăn chuột rồi. Đôi khi chúng nhịn ăn cả ba, bốn tháng. Tôi có một con đã nhịn ăn hơn năm nay.”

Hạ trầm giọng hơn, cô hỏi, “Ông vui lòng bán cho tôi con chuột?”

Anh nhún vai. “Tôi hiểu. Cô muốn xem cách rắn chuông ăn. Được thôi. Tôi sẽ cho cô xem. Mỗi con chuột giá hai mươi lăm xu. Hẳn sẽ hấp dẫn hơn một trận đấu bò nếu cô nhìn theo cách này hoặc đơn giản chỉ là việc con rắn xơi bữa tối nếu cô nhìn theo cách khác.” Giọng anh trở nên khang khác. Anh ghét những người mang quy luật sinh tồn của tự nhiên ra làm trò thể thao giải trí. Anh không phải là nhà thể thao mà là nhà sinh vật học. Vì khoa học, anh có thể giết hàng ngàn thú vật nhưng sẽ không hại dẫu chỉ là một con côn trùng vì mục đích giải trí. Từ trước tới nay, anh luôn tâm niệm như thế.

Cô chậm chậm quay đầu về phía anh và hé nở nụ cười trên đôi môi mỏng. “Tôi muốn cho con rắn tôi ăn,” cô nói. “Tôi sẽ đưa nó sang lồng khác.” Cô mở cửa, thò tay vào trước khi anh hiểu cô định làm gì. Anh chồm tới kéo cô lùi lại. Nắp lồng đóng mạnh xuống.

“Cô không điên đấy chứ,” anh nói giận dữ. “Có thể nó không giết chết cô, nhưng nó có thể làm cô đau đớn vật vã bất kể những gì tôi có thể làm cho cô.”

“Vậy thì nhờ ông chuyển hộ nó sang lồng khác,” cô nói dịu dàng.

Tiến sĩ Phillips dậm chốt dạ. Anh thấy mình đang tránh nhìn cặp mắt đen mà dường như chẳng chú mục vào bất cứ cái gì cả. Anh cảm thấy rất đổi sai lầm khi thả một con chuột vào lồng rắn, tội lỗi thật sự; nhưng anh chẳng thể nào hiểu được nguyên do. Anh vẫn thường thả chuột vào lồng khi có ai đó muốn xem, nhưng tối nay, điều mong muốn đó lại làm anh khổ sở. Anh cố tìm lời giải thích.

“Đây là điều đáng để xem,” anh nói. “Nó cho cô biết cách con rắn hành động. Nó tạo cho cô cảm giác ngưỡng mộ trước loài rắn chuông. Nhưng đã

có rất nhiều người mơ những cơn ác mộng về việc giết chóc của lũ rắn ấy. Tôi chắc bởi lẽ nguyên do là tại ấn tượng chủ quan. Con người cứ ngỡ mình là chuột. Một khi họ nhận thấy toàn bộ vấn đề chỉ phụ thuộc vào quan niệm, thì con chuột chỉ là con chuột và nỗi kinh hoàng sẽ được tháo gỡ.”

Anh lấy từ trên tường xuống cây gậy có đính cái thông lọng da. Anh mở chốt, tròng thông lọng vào đầu con rắn lớn rồi siết dây lại. Con rắn chuông điên tiết lồng lộn trong lồng. Cơ thể nung núc của nó quăn chặt cán gậy khi anh nhấc ra chuyển sang lồng ăn. Nó đứng ở tư thế sẵn sàng tấn công một lúc, nhưng tiếng phun phì phì giảm dần. Con rắn bò vào góc, cuộn thành tám vòng lớn rồi nằm yên.

“Cô thấy đấy,” người đàn ông trẻ tuổi giải thích, “loài rắn này rất nóng tính. Tôi làm quen với chúng đã lâu. Tôi nghĩ tôi có thể điều khiển chúng nếu tôi muốn nhưng bất cứ ai đùa với rắn chuông thì chẳng chóng thì chầy cũng đều bị rắn cắn. Tôi chỉ không muốn nhận một cú như thế.” Anh liếc nhìn người đàn bà. Anh không thích thả chuột vào. Cô đã chuyển đến đứng trước cái lồng mới, đôi mắt đen của cô lại dán vào cái đầu rắn như đá của con rắn.

Cô nói, “Thả chuột vào đi.”

Anh miễn cưỡng bước đến lồng chuột. Vì nhẽ gì đó mà anh lại cảm thấy xót thương cho con chuột và kiểu tình cảm ấy thì trước đây chưa bao giờ dấy lên trong anh. Mắt anh nhìn lướt qua đám thân hình trắng muốt đang chen chúc leo lên lưới sắt chạy về phía anh. “Con nào đây?” anh thầm nghĩ. “Con nào sẽ nộp mạng đây?” Đột nhiên anh giận dữ quay về phía người đàn bà. “Sao cô không đề nghị tôi thả mèo vào? Để cô có thể chứng kiến một trận kịch chiến thực sự. Con mèo cũng có cơ hội chiến thắng, nhưng nếu thắng thì chắc nó sẽ giết chết con rắn. Tôi sẽ bán cho cô một con mèo nếu cô muốn.”

Cô không nhìn anh. “Thả chuột vào đi,” cô nói. “Tôi muốn con rắn được ăn.”

Anh mở lồng chuột, thò tay vào. Tay anh sờ thấy cái đuôi rồi anh nhấc một chú chuột mắt hồng, tròn trĩnh ra khỏi lồng. Nó vùng vẫy cố đớp tay anh nhưng không thể nên cứ thuôn người ra bất động. Anh bước nhanh qua phòng, mở lồng cho ăn rồi thả con chuột xuống sàn cát. “Này, nhìn đi,” anh nói lớn.

Người đàn bà không trả lời. Mắt cô vẫn mãi nhìn con rắn ở nơi nó nằm im. Lưỡi nó lè ra thụt vào rất nhanh, đánh hơi không khí trong lồng.

Con chuột đứng dậy, quay lại ngửi ngửi cái đuôi hồng xước da của nó rồi vừa đánh hơi vừa lon ton băng qua sàn cát. Căn phòng lặng yên. Tiến sĩ Phillips không biết tiếng nước thở dài giữa hàng trụ hay tiếng thở dài ấy là của người đàn bà. Liếc nhìn, anh thấy cô ta thu cứng mình lại.

Con rắn uyển chuyển, chậm chậm trườn ra. Cái lưỡi thè ra thụt vào. Sự di động đều đều, nhẹ nhàng đến nỗi ngỡ như nó chẳng hề di chuyển. Ở đằng kia lồng, con chuột ngồi bệt hai chân sau và liếm liếm mảng lông trắng mịn trước ngực. Con rắn trườn tới, luôn giữ cổ vươn cao hình chữ S.

Sự im lặng bao trùm lên người đàn ông trẻ. Anh cảm tưởng như thể máu đang nghẽn lại trong người. Anh nói lớn, “Nhìn kìa! Nó sẵn sàng mổ. Rắn chuông thận trọng và nhút nhát vào bậc nhất. Cơ thể cấu trúc tinh xảo. Bữa tối của con rắn được thực hiện khéo léo như thể công việc của một nhà phẫu thuật. Nhạc cụ của nó chẳng ích lợi gì.”

Bây giờ, con rắn đã bò đến giữa chuồng. Con chuột nhìn lên, thấy con rắn rồi bình thản cúi xuống liếm ngực.

“Nó là tạo vật xinh đẹp nhất thế giới,” người đàn ông trẻ nói. Mạch máu của anh đang đập mạnh. “Và nó cũng là tạo vật khủng khiếp nhất thế giới.”

Lúc này con rắn đã đến gần. Đầu nó nhấc cao khỏi sàn cát vài phân. Cái đầu ấy chậm chậm đong đưa tới lui, nhằm đến mục tiêu, đo khoảng cách, nhằm đến mục tiêu. Tiến sĩ Phillips lại liếc nhìn người đàn bà. Anh trở nên khó chịu. Cô ta cũng đang gật gù, không mạnh, chỉ vừa đủ để tán thưởng.

Con chuột nhìn lên và thấy con rắn. Nó buông chân nhõm dậy và rồi - như thể một cú đánh. Khó có thể nhìn thấy, đơn giản bởi nhanh như một tia

chớp. Con chuột rít lên như thể vừa nhận một cú đấm vô hình. Con rắn trườn nhanh vào lại cái góc nơi nó đã đến, nằm yên, lưỡi nó liên tục hoạt động.

“Tuyệt!” tiến sĩ Phillips thốt lên. “Ngay giữa xương vai. Hàm răng chắc đã cắn trúng tim.”

Con chuột đứng yên, thờ như thể một cái ống bể trắng nhỏ. Đột nhiên nó phóng lên cao rồi rơi nghiêng người xuống. Chân nó đập loạn xạ trong vòng một giây rồi lăn ra chết.

Người đàn bà buông chùng cơ thể, buông chùng với vẻ ngái ngủ.

“Này,” người đàn ông trẻ hỏi, “Đấy là sự tẩy rửa cảm xúc, có phải không?”

Cô quay đôi mắt đục mờ về phía anh. “Nó sẽ ăn con chuột ngay chứ?” cô hỏi.

“Dĩ nhiên nó sẽ ăn. Nó không giết con chuột chỉ để đùa chơi. Nó giết con mồi vì nó đói.”

Hai khóe miệng của người đàn bà lại nhếch lên. Cô quay nhìn lại con rắn. “Tôi muốn xem nó ăn.”

Bây giờ con rắn lại bò ra khỏi góc của nó. Không còn đường cong uốn cong nơi cổ nó, nhưng nó tiếp cận với vẻ dè dặt, sẵn sàng nhảy lùi lại nếu bị tấn công. Nó dùng cái mũi cùn hích nhẹ vào cái xác rồi kéo đi. Hải lòng bởi con chuột đã chết, con rắn dùng cằm rà suốt từ đầu đến đuôi con chuột. Nó dường như đo cái xác trước lúc nuốt. Cuối cùng nó há ngoác mồm đến tận mang.

Tiến sĩ Phillips cố kìm ước muốn quay nhìn người đàn bà. Anh nghĩ, “Nếu cô ta há mồm thì mình cũng đến phát ốm lên mất. Mình sẽ phát khiếp.” Anh đã thành công trong việc cố cường lại cái liếc nhìn.

Con rắn ngoạm đầu con chuột rồi từ từ kéo nuốt. Hàm răng đóng lại, cả cổ họng vồng lên, rồi hàm răng khép lại.

Tiến sĩ Phillips quay lại bàn làm việc. “Cô khiến tôi để nhờ một đĩa trong xêri này rồi,” anh nói cay đắng. “Cuộc thí nghiệm sẽ không hoàn thành.” Anh đặt một trong những tấm kính quan sát vào dưới kính hiển vi để ở mức thấp, nhìn rồi cúi kính trút hết mọi thứ trong chồng đĩa vào chậu. Sóng lặng yên đến nỗi chỉ có tiếng thì thầm ẩm ướt vọng qua sàn nhà. Người trẻ tuổi nhấc cái chốt cửa dưới chân, thả đám sao biển xuống làn nước đen. Anh dừng lại chỗ con mèo, như thể bị đóng đinh trên giá gỗ, đang nhìn nhỏ cười khổ sở dưới ánh đèn. Xác nó căng phồng lên bởi chất dịch ướp xác. Anh mở dây buộc, tháo kim ra rồi cột mạch máu lại.

“Cô dùng chút cà phê chứ?” anh hỏi.

“Không, cảm ơn ông. Tôi sẽ đi ngay bây giờ.”

Anh bước đến chỗ cô đang ngồi phía trước lồng rắn. Con chuột đã bị nuốt gần hết, chỉ trừ mẩu đuôi ngắn thò khỏi miệng rắn trông như thể một cái lưỡi đang thè ra giễu cợt. Cái cổ lại rướn lên, chiếc đuôi biến mất. Hai hàm răng lại khớp lại trong khoang miệng, con rắn lớn ịch trườn vào góc, cuộn thành tám vòng lớn rồi chuỗi đầu trên nền cát.

“Nó ngủ rồi,” người đàn bà nói. “Tôi đi đây. Nhưng tôi sẽ quay lại để thỉnh thoảng cho con rắn của tôi ăn. Tôi sẽ trả tiền chuột. Tôi muốn nó được ăn nhiều chuột. Và thỉnh thoảng - tôi sẽ đưa nó đi cùng.” Mắt cô thoát khỏi trạng thái mơ màng một lúc. “Nhớ đấy nhé, nó là của tôi. Đừng lấy nọc nó. Tôi muốn nó có nọc. Chào ông.” Cô bước nhanh đến cửa, đi ra. Anh nghe thấy tiếng chân cô trên cầu thang, nhưng anh không thể nghe nữa khi cô đã rời xa trên lề đường.

Tiến sĩ Phillips quay ghế lại ngồi trước lồng rắn. Anh cố định hình ý tưởng khi nhìn con rắn đờ đẫn. “Mình đã đọc nhiều về những biểu tượng tâm lý giới tính,” anh nghĩ. “Chuyện này dường như chưa được giải thích. Có lẽ tại mình quá cô độc. Có lẽ mình nên giết con rắn. Nếu mình biết... không, mình không thể cầu nguyện cho bất kỳ thứ gì.”

Suốt nhiều tuần, anh hy vọng cô quay lại. “Mình sẽ ra ngoài và mặc xác cô ta ở trong nhà khi cô đến,” anh quyết định. “Mình không muốn chứng

kiến điều tồi tệ ấy thêm lần nữa.”

Nhưng cô chẳng bao giờ đến nữa. Anh để ý tìm cô suốt mấy tháng nay mỗi khi ra phố. Nhiều lần anh đuổi theo những người phụ nữ cao nào đó bởi ngỡ đó là cô. Nhưng anh chẳng bao giờ gặp lại cô lần nữa - chẳng bao giờ.

CON TIM MÁCH BẢO

Edgar Allan Poe (Mĩ, 1809-1849)

Đúng! - căng thẳng - rất căng thẳng, tôi căng thẳng đến phát chết lên được và tôi; nhưng bạn sẽ nghĩ tôi điên chứ gì? Căn bệnh đã mài sắc giác quan tôi - không hủy hoại - không làm cùn đi. Nhạy hơn tất cả là thính giác. Tôi nghe đủ mọi chuyện trên trời dưới đất. Tôi còn nghe cả những chuyện dưới âm phủ nữa. Vậy thì làm sao mà tôi điên được cơ chứ? Nghe này! và hãy chứng kiến sự lạnh mạnh - tinh táo trong toàn bộ câu chuyện tôi sắp kể cho bạn đây.

Thoạt tiên, khó có thể nói ý tưởng ấy len vào đầu tôi bằng cách nào; nhưng một khi đã hiển hiện thì nó ám ảnh tôi suốt ngày lẫn đêm. Không có chút mục đích nào. Chút tình cảm say đắm cũng không. Tôi yêu một ông lão. Lão chưa hề làm bất cứ điều gì sai trái với tôi. Lão chưa bao giờ sỉ nhục tôi. Vàng của lão tôi cũng không màng. Tôi nghĩ đấy là tại con mắt lão! Đúng, đúng là nó rồi! Một con mắt của lão giống mắt của loài kên kên - con mắt màu xanh nhạt, mang cả cuốn phim trong đó. Bất cứ lúc nào con mắt ấy nhìn tôi, máu trong người tôi lạnh ngắt; và thế là dần dà từng tí một - rất từ từ - tôi hình thành ý tưởng lấy đi mạng sống của lão và có thể thì cuộc đời tôi mới vĩnh viễn thoát khỏi con mắt kia.

Bây giờ vấn đề là ở đây. Bạn muốn cho là tôi điên. Người điên thì chẳng biết gì cả. Nhưng bạn nên nhìn tôi. Bạn nên thấy cách thức khôn ngoan mà tôi tiến hành ra sao - vì việc lớn ấy - với sự tiên liệu - với khả năng che giấu khi tôi bắt tay hành động. Suốt cả tuần lễ trước khi giết lão tôi chẳng tử tế gì hơn. Rồi hăng đêm, vào lúc nửa đêm, tôi đẩy chốt cửa phòng lão và mở ra - ồ, thật nhẹ nhàng! Và rồi, khi tôi hé mở khoảng trống vừa lọt đầu mình,

tôi đưa cái đèn lồng tối đen vào, tắt cả đóng kín, đóng kín, để không cho một tia sáng nào rò ra, sau đó tôi mới thò đầu vào. Ồ, hân bạn sẽ buồn cười khi thấy cái cách tôi thò đầu vào mới khéo léo làm sao! Tôi di chuyển chậm chậm - rất chậm, để không phá giấc ngủ của lão. Phải mất cả tiếng đồng hồ tôi mới đút xong đầu qua khe hở đủ để có thể nhìn thấy lão đang nằm trên giường. Ha! - liệu một người điên có thể khôn ngoan đến thế không? Và rồi khi cái đầu đã lọt hẳn vào trong phòng, tôi tháo dây đèn cẩn thận - ồ, rất cẩn thận - cẩn thận (vì bản lề kêu cọt két) - tôi mở đèn nhỏ đến nỗi chỉ có một tia sáng yếu ớt rọi lên con mắt kên kên kia. Tôi đã làm việc này suốt bảy đêm - mỗi lần bắt đầu từ nửa đêm - nhưng tôi thấy con mắt ấy luôn nhắm; vậy là nó không có khả năng hoạt động; bởi vì ông lão không phải là người làm tôi bức mình, chỉ tại Con Mắt Xấu Xa của lão thôi. Mỗi buổi sáng, khi ngày hé rạng, tôi bình thản bước vào phòng, nói chuyện tự nhiên với lão; tôi gọi tên lão bằng giọng trù mẩn và hỏi lão đã qua đêm như thế nào. Vậy nên bạn sẽ thấy hân lão thực sự là người rất thông thái thì mới có thể nghi ngờ rằng hằng đêm, vào lúc mười hai giờ, tôi nhìn lão trong lúc lão ngủ.

Vào đêm thứ tám, tôi thận trọng hơn khi mở cửa. Kim phút của đồng hồ di chuyển nhanh hơn cả tay tôi. Trước đêm nay, chưa bao giờ tôi cảm thấy hết sức mạnh và sự sáng suốt của mình. Tôi khó có thể ngăn được cảm giác chiến thắng. Tôi nghĩ điều đó trong lúc mở cánh cửa, từng tí một, và lão thậm chí có mơ cũng không biết được hành động hay suy nghĩ bí mật của tôi. Tôi khoái trá cười thầm với ý tưởng đó; rồi có lẽ lão nghe tiếng tôi, bởi đột nhiên lão dịch người trên giường như thể giật mình. Đến đây, chắc bạn nghĩ là tôi rút lui - dừng hòng- Phòng lão tối đen như hắc ín (vì cửa chớp được đóng chặt do sợ trộm), vậy nên tôi biết lão không thể nhìn thấy cánh cửa bị mở và tôi tiếp tục cứ từ từ mở cửa.

Tôi thò đầu vào và chuẩn bị tháo đèn ra, khi ngón tay cái của tôi sờ trên sợi dây thép buộc đèn thì ông lão ngồi bật dậy trên giường, quát lớn - “Ai đó?”

Tôi đứng im, không nói. Suốt cả tiếng đồng hồ, tôi không nhúc nhích tí nào, trong khoảng thời gian ấy, tôi không nghe lão nằm xuống. Lão vẫn

ngồi yên trên giường, lắng nghe; - như tôi vẫn làm từ đêm này sang đêm khác, lắng nghe thần chết lớn vờn trên tường.

Lúc đó tôi nghe một tiếng rên nhỏ, tôi biết đấy là tiếng rên từ nỗi kinh hoàng của con người. Đấy không phải là lời than vãn từ nỗi đau hay sự tiếc nuối - ồ, không! đấy là âm thanh trầm, ngọt ngào phát ra từ đáy sâu linh hồn đã chịu quá đổi lo âu. Tôi biết rõ thứ âm thanh này. Nhiều đêm, đúng nửa khuya, khi cả thế giới ngủ say, âm thanh ấy trỗi lên từ thẳm sâu lồng ngực tôi bằng âm vang chết chóc, nỗi khủng khiếp đầy dọa tôi. Tôi bảo là tôi biết rõ cái tiếng ấy mà. Tôi biết những gì ông lão cảm nhận và thấy thương lão, dẫu cho tận đáy lòng tôi thấy thật buồn cười. Tôi biết lão đã thức giấc từ lúc tiếng động nhẹ đầu tiên phát ra khi lão trở người trên giường. Từ lúc đó, nỗi sợ hãi trong lão không ngừng lớn lên. Lão cố trấn an bằng cách không thêm để ý, nhưng đâu có được. Hẳn lão đang thầm nhủ - “Chẳng có gì đâu, chỉ là gió thổi trong ống khói - chỉ là con chuột chạy trên sàn”, hay “đấy chỉ là chú dế mèn cất tiếng kêu đơn độc”. Phải, lão đang cố trấn an mình bằng những giả thuyết ấy; nhưng lão nhận ra tất cả đều vô vọng. Tất cả đều vô vọng; bởi thần chết, ngật ngưỡng trong cái bóng đen đang tiến đến trước lão và bao trùm lên nạn nhân. Chính sự tác động của cái bóng vô hình ấy đã khiến lão cảm nhận - mặc dù lão không hề nhìn thấy hoặc nghe thấy - được sự hiện diện của cái đầu tôi trong phòng.

Sau khi đợi một lúc lâu, rất kiên nhẫn mà không nghe lão nằm xuống, tôi quyết định hé mở cây đèn lồng một tí, rất nhỏ, rất nhỏ. Thế rồi tôi mở ra - bạn không thể tưởng tượng là chậm rãi làm sao - cho đến khi khe hở vừa đủ cho một tia sáng mờ côi cút, giống một sợi tơ nhện, rọi từ khe hở vào con mắt kên kên kia.

Con mắt ấy mở - lớn, mở lớn - và trong tôi cơn giận trỗi dậy khi tôi nhìn nó. Tôi thấy sự khác biệt hoàn toàn của nó - tất cả là một màu xanh nhờ với lớp màn ma quái phủ lên làm tôi ớn lạnh đến từng đốt xương; nhưng tôi không thể nhìn thấy bộ phận nào khác trên khuôn mặt hay cơ thể của ông lão; bởi vì như thế bản năng chỉ lối tôi đã chiếu thẳng tia sáng vào đúng cái nơi đáng nguyên rủa ấy.

Này, chẳng phải là tôi đã nói cho bạn biết điều bạn sai lầm khi nghĩ điên rồ chính là sự tinh nhạy của các giác quan đó sao? - giờ thì tôi kể tiếp đây, có một âm thanh trầm, đục, ập đến nhanh như kiểu âm thanh của cái đồng hồ bọc trong bông. Tôi cũng biết thứ âm thanh đó. Đây là nhịp đập của con tim ông lão. Âm thanh ấy càng làm tôi điên tiết hơn, nghe như thể nhịp trống cổ vũ binh lính xung trận.

Nhưng dầu sao thì tôi cũng cố kiềm chế và đứng im. Tôi khó thở, và giữ cây đèn bất động. Tôi cố đứng thật vững để rọi tia sáng vào con mắt kia. Trong khi đó, sự gõ nhịp ma quái của con tim kia không ngừng tăng lên. Mỗi lúc nó càng gõ nhanh hơn, nhanh hơn; lớn hơn và lớn hơn. Nỗi kinh hoàng của ông lão hẳn đã lên đến tột độ! Nhịp tim nhanh hơn, ý tôi là mỗi lúc một nhanh hơn! - Bạn có hiểu rõ tôi không? Tôi đã bảo với bạn rằng tôi căng thẳng; tôi đang là thế đấy. Và giờ đây, vào cái giờ chết chóc của đêm đen, giữa cái câm lặng rợn người của ngôi nhà cổ ấy, thứ âm thanh kỳ lạ như thế đã khuấy động trong tôi nỗi kinh hoàng không thể chế ngự. Nhưng vài phút sau, tôi vẫn cố chịu đựng và đứng yên. Nhưng nhịp đập cứ lớn hơn, lớn hơn! Tôi nghĩ trái tim ấy chắc nổ tung ra mất. Và bây giờ nỗi lo âu mới đang cầm giữ tôi - hàng xóm chắc sẽ nghe được âm thanh ấy! Giờ của lão đã điểm! Cất tiếng hét lớn, tôi quăng mạnh cây đèn, nhảy vào phòng. Lão cất tiếng hét - chỉ một tiếng duy nhất. Chớp mắt, tôi đã lôi tuột lão xuống sàn rồi kéo cái giường nặng nề lên lão. Đến lúc ấy, tôi mỉm cười mãn nguyện khi thấy ý định đến nay đã được thực hiện. Nhưng nhiều phút sau, trái tim vẫn đập với tiếng nghèn nghẹn ấy. Dĩ nhiên điều này không làm tôi bức bối, nó không thể vọng ra khỏi bức tường. Mãi lúc sau nó dừng lại. Ông lão đã chết. Tôi đẩy cái giường và kiểm tra xác chết. Phải, lão chết, chết thẳng cẳng. Tôi đặt bàn tay lên chỗ trái tim và để yên một lát. Không còn nhịp đập. Lão đã chết thẳng cẳng. Con mắt của lão sẽ không còn gây phiền toái gì cho tôi nữa.

Nếu bạn vẫn nghĩ tôi điên thì bạn sẽ không còn nghĩ như thế sau khi nghe tôi kể việc mình đã khôn ngoan thận trọng chôn giấu tử thi như thế

nào. Đêm sắp tàn, tôi làm việc vội vã, nhưng yên lặng. Thoạt tiên tôi phanh thây cái xác. Tôi cắt rời đầu, tay và chân.

Rồi tôi nạy ba tấm ván sàn của căn buồng và nhét tất cả xuống khoảng trống ấy. Sau đó tôi đóng lại mấy tấm ván khéo léo và hoàn hảo đến nỗi mắt của bất kỳ ai - kể cả mắt lão - cũng không thể phát hiện ra điều gì sai trái. Chẳng có gì phải chùi rửa - dấu một vết bẩn - kể cả một vết máu nhỏ. Tôi đã rất thận trọng về điều ấy. Cái khe gỗ đã giấu tất cả - ha! ha!

Khi tôi kết thúc công việc thì đã bốn giờ - nhưng trời vẫn tối như nửa đêm. Khi chuông điểm giờ thì dưới nhà có tiếng gõ cửa. Tôi đi xuống mở cửa, tâm hồn thư thái, - bây giờ thì tôi sợ gì cơ chứ? Ba người đàn ông bước vào, lịch thiệp tự giới thiệu là nhân viên cảnh sát. Trong đêm, một người hàng xóm hẳn đã nghe tiếng thét, sự nghi ngờ án mạng nảy ra, thông tin được gửi đến đồn cảnh sát và họ (mấy nhân viên này) nhận nhiệm vụ đến điều tra ngôi nhà.

Tôi mỉm cười - tôi phải sợ cái gì kia chứ? Tôi mời họ vào nhà. Tiếng thét, tôi giải thích, là do tôi thét trong mơ. Còn ông lão, tôi cho họ biết là đã về quê. Tôi đưa mấy người khách đi khắp nhà. Tôi để họ kiểm tra - kiểm tra thật kỹ. Lát sau, tôi dẫn họ đến buồng ông lão. Tôi chỉ cho họ xem tài sản của lão, hãy còn y nguyên, không hề bị xáo trộn. Với lòng nhiệt thành xuất phát từ sự tự tin, tôi mang mấy cái ghế vào phòng và mời họ ngồi đó nghỉ cho đỡ mệt, trong lúc bản thân tôi, trong cơn táo bạo ngông cuồng trước chiến công hoàn hảo của mình đã đặt chiếc ghế ngồi đúng ngay vị trí chôn giấu xác chết của nạn nhân.

Mấy nhân viên cảnh sát hài lòng. Thái độ của tôi đã thuyết phục họ. Tôi rất thoải mái. Họ ngồi và trong lúc tôi vui vẻ trả lời thì họ tán gẫu những chuyện quen thuộc. Nhưng dần dà, tôi thấy mình tái đi và muốn họ ra về. Đầu tôi đau nhức, tai tôi như có tiếng chuông; nhưng họ vẫn ngồi tán chuyện. Tiếng chuông trở nên rõ ràng hơn; - nó cứ tiếp tục vang rõ hơn -; tôi nói thao thao để che lấp cảm giác ấy; nhưng nó vẫn bền bỉ và càng rõ hơn - cho đến lúc tôi nhận ra âm thanh ấy không ở trong tai tôi.

Bây giờ chẳng còn nghi ngờ gì nữa trước việc tôi đang rất nhột nhạt; - nhưng tôi ăn nói trôi chảy hơn bằng kiểu giọng lớn hơn. Nhưng âm thanh ấy vẫn tăng lên - tôi có thể làm gì bây giờ? Nó là thứ âm thanh trầm đục, nhanh như kiểu âm thanh của cái đồng hồ bọc trong bông. Tôi thở hỗn hển nhưng mấy viên cảnh sát kia vẫn chưa nghe thấy. Tôi nói nhanh hơn; - sôi nổi hơn; nhưng tiếng động ấy vẫn không ngừng tăng lên. Tôi đứng dậy tranh luận về những chuyện tầm phào bằng giọng oang oang và điệu bộ hùng dũng; nhưng tiếng động vẫn tiếp tục tăng thêm. Tại sao họ lại không biến đi cho rồi? Tôi đi đi lại lại trên sàn bằng những bước chân nặng nề như thể sự quan sát của mấy người kia khơi thêm nguồn giận dữ; nhưng tiếng động vẫn không ngừng lớn hơn. Ôi, lạy Chúa! Tôi biết làm gì đây? tôi nói đến sùi bọt mép - tôi nói lắm nhảm - tôi nguyên rủa! Tôi day day cái ghế đang ngồi và di nó xuống sàn, nhưng cái tiếng ấy vẫn cứ đều đặn to thêm. Nó đang lớn hơn - lớn hơn - lớn hơn! Mấy người kia vẫn vui vẻ tán gẫu và mỉm cười. Họ không thể nghe nó sao? Lạy Chúa! - không, không! Họ đã nghe rồi! - họ nghi ngờ! - họ biết! - họ đang chế giễu nỗi kinh hoàng của tôi! - tôi đã nghĩ như thế và tôi nghĩ như thế. Nhưng còn có gì đẹp mặt hơn nỗi thống khổ này! Tôi cảm thấy mình phải hét lên hoặc chết! - và bây giờ - lần nữa! - lắng nghe! lớn hơn! lớn hơn! lớn hơn! lớn hơn!

“Đồ đều cáng!” tôi hét lên, “đừng vờ vịt nữa! tao nhận tội đây! - cạy ván sàn lên! - đây này, đây này! - trái tim bỉ ổi của lão đang đập đấy!”

CUỘC ĐỔI THOẠI NGHIÊM TÚC

Raymond Carver (Mĩ)

Chiếc xe car của Vera đỗ ở đó, bên cạnh chẳng còn một chiếc nào khác và Burt nhủ thầm lời cảm ơn trong đầu. Hắn lái vòng vào và đỗ lại bên cạnh chiếc bánh nướng mà hắn đã làm rơi từ tối hôm trước. Cái nồi nhôm bị úp ngược xuống vẫn ở đó, đóng bí ngô nát vương đầy vĩa hè. Hôm ấy là ngày tiếp sau Lễ Giáng Sinh.

Hắn đến vào dịp Giáng Sinh để thăm vợ và con. Vera đã báo trước cho hắn. Nàng nói cho hắn biết về khoảng thời gian viếng thăm. Hắn phải ra khỏi nhà trước sáu giờ bởi lẽ bạn của nàng và con của hắn sẽ đi ăn tối.

Họ ngồi trong phòng khách, hào hứng mở những gói quà Burt mang đến. Họ mở quà của hắn trong lúc nhiều tặng phẩm khác, vẫn còn nguyên trong lớp giấy bóng, chất đầy dưới cành thông đang đợi mở sau sáu giờ.

Hắn nhìn bọn trẻ mở quà tặng của hắn và đợi cho đến khi Vera tháo sợi dây buộc món quà hắn dành cho nàng. Hắn thấy nàng tháo bỏ lớp giấy, mở nắp hộp và lấy ra chiếc áo được đan bằng len casơmia.

“Đẹp quá.” nàng nói. “Cảm ơn anh, Burt.”

“Mặc thử đi mẹ,” con gái hắn nói.

“Thử nó đi,” con trai hắn nói.

Burt nhìn con trai, lòng biết ơn thái độ tán thành của cậu bé.

Nàng sẽ thử chiếc áo. Vera đi vào phòng ngủ và bước ra với chiếc áo trên người.

“Vừa vặn quá,” nàng nói.

“Chính em làm cho chiếc áo đẹp hơn,” Burt nói và cảm thấy hạnh phúc đang ngập trong hồn.

Hắn mở quà tặng dành cho hắn. Vera tặng hắn món quà mua từ hiệu quần áo đàn ông của Sondheim. Con gái tặng hắn chiếc lược và chiếc bàn chải đánh răng xinh xắn. Còn của con trai là chiếc bút bi.

Vera mang soda ra, họ uống nhưng ít trò chuyện và hầu như mọi người đều nhìn vào cảnh thông. Lát sau, con gái hắn đứng dậy và bắt đầu dọn bàn để ăn tối, còn cậu bé thì đứng dậy, lên phòng của mình.

Nhưng Burt muốn nán lại nơi ấy. Hắn thích ngồi lại trước lò sưởi với chiếc cốc cầm trong tay, nhà hắn, tổ ấm hắn.

Lát nữa, Vera bỏ đi vào bếp.

Con gái hắn tiếp tục mang vào nhiều thứ để bày trên bàn ăn. Burt quan sát cô bé. Hắn nhìn cô gấp khăn ăn cho vào những cốc uống bia. Hắn nhìn cô đặt chiếc bình hoa xinh xắn ngay giữa bàn. Hắn dõi theo bàn tay cô bé đang cẩn thận cắm hoa vào bình.

Thanh củi nhỏ, được làm bằng mùn cửa trộn sáp, đang cháy trong lò. Hộp các tông đựng năm cây nửa năm cạnh đấy, trên nền lò sưởi. Hắn nhồm người dậy khỏi ghế sofa, cầm lấy chiếc thùng và đút tất cả năm khúc củi vào lò sưởi. Hắn nhìn cho đến khi chúng bén lửa. Sau đó hắn uống cạn ly soda rồi bước về phía cửa mở ra sân trong. Trên đường ra, hắn thấy những chiếc bánh nướng được xếp thành dãy trong tủ đựng thức ăn. Có sáu chiếc cả thảy, hắn vơ hết, ôm vào tay để trả thù cho hơn sáu mươi lần nàng xử tệ với hắn.

Dọc lối ra nơi đỗ xe trong bóng tối, hắn đã đánh rơi một cái bánh khi lần mò tìm cửa.

Cánh cửa phía trước đã bị khóa suốt từ buổi tối, bữa chiếc chìa khóa của hắn bị gãy, kẹt ở bên trong. Hắn phải đi vòng lối sau. Có một lối vết nứt trên cánh cửa hướng về phía sân trong. Hắn gõ vào tấm kính. Vera khoác chiếc áo choàng sau khi vừa tắm xong. Nàng thấy hắn và cau mày. Nàng hé cánh cửa.

Burt nói, “Tôi đến để xin lỗi cô về việc xảy ra tối hôm qua. Và cả bọn trẻ nữa.”

Vera nói, “Chúng không ở nhà.”

Nàng đứng trên ngưỡng cửa, hần đứng ngoài sân cạnh chậu cây cảnh nhỏ. Hần xắn vài lai áo.

Nàng nói, “Tôi không thể chịu đựng được nổi nữa. Ông đã định thiêu cả nhà.”

“Tôi không có ý định ấy.”

“Ông đã làm. Mọi người ở đây có thể làm chứng.”

Hần nói, “Tôi có thể vào để thương lượng về điều ấy?”

Nàng kéo tấm áo choàng lên đến tận cổ và bước lùi vào.

Nàng nói, “Một giờ nữa tôi phải đi.”

Hần nhìn quanh. Cành thông treo đèn nhấp nháy sáng. Có cả một đồng giấy bóng, giấy màu và những chiếc hộp xinh xắn đặt ở đằng cuối chiếc ghế sofa. Bộ xương chú gà tây vẫn đang còn nằm trên đĩa ở giữa bàn ăn. Xung quanh bộ xương là cả đồng rau mùi tây, trông chúng như thể là một chiếc tổ kinh dị. Lò sưởi đầy tro. Nhiều vỏ lon Coca mang nhãn hiệu Shasta cũng được quăng vào đó. Một vệt khói đen bò dọc theo tường gạch lên đến tận mặt lò sưởi, nơi ấy, những thanh gỗ, chắn ngang đường vệt khói, đã sém đen.

Hần quay lại và đi vào bếp.

Hần nói, “Tối qua bạn của cô ra về vào lúc mấy giờ?”

Nàng nói, “Nếu bắt đầu bằng chuyện ấy thì ông phải ra khỏi đây ngay.”

Hần kéo ghế, ngồi xuống cạnh chiếc bàn ở trong bếp, trước cái gạt tàn lớn. Hần nhắm rồi mở mắt. Hần kéo tấm rèm sang một bên để nhìn xuống sân sau. Hần thấy một chiếc xe đạp, không có bánh trước, nằm chống ngược lên trời.

Nàng đổ nước vào nồi. “Ông có còn nhớ ngày lễ tạ ơn Chúa ấy không?” nàng nói. “Tôi đã nói rằng đây là ngày lễ đoàn tụ cả gia đình trước lúc ông

bỏ rơi mẹ con tôi. Hôm ấy, cả nhà ăn thịt lợn muối và trứng thay vì món gà tây truyền thống vào lúc mười giờ tối.”

“Tôi nhớ,” hăn nói. “Tôi đã bảo tôi có lỗi mà.”

“Nhận lỗi không thôi vẫn chưa đủ.”

Ngọn lửa của bếp lò bùng lên lần nữa. Nàng đứng cạnh bếp và cố giảm gas để lửa nhỏ hơn.

“Khéo bị bỏng,” hăn nói. “Đừng để quần áo bén lửa.”

Hăn hình dung tấm áo khoác của nàng bị cháy, rồi hăn nhảy qua bàn, xô nàng ngã xuống sàn, bế nàng đến phòng khách, nơi đó, hăn sẽ dùng cơ thể của mình che chở cho nàng. Hay là nên chạy đến phòng ngủ để lấy cái mền?

“Vera?”

Nàng nhìn hăn.

“Cô có gì để uống không? Sáng nay tôi muốn uống một cốc.”

“Có một ít vodka trong tủ lạnh.”

“Cô trữ vodka trong tủ lạnh từ bao giờ vậy?”

“Đừng có hỏi.”

“Được rồi,” hăn nói. “Tôi sẽ không hỏi.”

Hăn lấy chai vodka ra và rót một ít vào chiếc cốc hăn tìm thấy trên giá.

Nàng nói, “Ông sẽ chỉ uống chừng ấy thôi phải không?” Nàng nói, “Lạy Chúa, Burt. Dẫu sao thì hãy cho tôi biết ông muốn nói chuyện gì? Tôi đã báo ông biết là tôi phải đi mà. Tôi có tiết dạy sáo vào lúc một giờ.”

“Cô vẫn đang dạy môn thổi sáo ấy à?”

“Tôi đã chẳng nói rồi sao? Chuyện gì vậy? Nói cho tôi biết ông muốn gì để tôi còn phải đi chuẩn bị áo quần.”

“Tôi muốn nói là mình rất ân hận.”

Nàng nói, “Ông đã nói điều ấy rồi.”

Hăn đáp, “Nếu có nước hoa quả thì cho tôi một ít để uống với vodka.”

Nàng mở tủ lạnh lục lợi một lát.

“Có nước cốt táo,” nàng nói.

“Tốt,” hăn đáp.

“Tôi sẽ đi tắm,” nàng nói.

Hăn uống cốc vodka pha nước táo. Hăn châm điều thuốc rồi thả que diêm cháy dở vào chiếc gạt tàn lớn, luôn đặt trên chiếc bàn trong nhà bếp. Hăn quan sát những mẫu thuốc lá trong chiếc gạt tàn. Có mấy chiếc là loại thuốc lá Vera thường hút, số còn lại là không phải. Vài mẫu có giấy quấn bên ngoài là màu xanh phớt hồng. Hăn đứng dậy, mang chiếc gạt tàn đổ tất cả xuống chậu.

Chiếc gạt tàn không phải là chiếc gạt tàn bình thường. Nó là chiếc đĩa gốm lớn mà họ đã mua từ một người bán hàng có bộ râu rậm tại một quầy hàng ở Santa Clara. Hăn súc sạch và lau khô rồi đặt nó trở lại lên bàn. Sau đó hăn mới gảy tàn từ điều thuốc đang hút xuống.

Nước trên bếp bắt đầu sôi thì chuông điện thoại reo.

Hăn nghe nàng mở cửa buồng tắm rồi gọi với qua phòng khách: “Trả lời hộ rằng tôi đang tắm.”

Điện thoại bếp nằm trên bệ, sâu ở góc nhà, khuất sau chiếc chảo rán. Hăn đẩy chiếc chảo sang bên rồi nhấc ống nghe.

“Phải Charlie đó không?” ai đó hỏi.

“Không,” Burt đáp.

“Cám ơn,” người ấy nói.

Trong lúc hăn đang tìm cà phê, điện thoại lại reo.

“Charlie đó hả?”

“Không ở đây,” hăn đáp.

Lần này hăn đặt ống nghe sang bên cạnh.

Vara, mặt chiếc quần jean và áo pull, bước vào bếp và chải đầu.

Hắn xúc cà phê cho vào hai cốc nước nóng rồi đổ một chút vodka vào cốc của mình. Hắn mang hai chiếc cốc qua bàn.

Nàng nhắc ống nghe, lắng nghe. Nàng hỏi, “Gì vậy? Ai gọi đây?”

“Chẳng có ai,” hắn đáp. “Ai hút những điều thuốc màu ấy?”

“Tôi,”

“Tôi biết không phải cô,”

“Đúng, tôi hút.”

Nàng ngồi đối diện với hắn và uống cà phê. Họ cùng hút và sử dụng chiếc gạt tàn.

Hắn muốn bày tỏ nhiều điều, lòng tiếc nuối, niềm ân hận, đại loại những điều tương tự như thế.

“Mỗi ngày tôi hút ba gói,” Vera nói. “Đây, nếu ông thực sự muốn biết những gì đang diễn ra ở đây.”

“Thề có Chúa,” Burt nói.

Vera gật đầu.

“Tôi đến đây không phải để nghe điều ấy,” hắn nói.

“Vậy thì ông đến đây để nghe điều gì? Ông muốn nghe chuyện ngôi nhà bị thiêu rụi hả?”

“Vera,” hắn nói. “Hôm nay là dịp Giáng Sinh. Đó là lý do để tôi đến.”

“Hôm qua mới là Giáng Sinh,” nàng nói. “Giáng Sinh đã đến và đã đi rồi,” nàng nói. “Tôi thực sự không muốn gặp bất kỳ ai.”

“Thế còn tôi?” hắn hỏi. “Cô có biết tôi nóng lòng mong chờ những ngày lễ?”

Điện thoại lại reo. Burt nhắc máy.

“Có ai đó cần gặp Charlie,” hắn nói.

“Cái gì?”

“Charlie,” Burt đáp.

Vera cầm máy. Nàng quay lưng về phía hắn khi nói chuyện. Sau đó nàng quay sang hắn và nói, “Tôi sẽ nghe trong phòng ngủ. Vậy ông có vui lòng cầm hộ máy cho đến khi tôi nhắc tay nghe ở trong kia? Tôi sẽ bảo khi nào ông đặt máy xuống.”

Hắn cầm tay nghe. Nàng rời bếp. Hắn áp ống nghe vào tai và lắng nghe. Hắn chẳng nghe thấy gì. Sau đó hắn nghe thấy tiếng người đàn ông đằng hắng. Rồi hắn nghe Vera nhắc máy. Nàng hét, “tốt rồi, Burt! tôi đã sẵn sàng, Burt!”

Hắn đặt ống nghe xuống và đứng nhìn. Hắn kéo ngăn tủ đựng vật dụng và lục lọi. Hắn mở ngăn tủ khác. Hắn nhìn vào chậu rửa bát. Hắn vào phòng ăn và mang ra con dao cắt thịt. Hắn ngâm con dao trong nước nóng cho đến khi mỡ chảy hết. Hắn chui lưỡi dao vào tay áo. Hắn tiến về phía chiếc điện thoại, gấp đôi sợi dây và dễ dàng cắt đứt. Hắn xem xét hai đầu bị cắt của sợi dây rồi đặt điện thoại trở lại chỗ cũ, trong góc của nó, đằng sau chiếc chảo rán.

Nàng bước vào. Nàng nói, “Điện thoại bị cắt. Ông có giờ trò gì với nó không?” Nàng nhìn, rồi nhắc nó ra khỏi bộ.

“Đồ chết tiệt!” nàng thét. Nàng thét “Cút, cút, cút khỏi đây ngay!” Nàng đang vung chiếc điện thoại về phía hắn.” Xem đây này! Tao sẽ yêu cầu người ta bắt mày. Bắt mày, tao sẽ làm như thế!”

Chiếc điện thoại phát lên tiếng đinđin khi nàng đặt mạnh nó lên bộ.

“Nếu mày không bước ra khỏi nhà này ngay lập tức thì tao sẽ sang hàng xóm gọi điện cho cảnh sát.”

Hắn nhặt cái gạt tàn. Hắn cầm ở ngoài rìa. Hắn giữ cái gạt tàn bằng điệu bộ như thể lúc các đấu thủ chuẩn bị thi ném đĩa.

“Hãy dừng!” nàng nói. “Đấy là cái gạt tàn của chúng ta.”

Hắn ra ngoài bằng cửa sau. Tuy không lấy làm chắc chắn song hắn nghĩ hắn đã chứng minh được điều gì đấy. Hắn hy vọng sẽ làm rõ ràng hơn. Vấn đề là hai người, ngay lập tức, phải có cuộc đối thoại nghiêm túc. Có nhiều việc cần phải trao đổi, những điều quan trọng thì cần phải bàn bạc. Họ sẽ

thảo luận trở lại. Có thể sau khi những ngày lễ chấm dứt và mọi chuyện đã trở nên bình thường. Và chẳng hạn như hân sẽ bảo nàng rằng chiếc gạt tàn chết tiệt ấy chỉ là một chiếc đĩa thảm hại.

Hân bước vòng quanh chiếc bánh trên lối đỗ xe và ngồi vào chiếc xe car của mình. Hân khởi động máy rồi quay trở đầu xe lại. Thật khó điều khiển tay lái cho đến lúc hân đặt chiếc gạt tàn xuống.

FLEUR

Louise Erdrich (Mỹ, 1954-?)

Lần đầu tiên suýt chết đuối trong làn nước lạnh giá, trong suốt của hồ Turcot, Fleur Pillager mới chỉ là một cô bé. Hai người đàn ông trông thấy mũi thuyền và thấy cô đang vật lộn trong những con sóng. Họ chèo đến chỗ cô chìm và nhảy xuống. Khi họ kéo được cô qua mạn thuyền, sờ vào thấy người cô đã lạnh và cứng đờ, nên họ day mặt cô, cầm gót chân cô xốc xốc, gập đi gập lại hai cánh tay cô, giằn lưng cô cho tới khi cô ộc hết nước hồ ra. Cô rùng mình toàn thân như một con chó rồi bắt đầu thở. Nhưng không lâu sau đó hai người đàn ông ấy đều biến mất. Người đầu tiên mất tích, còn người kia, Jean Hat, thì bị xe ngựa cán chết.

Nó chứng tỏ ấy, bà tôi nói. Rõ là nó đã chọn cô. Vì cứu Fleur Pillager, hai người đàn ông ấy đã mất mạng.

Lần thứ hai ngã xuống hồ, Fleur Pillager đã hai mươi tuổi và chẳng ai dám đụng vào người cô cả. Cô bị giạt vào bờ, da cô ngả màu xám xỉn nhưng khi George Many Women cúi sát xuống, ông thấy ngực cô thoi thóp. Rồi đôi mắt sắc đen trợn ngược lơ lơ mở ra, cô nhìn ông ta. “Ông sẽ thế mạng tôi,” cô ta rít lên. Tất cả mọi người bỏ chạy tán loạn, để lại mình cô ở đó, nên không ai biết làm thế nào mà cô lê về được đến nhà. Ngay sau đó chúng tôi đều thấy Many Women thay đổi, trở nên sợ hãi, không dám rời khỏi nhà, không thể nào bắt được ông ta đến gần nước. Vì sự cần trọng của mình, ông sống cho tới ngày con trai ông mang cho ông một chiếc bồn tắm bằng sắt tây. Khi lần đầu tiên sử dụng chiếc bồn, ông đã bị trượt chân, ngã sấp xuống, ngọt nước trong khi vợ ông đang đứng trong một căn phòng khác chuẩn bị bữa sáng.

Đàn ông đều trách Fleur Pillager sau vụ chết đuối lần thứ hai này. Mặc dù cô xinh xắn, nhưng không ai dám tán tỉnh cô bởi vì rõ ràng là Misshepeshu, hà bá, một con quái vật, muốn giữ cô cho riêng mình. Hẳn là một con quỷ, một kẻ dối tình với dục vọng và khát thèm thịt da của các cô gái trẻ, khỏe mạnh và táo bạo, đặc biệt là những cô giống Fleur.

Các bà mẹ cảnh cáo rằng chúng tôi sẽ nghĩ hấn đẹp trai, vì hấn xuất hiện với đôi mắt xanh, nước da màu đồng, cái miệng mềm mại như miệng một đứa trẻ. Nhưng nếu bạn ngã vào vòng tay hấn, hấn sẽ mọc sừng, mọc răng nanh, mọc vuốt, mọc vây. Bàn chân hấn dính lại với nhau và da hấn, đám vảy bằng đồng thau, phát lên tiếng kêu leng keng khi chạm vào. Một khi bạn đã bị hớp hồn, thì không thể nào cử động nổi. Hấn quăng một chuỗi hạt vỏ sò vào chân bạn, nước mắt nhỏ ra sẽ biến thành mê ca trên ngực bạn. Hấn chế ngự bạn. Rồi hấn biến thành một con sư tử hay một con giun nâu béo mồm. Hấn được làm bằng vàng. Hấn được làm bằng râu biển. Hấn là một loại bột khô, là cái chết của những người chết đuối, cái chết mà một người Chippewa không thể thoát được.

Chỉ trừ khi bạn là Fleur Pillager. Tất cả chúng tôi đều biết cô ấy không biết bơi. Sau lần chết đuối đầu tiên, chúng tôi nghĩ cô ấy không bao giờ quay lại hồ Turcot nữa. Chúng tôi nghĩ cô ấy phải giữ mình, sống lặng lẽ, đừng giết chết đàn ông theo cái kiểu chết đuối trên hồ. Sau lần đầu tiên, chúng tôi nghĩ cô ấy phải giữ cách sống tốt. Nhưng rồi, sau lần suýt chết đuối thứ hai, chúng tôi biết rằng mình đang dính líu đến một điều gì đó nghiêm trọng hơn nhiều. Cô ta bị hớp hồn, không làm chủ được. Cô ta làm bạn với quỷ, cười vào lời khuyên của các bà già, và ăn mặc như một gã đàn ông. Cô đã nhiễm phải một loại thuốc nửa lãng quên nào đó, mày mò những thứ chúng tôi không dám nói đến. Có người nói cô còn giữ ngón tay của một đứa trẻ trong túi và một ít bột phôi thai thả trong cái vòng da đeo quanh cổ. Cô đặt tim cú mèo lên lưỡi mình nên cô có thể nhìn thấy vào ban đêm, và rút hồn ra khỏi xác để đi săn. Chúng tôi biết chắc điều đó bởi sáng hôm sau, trên tuyết hoặc bùn bẩn, chúng tôi theo sau những vết chân trần của cô và nhận ra chỗ chúng thay đổi, chỗ những móng vuốt hiện ra,

gan bàn chân nổi rộng và lún sâu vào trong đất. Ban đêm chúng tôi nghe thấy tiếng ho lục khục của cô, tiếng ho của một con gấu. Ban ngày cô im lặng và nhe rộng hàm răng, cô tước mất sự tự chủ của chúng tôi, làm chúng tôi sợ hãi. Đôi người còn nghĩ rằng Fleur Pillager nên được đưa đến một vùng biệt lập, nhưng không tự một người nào đủ dũng cảm để nói ra điều đó. Và cuối cùng, khi mọi người chuẩn bị họp nhau lại đuổi cô đi thì cô tự bỏ đi và không quay trở lại suốt cả mùa hè. Đó là điều mà câu chuyện này đề cập đến.

Trong suốt mùa hè đó, khi cô sống cách đó vài dặm ở phía nam thuộc vùng Argus, nhiều chuyện đã xảy ra. Cô hầu như phá tan thị trấn đó.

Khi cô xuống Argus vào năm 1920, hai bên đường ray xe lửa mới chỉ có sáu con đường nhỏ mỗi bên. Có hai thang máy, một tổng đài điện thoại, một tổng đài khác cách xa vài dặm về phía đông. Hai cửa hàng cạnh tranh buôn bán vì ba trăm công dân, ba nhà thờ mâu thuẫn với một nhà thờ khác vì phần hồn của họ. Có một tòa nhà điều hành cho những người theo thuyết Luther, một tòa bằng gạch nặng nề cho những người theo Tân giáo và một nhà thờ Công giáo hẹp dài lợp ván. Trên đỉnh nhà thờ này có một tháp chuông nhỏ cao vút, cao gấp đôi bất cứ một ngôi nhà hay một cái cây nào.

Không do dự, cô đi qua cánh đồng lúa mì bằng phẳng, thấp; từ con đường đi bộ tới gần Argus, Fleur thấy cái gác chuông đó hiện lên, cái bóng mảnh như một chiếc kim. Có thể cái không gian nguyên sơ ấy đã lôi cuốn cô nhanh như cách một cái cây trụi bị kéo đổ trong ánh chớp. Có lẽ, cuối cùng, những người theo đạo Công giáo cũng đáng khiển trách. Vì nếu cô không trông thấy cái dấu hiệu của sự kiêu hãnh đó, kẻ cầu nguyện nghèo nàn đó, cái dấu hiệu đó, thì có lẽ hẳn cô đã tiếp tục bước đi.

Nhưng Fleur Pillager đã rẽ vào, một khi cô vào thành phố thì nơi đầu tiên cô đến là cửa hậu phòng cha cố nối liền với tường bao nhà thờ. Không phải cô đến để xin của bố thí, mặc dù cô có làm điều đó, mà cô đến để hỏi việc. Cô đã được việc, hoặc thị trấn đã được cô. Không khó nói nguyên nhân dẫn đến sự tồi tệ, cô, dân chúng ở đó hay cái thị trấn ấy, mặc dù sự rối loạn của thị trấn là tất cả những gì thuộc về cách sống của Fleur.

Bốn người đàn ông ở cửa hàng thịt đã mổ xẻ hàng ngàn con vật, có lẽ một nửa trong số đó là những con bò non thiếu, nửa còn lại là lợn, cừu, thịt thú săn như hươu, nai sừng tấm và gấu. Thậm chí còn chưa kể đến gà, những con gà cần phải tính đến vào nửa còn lại. Pete Kozka là chủ lò mổ, ông ta thuê Lily Veddar, Tor Grunewald và bố dượng tôi, Dutch James, người đã mang mẹ tôi xuống thị trấn từ vùng đất cấm một năm trước khi bà làm ông thất vọng bởi cái chết của bà. Dutch bắt tôi bỏ học để thay thế chỗ bà. Một nửa thời gian tôi trông nhà và làm những việc khác trong cửa hàng thịt, quét sàn, rải mùn cưa, đem chân giò qua phố để khách hàng ninh đậu hay mang một gói xúc xích đến góc phố. Tôi là một người dễ sai vật tốt bởi vì nếu họ cần, tôi lại biến mất. Tôi ẩn vào những bức tường nâu ố vàng, đưa con gái gầy gơ xương, mũi to với đôi mắt nhìn chăm chăm. Bởi vì tôi có thể ẩn vào một góc, hoặc ép chặt người bên dưới giá sách, nên tôi biết tất cả mọi chuyện, những gì cánh đàn ông nói khi không có ai xung quanh, và những gì họ nói về Fleur.

Thịt của cửa hàng Kozka phục vụ cho nông dân trong phạm vi năm mươi dặm, cửa hàng đảm nhận cả việc mổ thịt, vì ở đó có bãi nhốt và máng để làm thịt xông khói hay tẩm gia vị vào xúc xích. Cái kho giữ lạnh là một kỳ công, được xây bằng gạch dày, đất cách điện và gỗ Minnesota, lót bên trong bằng mùn cưa và những tảng băng to lấy từ hồ Turcot vào mỗi mùa đông, được kéo về nhà bằng xe trượt tuyết do ngựa kéo.

Tòa nhà lót ván xiêu vẹo, một phần làm lò mổ, một phần làm cửa hàng, được gắn liền với kho giữ lạnh vuông, dày và thấp. Đó là nơi Fleur làm việc. Kozka thuê cô vì cô khỏe. Cô có thể nhấc một cái đùi hay mang một cộc xúc xích mà không run rẩy, cô sớm học được cách pha thịt từ vợ Pete, một người có mái tóc tơ hoe vàng, hút thuốc hết điếu nọ đến điếu kia, cầm những con dao sắc như dao cạo với vẻ điềm tĩnh, chính xác, lạng thịt gần sát đến những ngón tay nhem nhuốc của mình. Fleur và Fritzie Kozka làm việc vào buổi chiều, gói những miếng họ đã cắt vào trong giấy, và Fleur lôi những gói hàng đến kho chứa. Chỗ thịt được để lại bên ngoài cánh cửa gỗ

sôi nặng nề đó, cánh cửa chỉ mở vào năm giờ mỗi buổi chiều, trước khi cánh đàn ông ăn tối.

Đôi khi Dutch, Tor, Lily ăn ở nhà kho và khi họ ăn tôi cũng ở đó lau sàn, cho thêm củi vào những cái lò ở nhà hun khói phía trước, trong khi cánh đàn ông ngồi quanh chiếc lò thấp bằng gang kẹp những xiên cá trích vào bánh mì. Họ chơi bài xì hoặc bài kipbi khá lâu trên tấm ván lấy từ đáy phẳng của một chiếc thùng đựng muối. Họ nói còn tôi thì lắng nghe, mặc dù chẳng có gì nhiều để nghe bởi ở Argus hầu như không có chuyện gì xảy ra. Tor đã cưới vợ, Dutch đã để mất mẹ tôi, còn Lily thì đọc thông báo. Họ chủ yếu tranh cãi về những cuộc bán đấu giá sắp tới, đồ đạc hoặc đàn bà.

Pete Kozka rất thường xuyên đến khu nhà ở phía trước chơi một ván ulyt, để Fritzie hút thuốc và rán bánh rán bột nổi ở phòng sau. Ông ngồi chơi vài ván nhưng vẫn tiếp tục ruồi theo ý nghĩ của mình. Fritzie không chịu được khi ông nói sau lưng bà và cuốn sách mà ông ta đọc là cuốn kinh Tân ước. Nếu ông có nói điều gì đó thì sẽ liên quan đến thời tiết, hoặc số lòng cừu còn thừa, một miếng dăm bông hun khói xanh hoặc chuyện chợ búa về ngô và lúa mì. Ông ta có một cái bùa cầu may, lòng trắng như mã não lấy từ mắt một con bò cái. Lúc chơi bài ông ta dùng mấy ngón tay miết nó. Âm thanh mềm mại ấy và những tiếng vật bài là những lời đối thoại duy nhất.

Cuối cùng Fleur là chủ đề của họ.

Má cô rộng và phẳng, đôi tay cô to, nứt nẻ, bắp thịt rắn chắc. Vai Fleur rộng như cái đòn càn, hông cô như hông cá, hẹp và trơn tuột. Một cái váy cũ màu xanh bám vào eo cô, đã bị sờn mỏng ra ở hông. Hai bím tóc cô dày như đuôi những con thú, đập vào người khi cô đi lại, cô làm việc chậm chạp, khoan thai, chắc chắn, nửa như dễ bảo nhưng chỉ một nửa thôi. Tôi có thể biết điều đó, nhưng những người khác chẳng bao giờ biết. Họ không bao giờ nhìn vào trong đôi mắt nâu kín đáo của cô hay để ý đến hàm răng khỏe mạnh, uốn cong và rất trắng của cô. Bắp chân cô để trần, bởi vì cô đi lại bằng đôi giày làm việc để phẳng nên người ta không bao giờ biết rằng ngón chân thứ năm của cô bị cụt. Họ không bao giờ biết cô đã từng chết đuối. Họ đui mù, ngu ngốc, họ chỉ nhìn thấy tấm hình hài của cô thôi.

Nhưng không chỉ ở chỗ cô là người Chippewa, hay thậm chí cô là một người đàn bà, cũng không phải cô là người dễ coi, hoặc cô chưa chồng đã làm cho đầu óc họ rối cả lên. Mà chỉ tại cách cô chơi bài.

Đàn bà thường không đánh bài với đàn ông, nên tối đó, lúc Fleur kéo ghế đến bên cánh đàn ông mà thậm chí chẳng có đến một lời mời nào, việc ấy gây nên một cú sốc vì kinh ngạc.

“Gì thế này,” Lily nói. Hăn béo, có đôi mắt lạnh lẽo xanh xám của một con rắn và một làn da dài các, mượt mà, trắng như hoa huệ, đấy là nguồn gốc của cái tên hăn. Lily có một con chó, một loại chó bun nhỏ, tầm thường, béo lùn với cái bụng căng như trống vì ăn mỡ lợn. Con chó thích được chơi bài giống như Lily, nó đứng giạng háng căng những cái bắp đùi tròn của mình ra trong khi mọi người chơi bài stu, bài xì khó chơi và lối chơi bài “21”. Con chó đã dõng vào cánh tay Fleur ngay đêm đầu tiên ấy, nhưng lại nép xuống gầm gừ phát ớn lên khi cô chiếm lấy chỗ của mình.

“Tôi nghĩ,” cô nói, giọng cô nhẹ nhàng và mơn trớn, “các anh có thể chia bài cho tôi được đấy.”

Có một khoảng trống giữa những thùng bột nặng nề đã ướp gia vị và bức tường, chỗ tôi lọt vừa. Tôi ngồi xồm xuống, cố mở mắt, nhìn mái tóc đen của cô đu đưa trên ghế, bàn chân cô đặt chắc chắn lên sàn gỗ. Tôi không thể nhìn lên trên bàn chỗ những quân bài đang quật xuống được, nên sau khi họ đã chơi say sưa, tôi nhồm dậy trong bóng tối và nép bên ngưỡng cửa gỗ.

Tôi quan sát đôi tay Fleur đập, đảo và chia bài, chia chúng cho mỗi tay bạc trong ánh sáng mờ mờ, cào bài lên rồi xáo lại. Tor, thấp lùn và thích đánh nhau, nhắm một mắt và mắt kia liếc nhìn Fleur. Dutch mím môi ngậm điếu xì gà ướt.

“Phải gặp một người,” ông ta lẩm bẩm, đứng dậy đi vòng ra sau tới nhà vệ sinh. Những người khác ngừng lại, đặt bài của mình xuống. Fleur ngồi một mình trong ánh đèn rực sáng, chiếu qua khuôn ngực phập phồng của cô. Tôi nhìn sát cô, rồi lần đầu tiên cô nhìn lại tôi. Cô quay người nhìn

thẳng vào tôi, nhe hàm răng trắng như răng chó sói của họ nhà Pillager đang hướng về nạn nhân của nó, chỉ có khác là cô không dọa tôi.

“Pauline,” cô nói, “em có bao nhiêu tiền?”

Tất cả chúng tôi đều đã được trả lương tuần ngày hôm ấy. Trong túi tôi có tám xen.

“Góp vốn với chị đi,” cô nói rồi chìa mấy ngón tay dài ra. Tôi đặt những đồng xu vào trong lòng bàn tay cô rồi lại lẩn vào giữa bức tường và mấy chiếc bàn để không ai thấy. Phải mất một lúc lâu trước khi tôi hiểu rằng cánh đàn ông sẽ không nhìn thấy tôi, không nhìn điều tôi làm và cách tôi di chuyển. Tôi không có bất cứ cái gì giống Fleur. Váy tôi bám lỏng lẻo vào người, còn lưng tôi thực sự là bị còng, lưng của một bà già. Công việc đã khiến tôi trở nên xù xì, đục sác làm mắt tôi nhức nhối, việc chăm sóc mẹ trước khi mẹ mất đã làm mặt tôi chai sạn. Trông tôi không đáng nhìn, nên người ta chẳng bao giờ nhìn tôi.

Khi cánh đàn ông quay lại, ngồi quanh bàn, họ túm lại với nhau. Họ chuyển cho nhau những cái liếc nhìn nhanh, dùng lưỡi liếm lên má nhau, thỉnh thoảng lại phá lên cười, cốt để Fleur bối rối. Nhưng cô chẳng hề bận tâm. Họ đánh bài “21”, chặn lại ngay cả khi Fleur dần dần thẳng thẽ - Những đồng xu mà tôi đã đưa, cô cứ bỏ ra năm xu để thu về một hào cho tới khi có một đồng nhỏ trước mặt cô.

Rồi cô bình tĩnh đảo bài năm lần. Cô chia ra, đập lại, rút ra rồi cô thở dài, những quân bài cô chia khẽ rung rung. Mắt Tor lóe lên, Dutch rướn thẳng người trên ghế.

“Tôi sẽ cược tiền để được xem qua,” Lily Veddar nói.

Fleur chìa tay ra, không có gì trong đó, không có gì cả.

Tor cười giòn tan, và hắn cũng xòe bàn tay mình ra.

“Chà, chúng ta biết một điều,” hắn nói, tựa lưng vào ghế, “đàn bà da đỏ không thể nào trung thực.”

Lúc đó tôi nép người thấp hơn vào đồng mùn cửa được quét dọn lại và ngủ. Tôi thức suốt đêm, nhưng không ai trong số họ đi cả, nên tôi cũng

không thể đi được. Mãi sau đó, mấy gã đàn ông lại phải đi ra ngoài, hoặc Fritzie đến để giải tán cuộc chơi, và tôi đã được kéo lên, vuốt ve, nâng niu trong cánh tay một người đàn bà rồi đu đưa nhẹ nhàng đến nỗi tôi tiếp tục nhắm mắt trong khi Fleur lăn tôi vào cái phòng chứa đồ đầy những phiến đá cáu bẩn, giấy dầu, những cuộn dây, và những cái đồng dày trịch đó xếp khít dưới người tôi như một tấm nệm.

Trò chơi tiếp tục sau giờ làm việc vào tối hôm sau. Tôi nhận lại tám xen với lãi gấp năm lần, Fleur giữ số còn lại của đồng đô la mà cô đã thắng để làm tiền đặt cọc. Lần này họ không chơi quá khuya nhưng cứ đều đặn, tiếp tục hết đêm này qua đêm khác. Bây giờ họ chơi bài xì hoặc nhiều loại bài khác trong suốt cả tuần và mỗi lần Fleur đều thắng đúng một đô la, không hơn không kém, vận may quả bền vững.

Lúc này, Lily và những người đàn ông khác đã khá bức lên với tình trạng hời hợt đó nên họ gọi thêm Pete nhập bọn. Họ rất tập trung, con chó béo núc đang ngồi căng thẳng trong lòng Lily Veddar, Tor nghi ngờ, Dutch vuốt vầng trán vuông rộng của mình, Pete điềm tĩnh. Không phải vì Fleur thắng mà họ bối rối đến thế mà chỉ tại cô chẳng có mảnh khốe gì. Rõ ràng tay cô không có bùa chú hay bất cứ điều gì khuất tất. Cô chỉ nhận được những quân bài thấp của mình, những quân bài không thể thắng thế được. Nhưng bây giờ, nhờ may mắn, Fleur hẳn đã có được số điểm cao nhất hoặc một sấp bài cùng hoa. Điều khó chịu là cô đã thắng với cặp bài đó mà không bao giờ cần mảnh khốe, bởi vì cô không thể mảnh khốe được, và rồi kết thúc mỗi đêm chơi, cô vẫn thắng đúng một đô la. Thoạt tiên Lily không thể tin được, một người đàn bà mà lại có thể có đủ khôn khéo để chơi bài, nhưng cứ cho là cô ta có đủ khôn khéo đi, thì rồi cô cũng vẫn khá khờ vì đánh thắng mỗi đêm có một đô la. Vào ban ngày, tôi theo dõi hẩn dẫn đo cân nhắc thế bài, khuôn mặt trắng lạnh lùng của hẩn tối sầm lại, những ngón tay nhỏ của hẩn tính toán trên từng đốt tay, cho tới lúc cuối cùng hẩn nghĩ rằng Fleur đã tính toán như một tay bạc chuyên nghiệp, thận trọng khi đi bài. Nâng tiền cược lên thì sẽ đẩy được cô ra.

Bây giờ hơn bất kỳ điều gì, hần muốn Fleur biến khỏi với thứ gì đó trừ một đô la. Kém hơn hai đô hay nhiều hơn mười đô, số tiền không thành vấn đề, chỉ cốt hần phá vỡ được vận may của cô.

Hết đêm này đến đêm kia cô chơi bài thắng một đô, rồi rời đến ở một nơi mà chỉ Fritzie và tôi biết. Cô tắm trong bồn tắm lò mổ, ngủ trong nhà gạch xông khói đã hỏng phía sau kho, một nơi không có cửa sổ, nền phủ lớp mỡ cháy. Khi tôi chạm phải làn da cô tôi thấy có mùi của những bức tường, nồng nồng mùi gỗ và hơi khen khét. Kể từ đêm cô đặt tôi vào phòng chứa đồ tôi không còn sợ cô nữa, mà đi theo cô gần gũi, ở với cô, trở thành cái bóng biết di chuyển của cô mà cánh đàn ông không bao giờ trông thấy, cái bóng có thể bảo vệ được cho cô.

Tháng tám, tháng mà kết quả là cửa hàng phải đóng cửa, Pete và Fritzie rời Minnesota để đi tránh nóng. Hết đêm nọ qua đêm kia, dần dần, Fleur đã đánh thắng được ba mươi đô la, và chỉ có sự hiện diện của Pete mới giữ được Lily không làm bậy. Nhưng bây giờ Pete đã đi, và đến ngày phát lương, vì cái nóng khủng khiếp nên không ai có thể vận động nổi ngoài Fleur, cánh đàn ông ngồi chơi, chờ đợi trong khi cô hoàn thành công việc. Những quân bài nhờn mồ hôi mềm nhũn trong tay họ, chiếc bàn trơn tuột vì mỡ, ngay cả những bức tường cũng nóng lên khi sờ vào. Không gian im lìm. Fleur ở phòng kế bên đang lược thủ.

Cái váy xanh của cô ướt sũng, quần quanh cô như một tấm ra trải giường trong suốt. Làn da của thảm cỏ mọc bên hồ. Những nốt gân đen nổi lên trên cánh tay cô. Bím tóc cô lỏng lẻo, chùng ra, rồi được búi lại phía sau gáy thành một búi dày. Cô đứng trong làn hơi nước, trở những chiếc thủ trong cái thùng to bằng cái muôi gỗ. Khi những mẩu đầu thừa đuôi theo sợi, nổi lên mặt thùng cô dùng cái rây tròn bằng thép cúi xuống mức chúng ra. Cô mức đầy vào hai cái chảo.

“Vẫn chưa xong cơ à?” Lily gọi. “Chúng tôi đang đợi đấy.” Mẩu chân ló ra của con chó run run trong lòng hần, ngoe nguẩy vì giận dữ. Nó không bao giờ ngủ được hay phát hiện ra mùi tôi trên làn da ám khói của Fleur.

Trong góc tối ngời, không khí đặc quánh, như ấn gí tôi xuống. Fleur ngồi xuống với họ.

“Bây giờ mày nói gì đi chứ?” Lily hỏi con chó. Nó sủa. Đây là dấu hiệu để trò chơi thực sự bắt đầu.

“Đặt tiền cược đi,” Lily nói, cả tháng nay đêm nào hăn cũng huênh hoang như vậy. Hăn có một cuộn tiền trong túi. Fleur có năm tờ giấy bạc lộn trong váy. Cánh đàn ông đều để dành toàn bộ tiền lương của mình.

“Đặt một đô thôi nhé,” Fleur nói và ném phần của mình xuống. Cô bị thua, nhưng chúng để cô thua từng xu một. Và rồi cô thắng được một ít. Cô đánh thất thường, như thể vận may là tất cả những gì cô có. Cô quay họ. Trò chơi tiếp tục. Bây giờ con chó nằm im, lơ lửng trên đầu gối Lily. Nó đưa ra lời khuyên bằng cách giật giật, huých huých vào khuỷu tay như thể đánh hơi được những quân bài của Fleur. Fleur đứng lên, rồi ngồi xuống, tránh được một cú cào. Tor chia bảy quân bài, đặt ba quân xuống. Số tiền tăng lên, dần dần cho tới khi dồn thành đồng. Không ai thu gọn lại. Tất cả số tiền đó nằm gối lên một quân bài cuối cùng, họ yên lặng. Fleur nhặt bài của mình lên và buông một tiếng thở dài. Hơi nóng giảm xuống dần như một tiếng chuông. Những quân bài của cô rung rung, nhưng cô ngồi yên.

Lily mỉm cười, xoa cái đầu mềm mại của con chó bằng gan bàn tay.

“Nói đi, Fatso,” hăn nói, ngân nga từng từ, “mày có đoán được sự lừa bịp của cô gái kia không?”

Con chó rên ư ử, Lily cười. “Tao cũng vậy,” hăn nói, “để rồi xem.” Hăn gạt những tờ giấy bạc và tiền xu của mình vào đồng tiền rồi họ bắt đầu lật bài của mình.

Lily nhìn một lần, rồi nhìn lại, hăn tóm chặt con chó lại như một nắm bột rồi ném phịch lên mặt bàn.

Fleur vươn tay kéo số tiền về, cười nhả nở như nụ cười của chó sói mà cô thường cười với tôi, nụ cười ấy dành cho họ. Cô lộn những tờ giấy bạc vào trong váy, gom tiền xu vào trong một tờ giấy nền màu trắng rồi buộc lại bằng một sợi dây.

“Chơi thêm ván nữa đi,” Lily nói, giọng hẩn nghệt lại vì những âm rè rè trong cổ. Nhưng Fleur đã há mồm ngáp, rồi quay về lấy thức ăn cho một con lợn thiến to đang chờ giết thịt trong kho nuôi.

Bọn đàn ông ngồi yên như hóa đá, tay họ xuôi ra trên mặt bàn gỗ dầu. Dutch nhai điếu xì gà để làm mềm những mẩu nhỏ, mắt Tor thần thờ. Cái duy nhất dõi theo Fleur là cái nhìn chăm chăm của Lily. Tôi không cự quạ. Tôi có cảm giác họ đang tụ họp lại, tôi thấy mạch máu của cha dưỡng tôi, mạch máu trên trán ông chỉ nổi lên khi giận dữ. Con chó lăn khỏi bàn, nằm cuộn lại ở ngay dưới quầy hàng, nơi không ai có thể chạm vào nó.

Lily đứng lên, đi đến căn buồng nhỏ bằng đá phẳng, nơi Pete cất giữ đồ đạc của mình. Hẩn mang ra một chai rượu, mở nút rồi dốc ngược lên uống. Cục yết hầu trên cổ hẩn di chuyển khi hẩn nuốt. Họ uống, nhanh chóng cảm thấy độ cháy của whisky, rồi trù tính bằng mắt những điều họ không thể nói thành lời.

Khi họ bỏ đi, tôi bám theo. Tôi nấp sau đồng ván vỡ lợn xộn và những sọt đựng gà bên cạnh kho nuôi, chờ họ đợi. Thoạt tiên, họ không thể trông thấy Fleur, nhưng rồi mặt trắng ló ra, soi rõ cô, đang cẩn thận đi dọc theo tấm ván cầu xù xì với một cái xô trong tay. Tóc cô buông xõa, xơ xác và khô cứng, chạm đến eo cô, cái váy của cô là một miếng vá trôi nổi trong bóng đêm. Cô cất tiếng gọi lợn, khẽ rung rung cái xô thép đập vào tấm gỗ, sự im lặng thật đáng ngờ. Nhưng đã quá muộn. Trong âm thanh của tiếng rung xô, Lily di chuyển, béo nhưng nhanh nhẹn, bước thẳng đến phía sau Fleur và vung cánh tay mịn màng của hẩn ra. Ngay khi hẩn chạm vào, cô xoay người và dội cả xô thức ăn chua lèm lên người hẩn. Hẩn đẩy cô vào cái hàng rào lớn, gói tiền xu rách tung, bật ra kêu leng keng, trong nháy mắt đã rơi xuống sàn gỗ. Fleur lăn mình một vòng và biến mất vào trong sân.

Mặt trắng chìm xuống sau tấm rèm mây tơ tả, Lily bám theo vào trong đồng rác rưởi tối tăm. Nhưng hẩn bị ngoéo chân, ngã chồm lên trên sườn một con lợn to kền càng, con lợn dầm người vào trong bùn cho tới mõm, đang ngáy ầm ầm. Tôi nhảy ra khỏi đám cỏ dại và trèo lên chái kho nuôi, bám chặt như dính vào. Tôi thấy con lợn cái dướn những cái đầu gối ngắn

ngủn và có u lên, lấy thẳng bằng, rồi lắc lư tò mò khi Lily trượt ngã về phía trước. Fleur đã lùi vào trong góc gỗ nhám phía bên kia, và khi Lily cố nhảy qua, con lợn chồm đứng lên trên hai chân sau và húc, nhanh, mạnh như một con rắn. Nó đâm đầu vào mạng sườn Lily và ngoặt chặt áo sơ mi của hắn. Nó lại húc, giáng hắn xuống thấp hơn, khiến hắn rên rỉ đau đớn kinh ngạc. Đường như hắn đang cân nhắc, thờ hồn hển. Rồi hắn lao cái thân người đồ sộ của hắn đi trong tư thế nhảy lao đầu xuống nước của một vận động viên bơi lội.

Con lợn rống to lên khi cơ thể hắn chồm đứng lên người nó. Nó lăn đi, vung những cái móng sắc nhọn như dao lên, Lily lại đề được lên nó, tóm lấy tai, giữ chặt cái đầu dài ngoẵng của nó và kéo lê mõm nó về phía những trụ rào của khu chuồng. Hắn lẳng mạnh cái đầu con lợn vào trụ sắt, nhưng thay vì đánh nó chết, hắn chỉ làm con lợn tỉnh giấc.

Con lợn chồm dậy, rống lên, kéo theo hắn cùng với nó khiến chúng ở trong tư thế như đứng thẳng lên. Chúng cúi xuống, trì núu nhau, như thể bắt đầu cuộc đấu. Rồi hai cánh tay hắn vung lên quật xuống. Nó ngoặt những cái răng đen xì vào vai hắn, quặp chặt lấy hắn, xô hắn tới lui khắp cái chuồng kho. Chân của chúng cùng nhịp, rồi loạn xạ. Cả hai nhập vào nhau như một, một cái hộp biết đi, quấn vào nhau. Con lợn chọc bàn chân nứt nẻ xuyên qua tóc hắn. Hắn chộp lấy cái đuôi xoắn của con vật. Chúng quần tới, quần lui, cùng một hình dạng, cùng một màu sắc, cho tới khi người ta không thể phân biệt kẻ nọ với kẻ kia trong cái ánh sáng ấy và Fleur có thể đã băng mình qua cổng, đu xuống, chạm chân vào sỏi.

Bọn đàn ông trông thấy, kêu ầm lên, đuổi theo cô, chạy thục mạng đến nhà xông khói. Và Lily cũng đuổi, một khi con lợn đã từ bỏ vì kinh tởm và thoát khỏi hắn. Đấy mà nơi mà tôi phải đi với Fleur, bảo vệ cô, xông tới Dutch. Nhưng tôi trở nên cứng đờ vì sợ hãi và không thể nhúc nhích hay cử động mảy may. Tôi nhắm mắt, gục đầu vào cánh tay, cố ẩn náu, vì không có gì để miêu tả ngoài những điều tôi không thể thốt ra. Hơi thở khàn khàn, khá lớn của Fleur trùm lên người tôi, cô khóc bằng một thứ ngôn ngữ xưa cũ, và nhắc đi nhắc lại tên tôi giữa đám từ ngữ ấy.

Sáng hôm sau, hơi nóng vẫn đặc quánh khi tôi quay trở lại làm việc. Fleur đã đi nhưng bọn đàn ông vẫn còn ở đó, mặt mày phờ phạc, cúi gằm. Lily nhợt nhạt và rũ rượi hơn bao giờ hết, cứ như thịt da hăn đã bốc hơi khỏi bộ xương. Họ hút thuốc, mở nắp một chai rượu. Trời vẫn chưa trưa. Tôi làm việc một lúc, đợi ở cửa hàng và mài dao. Nhưng tôi ốm, tôi thấy ngột ngạt. Tôi bị đổ mồ hôi nhiều đến mức hai bàn tay tôi trượt khỏi con dao, tôi lau sạch những ngón tay dính mỡ vì tiền của khách hàng. Có một lần Lily đã mở mồm và la hét, không vì giận dữ. Âm thanh ấy vô nghĩa. Con chó bécxơ của hăn nằm ườn ra ủ rũ bên cạnh chân chủ, không buồn ngóc đầu lên. Ngay cả với người lạ.

Họ đã không trông thấy khi tôi bước ra ngoài, hy vọng dễ thở hơn. Và rồi tôi cũng quên mất họ vì tôi biết rằng tất cả chúng tôi đã được cân nhắc, tính toán, sẵn sàng ngã vật ra, bay lên, bị nghiền nát ngay khi thời tiết thay đổi. Bầu trời thấp đến nỗi tôi cảm thấy độ nặng của nó như một cái ách. Mây sà xuống, những vòng tròn ma quái, cuộn mây màu xanh xám của vòi rồng và khi tôi nhìn, một cuộn mây tách ra, biến thành hình ngón tay cái mảnh run rẩy. Ngay khi tôi nhắc gót chạy quay vào trong nhà, gió đã đột nhiên nổi lên, lạnh giá, mưa trút xuống.

Bên trong, bọn đàn ông đã biến mất và toàn bộ ngôi nhà rung lên bần bật, như thể có một bàn tay khổng lồ đang giật rui nhà và lắc nó. Tôi chạy thẳng qua, hét gọi Dutch hay bất kỳ người nào trong số họ, rồi tôi dừng lại ở cánh cửa nặng nề của nhà kho, nơi mà chắc chắn họ lấy làm chỗ trú. Tôi đứng đó một lúc. Tất cả mọi thứ trở nên yên ắng. Rồi tôi nghe một tiếng khóc vang lên trong gió, lúc đầu nghe không rõ, một tiếng rít và rồi một tiếng thét the thé xé toang những bức tường và bao bọc quanh tôi, nói rõ ràng khiến tôi hiểu rằng tôi nên hành động, đưa tay ra đóng cái chốt cửa to bằng sắt xuống vừa vịn qua bản lề và khóa lại.

Bên ngoài, gió thổi mạnh hơn, như thể có một bàn tay giữ tôi lại. Tôi di chuyển một cách khó khăn về phía trước. Những bụi cây bị hất tung lên, những tấm bạt bay xuống phía trước cửa hàng, lan can hành lang rơi lộp độp. Đám mây đơn lẻ biến thành một cái vòi to, sục sạo dạo quanh mặt đất,

dò tìm, xoáy xuống, hất tung đồ đạc lên, hút lấy chúng, quăng chúng ra xa, sục sạo quanh quẩn như thể nó đang bám theo một thứ mùi nhất định, rồi dừng lại phía sau tôi ở cửa hàng thịt và xoáy xuống như một mũi khoan.

Tôi bay lên, rơi xuống một gò đất nào đó. Khi tôi mở mắt nhìn và thấy những điều lạ lùng đang xảy ra.

Một đàn gia súc bay qua không trung như một đàn chim khổng lồ, thả phân xuống, miệng chúng ngoác ra trong những tiếng gầm vang điếc tai. Một cây nến vẫn cháy, bay qua, bàn ghế, khăn bàn, dụng cụ làm vườn và cả một dòng kính mắt bông bênh, áo jackét treo trên móc, búa, bàn cờ, chao đèn và cuối cùng là một con lợn cái ở phía sau nhà kho, trên bãi rào kín, những móng chân của nó nhem nhuốc, thả lỏng, sà thấp, chúi đầu xuống, rống lên khi tất cả mọi thứ ở Argus bị dồn về một bên và bị đảo lộn ngược hết lên, bị nghiền nát và vỡ tung toàn bộ.

Nhiều ngày trôi qua trước khi thị trấn tìm kiếm cánh đàn ông ấy. Trong số đó, tất cả đều chưa vợ, trừ Tor, vợ anh ta đã chịu đựng một tai họa giáng xuống đầu khiến cô ta thành người mất trí. Tất cả mọi người đều bận rộn với việc đào bới trong đồng đồ nát dòn cao bởi vì ngay cả đến gác chuông nhà thờ Công giáo cũng bị giật phăng ra như một chiếc mũ lưỡi trai và bắn đi qua năm cánh đồng, đám đông lộn xộn trong nhà thờ đó đã trú trong hầm thì không bị sây sát gì cả. Những bức tường sụp đổ, cửa sổ cũng tan tành nhưng những cửa hàng thì còn nguyên vẹn, chủ ngân hàng và chủ cửa hàng cũng không hề hấn gì vì họ đã tìm nơi ẩn náu an toàn bên dưới những chiếc máy đếm tiền. Đó là một thảm họa công bằng, người ta nói chẳng một ai có thể chịu đựng nhiều hơn người khác, chí ít là như thế cho tới khi Fritzie và Pete trở về nhà.

Trong tất cả những cửa hàng ở Argus, hàng thịt của Kozka bị tổn thất nặng nề nhất. Những tấm ván mặt tiền đã bị tước vụn ra như củi, dồn đọng lại như một chiếc kim tự tháp khổng lồ, đồ đạc của cửa hàng đã vỡ tung và bị quăng ra xa. Pete đo khoảng cách cái bồn tắm bị liệng đi - hàng bốn mươi mét. Tủ kính bày hàng cũng bắn ra xa hai mươi mét và rớt xuống mà không hề hấn gì ngoài một ô kính bị nứt. Ngoài ra cũng còn những điều

ngạc nhiên khác bởi vì những căn phòng phía sau nơi Fritzie và Pete ở không hề bị xáo trộn gì. Fritzie nói rằng bụi vẫn phủ lên những hình nhân bằng sứ của cô, và trong chiếc gạt tàn trên bàn bếp vẫn còn nguyên điều thuốc cuối cùng cô để đó trong lúc vội vàng. Cô nhấc điều thuốc ra và hút nốt, nhìn qua cửa sổ. Từ đó cô có thể thấy ngôi nhà hun khói cũ mà Fleur đã từng ngủ trong đó đã bị đè bẹp dưới một đồng cát hung đỏ, và kho chứa đã hoàn toàn bị phá hủy, những thanh lan can chất thành đồng hỗn loạn. Fritzie hỏi Fleur đâu. Mọi người nhún vai. Rồi cô hỏi đến những người khác, và đột nhiên, thị trấn mới biết rằng ba người đàn ông đã mất tích.

Sự giúp đỡ được huy động với nhiều người tình nguyện mang xẻng. Chúng tôi chuyền tay nhau những tấm ván, chất đồng lên, để lộ ra ở bên dưới một đồng những mảnh vụn lởm chởm. Mấy căn nhà kho đầy ắp thịt dự trữ của Fritzie và Pete, dần dần hiện ra, vẫn không suy sụp gì. Khi đủ chỗ cho một người đứng trên mái nhà, thì có nhiều tiếng thúc đục một lỗ xuyên qua để xem cái gì nằm bên dưới. Nhưng Fritzie đã hét lên rằng cô không cho phép làm như thế bởi vì thịt sẽ bị hỏng. Vì thế công việc tiếp tục, hết tấm ván này đến tấm ván khác, cho tới khi cuối cùng cánh cửa nặng bằng gỗ sồi của kho giữ lạnh lộ ra và người ta mở lối để đi vào. Tất cả mọi người đều muốn vào trước, nhưng bởi vì cha dượng tôi mất tích nên tôi được phép đi vào trong khi Fritzie và Pete cũng len vào trong bầu không khí lạnh đột ngột.

Pete quẹt một que diêm vào đôi ủng của mình, châm vào cái đèn Fritzie đang cầm rồi ba người chúng tôi đứng yên lặng trong vòng sáng của nó. Ánh sáng chiếu vào những xác súc vật đã được lột da và đang treo, những thùng xúc xích dề lên nhau, những tảng băng hồ u ám tỏa sáng, tinh khiết như mùa đông. Hơi lạnh châm vào người chúng tôi, đầu tiên dễ chịu nhưng sau đó thì tê cóng. Hẳn là chúng tôi đã đứng đó đến hai phút trước khi trông thấy những người đàn ông, hay đúng hơn, là những đồng lông da thú, những tấm da sống lởm xờm và đã đông cứng mà họ khoác lên người, họ đã lấy những tấm da gấu xuống và quấn quanh người họ. Chúng tôi bước đến gần hơn và cúi cái đèn xách tay xuống mặt họ dưới mép bộ lông. Con

chó cũng ở đó, ngồi giữa họ, nặng như một cái chặn cửa. Ba người khom xuống quanh một cái thùng tròn nơi canh bạc vẫn đang diễn ra, một cái đèn lồng đã tắt ngấm và cả một chai rượu đã cạn. Nhưng họ đã ném những quân bài cuối cùng của mình xuống và ngồi xồm xích vào nhau, người này bám chặt lấy người kia, những khớp ngón tay trầy da vì đập cửa và bẩy cái móc cửa. Những ngôi sao lạnh giá lấp lánh trên lông mi và bộ râu lởm chởm của họ. Gương mặt họ ở trong tình trạng tập trung suy nghĩ, những cái mồm há ra như thể để nói một ý tưởng quan trọng, một sự đồng tình nào đó khi họ khoác tay nhau.

Sức mạnh được di truyền theo huyết thống, được kế thừa ngay trước khi con người sinh ra. Nó truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, mạnh mẽ, bền vững, rộng khắp, kết nối và nóng bỏng trong dòng họ Pillager, với những đầu ngón tay nhạy cảm, rất giỏi bài bạc. Nó cũng được truyền thừa qua mắt, hiệu chiến, nâu sẫm như mắt gấu, ngạo nghễ khi chúng nhìn chăm chăm vào người khác.

Trong mơ, tôi nhìn thẳng vào Fleur, vào những người đàn ông kia. Tôi không còn là cô gái da bọc xương, người quan sát trên ngưỡng cửa tối nữa.

Huyết thống đã kéo chúng tôi gần lại, như thể nó chảy xuyên qua những mạch máu trong đất. Tôi trở về nhà và trừ khi phải nói chuyện với đứa em họ, còn thì tôi sống một cuộc đời lặng lẽ. Fleur cũng sống lặng lẽ, trên chiếc thuyền phía dưới hồ Turcot. Có người nói cô đã lấy hà bá, Misshepesu, cũng có người nói cô đang lang chạ với bọn đàn ông da trắng hay da nâu gì đó, người ta cũng đồn rằng cô đã giết tất cả bọn họ. Tôi là người duy nhất ở đây tới thăm cô. Mùa đông năm ngoái tôi đến dọn dẹp căn phòng của cô khi cô sinh con, đứa bé có đôi mắt xanh và nước da màu đồng xu cổ đã gây nhiều bàn tán, vì không ai có thể khẳng định được đứa bé được pha trộn dòng máu gì, dòng máu của những người cha trong nhà hun khói, hay dòng máu của một người có vảy đồng, hay của người sống bên hồ. Bé gái trần truồng, mỉm cười trong giấc ngủ như thể nó biết điều người ta bàn khoăn, như thể nó nghe tiếng người già bàn tán mãi về câu chuyện ấy. Câu chuyện được nêu ra mỗi lần một khác, không có kết thúc,

không có bắt đầu. Cả đoạn giữa họ cũng kể sai. Họ chỉ biết rằng họ chẳng hiểu gì cả.

LOẠI MỘT NGƯỜI TÌNH RA KHỎI DANH SÁCH NGẮN

Doris Lessing (Anh, 1919)

Mấy năm trước, lần đầu gặp Barbara Coles, hấn chỉ lưu ý đến nàng bởi ai đó nói: “Đây là cô nàng mới của Johnson”. Chắc chắn khi ấy hấn đã không sử dụng kiểu nói dâm dật riêng của hấn: Ủ, thị ấy. Nhưng hấn lại thầm hỏi, John tìm được gì ở nàng. Cô ta sẽ không tồn tại lâu đâu, hấn nhớ ý tưởng ấy khi quan sát Johnson, một gã đẹp trai nhưng hơi đỏ mặt vì rượu, đang ve vãn một cô gái lạ trong lúc Barbara đứng nhìn bên bức tường. Hấn nghĩ nàng có vẻ khó chịu.

Nàng xanh xao, không được thon thả lắm bởi vóc người hơi đầy, nhưng phong cách nàng vẫn tạo nên sự quyến rũ. Mái tóc vàng, thẳng, rẽ ngôi lệch một bên, hơi luộm thuộm trong suy nghĩ của hấn. Hấn không để ý y phục nàng. Nhưng mắt nàng thì hấn nhớ: mở to, xanh biếc, gợi cảm bởi nét tình tứ mơ hồ ánh lên nơi khóe mắt. Đôi mắt xanh màu ngọc lục bảo trên khuôn mặt của một cô nữ sinh, hoặc một nữ giáo viên trẻ đang nhìn người yêu của mình tán tỉnh kẻ khác hấn rồi sẽ hờn dỗi về điều đó.

Tên nàng thỉnh thoảng xuất hiện trên báo. Nàng trang trí sân khấu, một nghề thiết kế hay một nghề đại loại gì đấy trong lĩnh vực này.

Khi tờ báo Sunday mở cuộc thi thiết kế sân khấu, nàng đoạt giải. Barbara Coles là một trong những “tên tuổi” của nhà hát, ảnh của nàng được trưng bày. Trông nàng rất nghiêm túc. Hấn nhớ là đã nghĩ về vẻ hờn dỗi của nàng.

Tối nọ, tại một bữa tiệc, hần thấy nàng đi qua phòng. Nàng đang nói chuyện với một nghệ sĩ nổi tiếng. Mái tóc vàng của nàng vẫn lệch một bên nhưng bây giờ trông đã gọn gàng. Nàng đeo chiếc nhẫn ngọc ở tay phải, chiếc nhẫn dường như đã có chủ ý mời mọc so sánh với màu mắt nàng. Hần bước lại, nói: “Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau”. Hần nói với vẻ lúng túng vì đã ngắt lời họ. “Xin lỗi, tôi không nhớ, nhưng xin chào anh,” nàng nói, mỉm cười - Và tiếp tục cuộc đối thoại của mình.

Hần bám theo một lát, nhưng nàng vội bỏ đi với nhóm người nàng mời đến nhà dùng trà. Nàng không mời Graham. Ở nàng toát lên vẻ tự tin, bất cần mà hần nhận thấy như là dấu hiệu của thành công. Ngay lúc ấy, nhìn nàng cười vang trong lúc bỏ đi cùng nhóm bạn, hần dùng lối nói: “Ừ, thị ấy”. Rồi hần về nhà với vợ trong tâm trạng vui vẻ như thể cuộc hẹn giữa hần và Barbara đã được thu xếp.

Cuộc sống gia đình của hần kéo dài đã hai mươi năm nay. Thoạt tiên có cãi cọ, khổ đau, bi kịch - đầy bất đồng, phản bội và tái hợp ngọt ngào. Phải mất đến mười năm thì hần mới nhận ra rằng hôn nhân của hần thật chẳng ra gì, kiểu hôn nhân mà hần đã trải qua trong ý nghĩ và cảm giác đầy kinh ngạc. Trái lại, hôn nhân của hầu hết những người hần quen, dấu cho họ có thay đổi một, hai hoặc ba lần thì cũng y như cũ. Tình cảm của hần đã thực sự thay đổi, thậm chí hần còn yêu say đắm một cô gái và vì quyền lợi của cô ta hần suýt ly dị vợ - nhưng vào phút cuối, hần thay đổi ý định, bỏ rơi cô để lương tâm hần (không phải không hài lòng) luôn cắn rứt vì cô. Hành vi nhục nhã đó đã giúp hần hiểu ra rằng vở kịch ấy chẳng là gì so với điều duy nhất hần tưởng tượng. Chẳng có gì hơn kinh nghiệm của bất kỳ ai ở vào hoàn cảnh hần. Và cũng có lẽ ở vào hoàn cảnh của bất kỳ một ai khác?

Dẫu sao, trong suốt mười năm sống cuộc sống gia đình hần đã hiểu ra rất nhiều điều, cuộc đời hần nảy sinh một kiểu phiêu lưu tình cảm kỳ lạ, và cuộc sống gia đình cũng đã thay đổi.

Vợ hần kết hôn với một gã nghèo kiệt xác có cái tiền đồ rực rỡ là nhà văn. Sự hy sinh đã xuất hiện, chủ yếu là từ nàng, cho cái tương lai ấy. Chẳng phải hần không nhận thức được điều đó hay vong ân bạc nghĩa, thực

tế hần cảm thấy luôn mang tội lỗi về chuyện ấy. Cuối cùng thì hần cũng đã xuất bản một cuốn sách thành công hậu hĩ, nhưng đến cuốn thứ hai bây giờ, thì lạ Chúa, chẳng một ai nhớ nổi. Hần chuyển sang truyền thanh, truyền hình và bình luận sách.

Hần hiểu hần sẽ không làm việc đó; cái công việc mà hần làm - không phải là người viết văn thuê, chẳng ai có thể gọi hần như thế - là trở thành thành viên của một nhóm sống bằng sự khôn ngoan của mình bên rìa nghệ thuật. Khoảnh khắc bừng ngộ là khi hần ngồi trong quán rượu vào giờ ăn trưa bên cạnh đài BBC, nơi hần thường tạt vào để gặp những người giống hần: hần hiểu đấy là lý do mà hần tìm đến - họ giống hần. Chỉ đến khi cuộc sống gia đình đầy kịch tính suốt mướt ấy hóa ra là giống với mọi nhà khác - chỉ khác là được chia sẻ với một người đàn bà thay vì là hai hay ba - thì cũng hóa ra rằng tài năng độc đáo của hần, sự phấn đấu trở thành nhà văn đã đưa hần đến đó, đến quán rượu này và cả nửa tá quán rượu tương tự, nơi tất cả đàn ông trong đó đều có cùng một lịch sử. Bọn họ tất cả đều có tiểu thuyết, kịch, thơ, thời hoàng kim dành cho tài năng họ. Nhưng ở đây, họ chạy theo những chương trình truyền hình mà họ xem thường (lẫn nhau hoặc với vợ) hoặc viết những bài bình luận về sách của những người khác. Đúng, đấy là việc hần làm, một ông bầu cho tài năng của những người khác. Hai khoảnh khắc thấu rõ về hôn nhân và tài năng hần lại trùng khít lên nhau; và (chắc không phải tình cờ) cũng trùng với quyết định từ bỏ hần của cô vợ để theo một anh chàng trẻ hơn hần, có triển vọng, theo cô ta, là một kịch tác gia. Chà, hần phải nói cho cô ta từ bỏ ý định ấy. Về phần cô, cô phải hiểu rằng hần sẽ không trở thành T.S. Eliot hay Graham Green của thời này - nhưng thử tính xem, có bao nhiêu người như thế? Cuối cùng cô cũng phải hiểu điều đó vì hần chẳng thể nào chịu đựng nổi sự cay đắng của cô thêm chút nào nữa. Về phần mình, hần cũng phải từ bỏ việc say khật khừ, mò về nhà vào năm giờ sáng và bắt đầu câu chuyện lãng mạn mới, cứ sáu tháng một lần và thực hiện nghiêm túc đến mức khiến cô khố sở bởi những khuyết điểm tiềm ẩn của cô. Tóm lại hần sẽ là một người chồng tốt

(hắn đã luôn là người cha có trách nhiệm). Và cô là người vợ ngoan. Và thế là: cuộc sống gia đình trở nên bền vững, như cách người ta nói.

Cái công thức: Ừ, thị ấy, từ lâu đã không hàm chứa nhu cầu quan hệ tình dục. Trong cách dùng sau này, nó nghiêng về phía những điều mà hắn cảm thấy xấu hổ. Mặt khác, nó diễn tả khía cạnh khôi hài trước phẩm chất, tài năng thật sự và năng khiếu của hắn, hóa ra là chúng chẳng liên quan gì đến nghệ thuật, nhưng lại gắn liền với đời sống cảm xúc và kinh nghiệm khó đạt đến. Nó diễn tả một lối sống đồi bại, một bằng chứng đâu chỉ riêng với hắn: bản thân ta có thể trung thực, nhưng nếu cần: ta sẽ kiếm được ả tốt nhất trong đám ấy bất cứ khi nào ta muốn.

Hắn theo dõi phạm vi dành cho những phụ nữ nổi tiếng trong nghệ thuật hoặc trong chính trường; săn lùng ảnh, lắng nghe những mẩu chuyện ngồi lê đôi mách. Hắn lên kế hoạch xem họ làm việc, khiêu vũ hay diễn thuyết khoa trương. Hắn xây dựng nên hình ảnh không phải là không khôn ngoan của họ. Hắn hoặc âm thầm kéo sợi dây cơ hội để gặp cô ta hoặc - thường xuyên hơn, vì đã mang đặc điểm hài lòng khi chờ đợi của một con bạc - bỏ bằng đi cho đến khi gặp cô ta trong trường hợp hết sức tự nhiên mà chẳng chóng thì chày cũng sẽ xảy ra. Hắn hẳn được thu xếp công khai gặp nàng đôi lần bởi công việc của hắn là phải làm vui lòng những người nổi tiếng, cả nam lẫn nữ. Vợ hắn luôn biết, hắn kể với cô. Hắn hẳn có quan hệ gần gũi nhanh chóng với người đàn bà này, nhưng thường xuyên hơn đây không phải là quan hệ hình thức. Không phải hắn không thấy hài lòng khi những người khác ghen tị với hắn - hắn sẽ lên kế hoạch, chẳng hạn như, đưa người đàn bà này đến những quán rượu đồng nghiệp nam của hắn thường đến. Cảm giác hài lòng thật sự của hắn đến khi hắn thấy sự ngạc nhiên của nàng hiện lên khi biết hắn hiểu rõ nàng đến chừng nào. Hắn khoái trá trước không khí hắn có thể tạo dựng giữa một phụ nữ thông minh và bản thân hắn: một sự phức tạp khôi hài chứa chất nhiều điều không thể nói và như thế thì việc làm tình chẳng có liên quan gì đến.

Trong danh sách những phụ nữ hắn dự định quan hệ như thế, có Barbara Coles. Chẳng cần vội vã. Tuần tới, tháng tới, năm tới họ sẽ gặp nhau tại

một bữa tiệc. Thế giới của những người nổi tiếng ở London thì nhỏ bé. Các loại cá lớn cá bé lớn vờn, chạm mũi nhau, giương vó tán tỉnh rồi lại lẩn tránh nhau. Khi hẳn đụng phải Barbara Coles thì đấy sẽ là lúc hẳn quyết định có ngủ với nàng hay không.

Trong thời gian ấy, hẳn nghe ngóng. Nhưng hẳn chẳng khám phá được gì nhiều. Nàng đã có chồng, con, nhưng gã chồng dường như mờ nhạt. Bọn trẻ dễ thương và được nuôi dạy tốt giống như trẻ con của các nhà khác. Nàng cũng từng quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, họ nói; nhưng nhiều người hẳn gặp đều nói tốt về nàng, thật khó có thể biết được họ đã ngủ với nàng hay chưa bởi chẳng một ai khoác lác trực tiếp về nàng. Nàng được nhắc đến trong lĩnh vực bè bạn, công việc, nhà cửa, tiệc tùng nàng tổ chức và công việc nàng tìm hộ cho ai đó. Nàng được hâm mộ, kính trọng và thói kiêu hãnh của Graham Spence được tăng lên bởi hẳn đã chọn nàng. Hẳn chờ đợi để nói bằng kiểu giọng rề rà: “Barbara Coles hỏi tôi nghĩ gì về cảnh đó và tôi trả lời cô ấy khá thẳng thắn...”

Rồi tình cờ hẳn gặp được gã trai trẻ khoác lác về Barbara Coles; gã tuyên bố là đã yêu đương ra trò với nàng, gần đây thôi và gã nói như thể chuyện ấy thì ai cũng biết cả. Graham nhận ra trong tâm trí mình nỗi ao ước được gần gũi với nàng lớn biết nhường nào bởi lúc này hẳn đang rối bời bời cung cách của gã oắt con Jack Kennaway kia. Mới đây gã đã thành công ở cương vị biên tập viên cho một tờ tạp chí - một trong số những gã trai trẻ ấy, không hiếm như người ta giả dụ ở những thành phố lớn, đã gạt hái thành công bằng sự thô lỗ và tính vô liêm sỉ trắng trợn. Chẳng có bao tài năng hoặc lịch thiệp nhưng khả năng mặt dày mày dạn của gã lại có sức lôi cuốn. “Đúng, tôi nhất định sẽ thành công, bởi tôi đã quyết định như thế; đúng, tôi có thể ngốc, nhưng không ngốc đến nỗi không biết những khiếm khuyết của mình. Đúng, tôi sắp thành công bởi những người như anh lại sống quân tử, vân vân, đơn giản là không tin vào khả năng của những kẻ như tôi. Các anh quá hèn nhát để có thể ngăn cản tôi. Đúng, tôi chấp nhận chuẩn mực của anh và tôi sẽ thành công bởi tôi can đảm, không những vô đạo đức mà còn thẳng thắn hoàn toàn trước nó. Thêm nữa, anh ngưỡng mộ tôi, chắc thế, nếu

không thì anh đã cản tôi rồi...”. Chà, cái gã oắt con Jack Kennaway này, gã làm Graham choáng váng. Gã nói năng liến thoắng, đẹp trai, bí ẩn và rõ ràng gã hoặc là người lãnh cảm hoặc là người đồng tính luyến ái. Gã huyền thuyên về ân huệ của Barbara Coles; thực sự là bốc lên trời về tình yêu của nàng. Hoặc giả nàng loạn thần kinh nói năng lảm nhảm theo sở thích của người tâm thần; hoặc giả Jack Kennaway là kẻ nói dối trắng trợn nhất; hoặc là nàng đã ngủ với bất kỳ ai. Graham nổi cơn tò mò. Hắn đưa Jack Kennaway đi ăn tối cốt để nghe gã nói về Barbara Coles. Chẳng còn nghi ngờ gì về việc hai người này rất thân nhau - tất cả những bữa tối, nhà hát, kỳ nghỉ cuối tuần ở miền quê - Graham Spence cảm tưởng như hắn đã đặt được tay lên ví của Barbara Coles; và việc hắn phải đợi để gặp nàng thì không thể nào chịu được nổi nữa; hắn quyết định thu xếp để gặp gỡ.

Việc đó hóa ra là không cần thiết. Nàng lại xuất hiện trên báo với một loạt may mắn. Nàng đã thiết kế thành công một vở kịch lịch sử, và ngay sau đó là một vở kịch hiện đại rồi tiếp theo là vở kịch ca vũ. Trong cả ba vở, cách bài trí gây ấn tượng lớn. Graham đọc mấy bài phỏng vấn trên báo và trên ti vi. Tất cả đều xoay quanh chủ đề khả năng giải quyết dễ dàng của nàng với nhiều kiểu sân khấu khác nhau; nhưng dĩ nhiên, trọng tâm điểm là ở chỗ người thiết kế là phụ nữ, điều này dễ dàng làm tăng thêm sức hấp dẫn cho vấn đề. Còn bây giờ thì Graham Spence được cử đến gặp nàng để thực hiện bài phỏng vấn truyền thanh nửa tiếng. Hắn vạch ra những câu hỏi để hỏi nàng về sự quan tâm, suy nghĩ trước những gì người ta đã phát biểu về nàng, kèm thêm vào đó là bản năng và kinh nghiệm của hắn đối với phụ nữ. Cuộc phỏng vấn sẽ bắt đầu vào lúc chín rưỡi tối; hắn sẽ đón nàng vào lúc sáu giờ tại nhà hát nơi làm việc thường xuyên của nàng, để còn có thời gian, như bức thư từ đài BBC viết, “để anh và cô Coles tìm hiểu nhau.”

Vào lúc sáu giờ, hắn đến cửa sân khấu, nhưng cô Coles gọi mẫu nhân tin báo là cô chưa sẵn sàng, xin đợi một lát. Hắn đi loay quanh rồi đến quán rượu đối diện uống nhanh một ly nhưng vẫn chưa thấy cô Coles. Vậy nên hắn vòng ra phía sau sân khấu vọng tiếng người, tiếng búa và tiếng cười. Ánh sáng tối nên nhóm người đang làm việc không nhìn thấy hắn. Giám

đốc, James Poynter, khoác vai Barbara. Anh ta mới nổi, trẻ, đẹp, hào hoa, nổi tiếng về sự thông minh. Barbara khoác chiếc áo choàng màu xanh đậm, mái tóc phẳng xõa xuống trán nên nàng đưa bàn tay đeo nhẫn hất giữ ngược lên. Hai người đứng bên nhau, rất gần. Ba chàng trai trẻ, nhân viên trang hoàng sân khấu, đứng đằng kia bực, nơi mấy bức minh họa đang được kéo lên. Họ đang xem xét mấy bức họa đó. Barbara nói bằng giọng ấm áp, truyền cảm: “Này, tôi nghĩ thế nếu chúng ta đặt ở đây - anh thấy được chứ, James? Anh nghĩ thế nào, Steven?” “Ồ, tuyệt,” chàng trai nàng gọi là Steven đáp, “tôi hiểu ý chị, nhưng tôi phân vân nếu...” “Tôi nghĩ là em đúng đó, Babs,” giám đốc nói: “Nhìn này,” Barbara nói, khi giữ một bức họa trước mặt Steven, “Nhìn này, tôi chỉ cho anh xem”. Cả năm người cùng cúi nhìn, miệt mài với công việc.

Bỗng nhiên Graham không thể nào chịu đựng nổi cảnh đó. Hắn biết hắn chấn động tận đáy lòng. Hắn rời sân khấu, đứng tựa lưng vào bức tường của lối đi dơ bẩn dẫn vào phòng thay đồ. Mắt hắn ngập đầy nước mắt. Hắn đang thấy những hình ảnh tự xa xưa thuở hắn ra đời từ thế giới thù hận, sự điên rồ của cái tôi tuổi trẻ; cứng nhắc đầy ngưỡng mộ mà hắn từng nếm trải từ năm hai mươi tuổi. Nhóm người ấy - làm việc, trêu đùa, tranh luận, phải, đây là tất cả những gì hắn đã không biết suốt nhiều năm nay. Điều làm họ trong sáng là tinh thần dân chủ trong thái độ tôn trọng công việc của nhau, tin tưởng vào bản thân và tin tưởng người khác. Trông họ giống như những người kết thành nhóm để cùng chống lại một thế giới mà họ - không, không phải xem thường, nhưng đã cân nhắc, thấu hiểu là sẽ chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng, không quan tâm đến việc họ ủng hộ ai hay cái thế giới ấy ủng hộ ai. Hắn thấu hiểu một phần của sự cân bằng ấy đã lâu lắm rồi. Và hắn biết hắn đã nhìn thấy Barbara Coles tại khoảnh khắc nàng đúng là nàng đang thoải mái với nhóm người nàng cùng làm việc. Đến lúc đó, nước mắt đang ráo dần trên mi, cảm thấy già nua và khô hạn, hắn quyết định sẽ ngủ với Barbara Coles. Điều ấy cần thiết cho hắn. Hắn quay lại, bước qua cửa lên sân khấu, lòng nung nấu quyết tâm duy nhất này.

Cả năm người vẫn cùng làm việc. Barbara nhắc tấm vải xanh lóng lánh quần qua vai Steven, người trang hoàng sân khấu. Anh ta phô nó ra, mấy người kia cùng quan sát. “Anh nghĩ thế nào, James?” nàng hỏi giám đốc. “Chúng ta chọn màu xanh xin ấy, anh nghĩ...” “Được,” James nói nhưng không thật chắc chắn, “được đó, Babs, được...”.

Bây giờ Graham bước tới gần, đứng bên cạnh Barbara và nói: “Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau trước đây.” Và lần thứ hai, nàng mỉm cười xã giao rồi nói: “Ồ, xin lỗi, tôi không nhớ.” Graham gật đầu chào James, người hần quen hoặc chí ít đã từng gặp nhau đôi lần trong vài năm nay. Nhưng rõ ràng là James cũng chẳng hề nhớ hần.

“Từ đài BBC,” Graham nói với Barbara, một lần cắt ngang đột ngột nữa; trái với ý muốn của hần. “Ồ, xin lỗi, xin lỗi, tôi quên khuấy đi mất. Tôi phải đi trả lời phỏng vấn,” cô nói với cả nhóm. “Ông Spence đây là phóng viên”. Graham khẽ nhếch mép cười mĩa cái danh hiệu phóng viên ấy, nhưng lúc ấy nàng không nhìn hần. Nàng đang mải miết với công việc. “Chúng ta nên quyết định tối nay,” nàng nói. “Steven đúng đấy.” “Vâng, tôi đúng,” tay trang hoàng nói. “Cô ấy đúng đấy James, chúng ta cần màu xanh ấy với cái màu xanh xin ở mọi nơi.” “James,” Barbara nói. “James, nó có gì sai? Anh không nói.” Nàng bước về phía James, vượt qua Graham. Lại nhớ tới hần, nàng phân bua. “Xin lỗi,” nàng nói, “chúng tôi chưa thể đồng ý. O, này” - nàng quay sang Graham - “ông khuyên chúng tôi đi, chúng tôi thấy khó quyết định quá...” Lúc ấy, James cười phá lên, mấy người trang trí kia cũng cười rộ. “Đừng, Babs,” James nói, “dĩ nhiên ông Spence không thể khuyên được. Ông ấy vừa mới đến tức thì. Chúng ta phải quyết định lấy. Này, tôi sẽ để các bạn đến sáng mai. Đã đến lúc về nhà, bây giờ chắc đã sáu giờ.”

“Gần bảy giờ rồi,” Graham nói với vẻ bức bối.

“Thế ư!” Barbara nói như đóng kịch. “Lạy Chúa, khủng khiếp quá; tồi tệ quá là cái công việc mà tôi đã làm...” nàng đang tự cười mình. “Ồ, ông sẽ phải thứ lỗi cho tôi thôi, ông Spence ạ bởi ông không còn đường lựa chọn nào khác.”

Họ lại phá ra cười: rõ ràng đây là trò đùa của nhóm. Và bây giờ, Graham chớp lấy cơ hội. Hắn nói quả quyết như thể hắn là giám đốc của nàng, nhưng thực tế là bắt chước cung cách của James Poynter dành cho nàng: “Không, cô Coles, tôi sẽ không thứ lỗi cho cô đâu, tôi đã lang thang mòn cả gót gân cả giờ đồng hồ nay rồi”. Nàng nhăn nhó, cười rồi chấp nhận điều đó. James nói: “Đây, Babs, đây là cách em đáng được đối xử. Bọn anh làm hư em.” Anh ta hôn lên má nàng, nàng hôn cả hai má anh ta, mấy người trang trí bước ra. “Chúc một buổi tối tốt lành, Babs,” James nói, đi ra ngoài và gật đầu chào Graham. Người đang đứng che giấu sự hài lòng của mình trong điệu bộ khó xử. Hắn biết, bởi lẽ hắn có đủ can đảm để kiên quyết, thực sự dứt khoát với Barbara, rằng bản thân hắn đã tiết kiệm được nhiều giờ diễn tập. Uống nhiều, một bữa ăn tối - có lẽ hai hoặc ba tối đi uống và ăn tối - đã được tiết kiệm vì bây giờ hắn đã dẫn được một bước như thế với Barbara Coles khi có thể nói: “Không, tôi sẽ không tha thứ cho cô, cô đã bắt tôi chờ đợi”.

Nàng nói: “Em cần phải...” rồi đi vượt qua hắn. Trên lối đi, nàng móc chiếc áo khoác vào cái mắc áo. Đường như nàng đang suy nghĩ về việc gì khác nhưng khi bắt gặp cái nhìn của hắn, nàng mỉm cười thân thiện; hắn hài lòng nhận ra đây là kiểu cười nàng dành cho một trong những người trang trí sân khấu, hay thậm chí là cho James. Nàng lại nói: “chỉ vài giây...” rồi đi đến phòng làm việc có cửa thông sang sân khấu. Nàng trao đổi ý kiến với người gác cửa. Có chuyện gì rồi. Graham chớp thêm một cơ hội nữa nói: “Chuyện gì vậy, anh có thể giúp được gì không?” - như thể hắn có thể giúp, như thể hắn mong muốn được giúp. “Ồ...” nàng nói, nhăn trán. Rồi nói với người kia: “Không, sẽ ổn cả thôi. Tạm biệt”. Nàng đến chỗ Graham. “Bọn em hơi bất đồng ý kiến bởi một nửa cảnh là ở Liverpool còn một nửa là ở đây - nhưng rồi cũng sẽ tìm ra cách”. Nàng đứng trò chuyện với hắn như cách một người đối với đồng nghiệp mình. Hắn cảm thấy tất cả được thu xếp rất đáng khâm phục; nhưng chắc sẽ có khoảnh khắc tệ đi họ chuyển từ lĩnh vực sân khấu chuyên môn ra đường. Hắn lại đưa ra quyết định, cầm cứng cánh tay nàng và nói: “Chúng ta sẽ uống một tí trước lúc

làm bất cứ việc gì, bên ngoài này, trời đêm khủng khiếp quá”. Cánh tay nàng có vẻ lưỡng lự nhưng vẫn để yên trong tay hắn. May mắn thay, trời đang đổ mưa. Hắn tự tiện chỉ lối cho nàng: “Không, không phải quán ấy, có một quán dễ thương hơn ở sau góc kia kìa”. “Ồ, nhưng em thích quán này”, Barbara nói, “bọn em luôn uống ở đây”.

“Dĩ nhiên mày có thể vào”, hắn thầm nhủ. Nhưng trong quán ấy chắc là có mấy tay trang trí sân khấu, có lẽ là cả James và hắn sẽ không tiếp cận được nàng. Hắn lại trở thành phóng viên. Hắn kiên quyết lôi ào nàng qua khỏi nơi nguy hiểm, vòng qua hai góc phố rồi tạt vào quán rượu hắn tình cờ trông thấy. Liếc nhìn quanh một vòng - không, chúng chẳng có ở đây. Nhưng lại có mấy người của nhà hát, nàng chẳng tỏ dấu hiệu gì. Nàng đề nghị bia. Hắn gọi cho nàng một suất đôi rượu Scotch, sau khi được nàng đồng ý. Rồi, sau một loạt những chiến thắng nhỏ, hắn cần thời gian để suy ngẫm. Có cái gì đó đang làm hắn khó chịu - cái gì nhỉ? Đúng, đấy là cảnh hắn thấy ở hậu trường, Barbara và James Poynter. Nàng đang dây dưa với gã sao? Nếu như thế thì sự thế sẽ khó khăn hơn nhiều. Hắn buộc bản thân phải xem xét chuyện hai người và tư duy với cảm giác ghen tuông mạnh mẽ đến kỳ lạ: Đúng, là thế rồi. Trong lúc đó hắn ngồi nhìn nàng, biết rõ cái nhìn của mình dành cho nàng, một người đàn ông đắm đắm nhìn người đàn bà với vẻ điềm tĩnh nhận biết giá trị: chờ đợi nàng cảm thấy và phản ứng. Nàng đang ngó nghiêng quán rượu. Bộ đồ len trắng của nàng thắt ngang lưng là bộ đồng phục không phải không khiêu gợi. Mái tóc vàng thẳng của nàng được buộc vội sau khi làm việc đã không được gọn ghẽ. Làn da trắng sạch của nàng, không điểm tô chút màu gì cả, khiến nàng trông mệt mỏi. Vào lúc ấy, Graham nghĩ, chẳng hào hứng lắm, nhưng vẫn giữ nguyên cái nhìn thấu hiểu giá trị của hắn cho đến khi nàng quay lại và sẽ nhìn thấy. Hắn biết nàng sẽ nhìn thấy gì; hắn đâu có tuyệt đối trông cậy vào ánh mắt đắm đắm “ấm áp dịu dàng” của hắn bởi đấy chỉ là ấn tượng giả tạo mà hắn cố nặn ra. Tóc hắn đen, điểm bạc. Quần áo hắn rộng thùng thình, cồng kềnh và sặc vẻ đàn ông. Đôi mắt hắn lộ vẻ khô hài và từng trải. Hắn không, và sẽ không bao giờ, để rơi vào tình cảnh sao nhãng ấn tượng về sự ổn định,

phụ thuộc của một người chồng và người cha. Nhưng ngược lại, hẳn biết phụ nữ luôn tìm thấy ở đó sự đảm bảo.

Rốt cuộc, khi quay lại, nàng nói như có lỗi: “Anh không phiền nếu chúng ta ngồi xuống chứ? Tôi đã chạy tới chạy lui nhiều việc suốt cả ngày nay rồi.” Nàng chỉ hai chiếc ghế trống trong góc. Hẳn cũng muốn thế nhưng vội phản đối vì đã có mấy người đang ngồi bên bàn. “Nhưng dĩ nhiên, bồ à!” Họ ngồi xuống ghế, khi ấy Barbara nói: “Em xin lỗi ra ngoài một lát.” Nàng nhớ mình cần trang điểm. Hẳn nhìn nàng đi ra, cảm thấy bức bối. Nàng mệt và hẳn chắc đã thấu hiểu, che chở, cho nương tựa. Hẳn nhận ra rằng ở quán kia, với những người cùng làm việc suốt ngày, nàng chắc đã không nghĩ: “Mình phải trang điểm, phải tươi tắn.” Dung mạo này dành cho người ngoài. Cho đến lúc này, nàng đã không xem Graham là người ngoài, bởi hẳn đón lấy cơ hội xuất hiện như thể hẳn là một trong những thành viên của nhóm làm việc tại nhà hát; nhưng bây giờ cơ hội ấy không còn nữa. Nàng đã quay lại với vỏ bọc của mình. Tóc nàng đã được chải chuốt, không còn cầu thả nữa. Mắt nàng đã trang điểm. Lông mày được chăm chút, bên trên đôi mắt xanh sáng là đường kẻ vàng nhạt, lông mi được kẻ đen. Khá tốt, hẳn nghĩ, sự tương phản. Phải, nhưng khoảnh khắc ấy qua đi khi hẳn mở miệng nói: Em có biết má em có vết cắn không? Hoặc - cô bé xinh đẹp của tôi ơi! rồi dùng sống tay thân mật vuốt tóc nàng ra sau. Thực tế nếu hẳn không cẩn thận thì hẳn sẽ phải quay về xuất phát điểm ban đầu.

Hẳn lưu ý: “Chiếc nhẫn ngọc rất xinh” - mỉm cười nhìn vào mắt nàng.

Nàng mỉm cười lịch sự rồi nói: “Không xinh lắm đâu, chỉ là ngẫu nhiên, của bà nội em.” Nàng khẽ cọ mặt vào tay và mỉm cười. Nhưng đấy là điệu bộ nàng thường đáp lại những lời ca ngợi nàng nhận trước đây. Tất cả chỉ mang tính xã giao, nàng trở nên hoàn toàn xã giao. Nàng nhắc: “Chẳng phải anh đã nói chín rưỡi chúng ta thu băng sao?”

“Barbara thân thương của tôi ơi, ta còn cả hai tiếng nữa. Ta sẽ uống vài ly nữa, sau đó tôi sẽ hỏi em vài câu rồi ta tạt vào trường quay và mọi việc kết thúc, tiếp đó ta sẽ thoải mái đi ăn bữa khuya.”

“Em muốn ăn bây giờ nếu không làm phiền anh. Em không ăn trưa nên đói lắm.”

“Thì em thân thương ời, cứ tự nhiên.” Hăn cúi. Chỉ vì hăn đang sừng sờ bởi cơn ghen thực sự của hăn với James, vậy nên lúc này hăn không giữ được bình tĩnh; hăn đã tính toán suốt bữa ăn tối lặng lẽ kéo dài sau đó để thu xếp chung chỗ ngồi với nàng. “Cạn ly đi rồi anh sẽ đưa em đến nhà hàng Nott.” Nott đặt. Khi nói hăn liếc nhìn thăm dò nàng. Nàng nói: “Em nghĩ sao anh không đến nhà hàng Butler? Ngon và gần hơn.” Butler ngon nhưng rẻ, hăn cho nàng điểm tốt vì thích nhà hàng ấy. Nhưng Nott đã được chọn. “Cưng à, ta sẽ đón taxi và đến Nott ngay, đừng lo.”

Nàng nghe lời nhắc chân đi: cái cách nàng di chuyển khiến hăn hiểu mình đã sa lầy như thế nào. Nàng đang tự nhủ: Rất tốt, hăn thích thế, vậy thì được, ta sẽ làm bất cứ điều gì hăn muốn rồi kết thúc bằng...

Nuốt vội ly rượu của mình, hăn theo nàng và khoác tay nàng trên ngưỡng cửa quán rượu. Động tác của hăn lịch sự. Bên ngoài trời mưa bụi. Không có taxi. Bây giờ hăn đang gặp rủi ro. Hăn im lặng đi bộ đến cuối phố. Đến đấy, Barbara liếc nhìn bên đường nơi có biển hiệu: NHÀ HÀNG BUTLER. Không nhằm để lưu ý hăn, mà trái lại nàng che giấu cái liếc nhìn. Và đến lúc này, nàng nhất nhất nghe theo lời đề nghị của hăn, hai người chắc sẽ không bao giờ chia sẻ khoảnh khắc gần gũi như ở nhà hát.

Họ cuốc bộ nửa dặm đến Nott. Không có taxi. Nàng nói chuyện: điều ấy hăn biết là nhằm để khóa lấp thái độ ngượng ngùng mà hăn có thể cảm nhận được bởi nửa dặm đi bộ dưới trời mưa trong lúc nàng đã mệt mỏi. Nàng đang nói về mấy dự định sẽ thực hiện ở nhà hát, với các bản thiết kế xây dựng nhà hát. Hăn nghe tiếng hăn nói và lặp lại: Ừ, ừ, ừ. Hăn nghĩ về nhà hàng Nott, làm sao để thu xếp mọi thứ ngay khi hai người đến Nott. Ở đó, hăn kéo gã bồi trường sang một bên, cho gã một pound và căn dặn. Họ được xếp ngồi trong góc. Mấy ly rượu Scotch lớn được mang đến. Thực đơn trải rộng. “Nào, cưng”, hăn nói. “Anh xin lỗi là đã kéo em đến đây, nhưng hy vọng rằng em sẽ nghĩ việc ấy đáng làm.”

“Ồ, nhà hàng hấp dẫn quá, em rất thích. Chỉ có điều là...” Nàng bỏ dở nửa chừng câu nói: đoạn đường xa ời là xa. Nàng mỉm cười với hắn, nâng ly và nói: “Đây là một trong số những địa điểm yêu thích nhất của em, rất vui vì anh đã đưa em đến đây.” Giọng nàng đều đều vì mệt mỏi. Tình thế trở nên tồi tệ, hắn ngồi suy tính cách phục hồi vị trí của mình. Trong lúc đó, nàng mài rà tay trên thực đơn. Bồi trưởng nhận yêu cầu, nhưng Graham phác cử chỉ ra hiệu: Hãy đợi một lát. Hắn muốn rượu Scotch ngấm trước lúc nàng ăn. Nhưng nàng đã nhìn thấy hiệu lệnh im lặng của hắn; và chẳng hề bức mình hay trách cứ mà chỉ nghiêng người tới trước nói với vẻ cam chịu: “Graham, xin anh hãy để em ăn, chắc anh chẳng muốn em say khi phỏng vấn, đúng không?”

“Họ sẽ mang lên ngay khi làm xong,” hắn nói rề giọng như thể nàng tham ăn. Hắn không nhìn cả bồi trưởng lẫn Barbara. Hắn tự nhủ, khi hắn càng trượt xa, trượt xa con đường tiếp cận nàng, thì một quyết định tàn nhẫn dấy lên trong hắn; rõ ràng nó xuất phát từ hành động ý thức của dục vọng, mà những gì có thể xảy ra là, nếu phải mất cả đêm thì trước khi trời sáng hắn sẽ vào được giường nàng. Còn bây giờ, nhìn khuôn mặt xanh xao bé nhỏ, có đôi mắt xanh, to thì đây là lần đầu tiên hắn tưởng tượng cơ thể nàng trong vòng tay. Mặc dù hắn đã nói: Phải, thị ấy, nhiều tuần lễ trước thì chỉ bây giờ hắn mới hình dung nàng như đối tượng để nếm mùi cảm giác. Giờ thì hắn đã quyết tâm, mạnh đến nỗi chỉ dám liếc nhìn nàng rồi vội lảng xa đến chỗ mấy tay bồi đang mang thức ăn vào.

“Lạy Chúa,” Barbara nói, và ngay lập tức giọng nàng vui nhộn, thành tâm. “Lạy Thượng Đế - Lạy khắp các quyền năng mà...” Nàng đang đùa bởi lối nói cường điệu của mình; rồi như hắn thấy, bởi vì nàng muốn hắn lấy lại cảm giác thoải mái của chính hắn sau khi hắn đã thô lỗ với việc trì hoãn gọi thức ăn. (Nàng vẫn không bị cuốn vào, hắn thấy bề mặt và ghét nàng). “Cám ơn tất cả các thánh thần của nhà hàng Nott,” nàng nói tiếp, “bởi nếu không được ăn trong vòng năm phút thì em nói cho mà biết nhé, em chắc chết mất.” Đến đây nàng cầm dao, nĩa và bắt đầu ăn món bít tết của mình. Hắn rót rượu, mỉm cười với nàng trong lúc nghĩ rằng khoảnh

khắc gần gũi này sẽ không được để mất đi. Hắn nhìn cơn đói ngẫu của nàng khi nàng ăn và nghĩ: Khoái cảm xác thịt - thật lạ lòng mình đã không tự hỏi nàng có hay là không.

“Nào,” nàng nói lúc ngồi dựa người ra, sau khi đã đẩy lùi cơn đói: “Ta tiến hành công việc đi thôi.”

Hắn nói: “Anh đã nghĩ chuyện này rất kỹ lưỡng - cách giới thiệu em ấy mà. Đường như đối với anh, việc đầu tiên là chúng ta phải bỏ ngay cái lỗi cũ rích: Thừa cô Coles, thật phi thường làm sao đối với một phụ nữ, người rất tháo vát trong công việc của mình... tôi hy vọng cô đồng ý chứ?” Đây là quân át chủ bài của hắn. Khi trông thấy nàng trên ti vi, hắn đã lưu ý đến nụ cười lịch sự lúc lời ấy được đưa ra (kiểu cười mỉm mà hắn luôn thấy tối nay). Nụ cười ấy nói: Thôi được, nếu bạn phải là đồ ngốc thì tôi có thể làm gì đây?

Bây giờ nàng cười vang rồi nói: “Dễ chịu làm sao. Em nghĩ anh sắp làm hết như vậy.”

“Tốt, bây giờ em ăn còn tôi nói.”

Bằng giọng chuẩn bị kỹ càng, nhưng không trực tiếp, hắn nói về các phong cách khác nhau của nhà hát mà nàng đã chứng tỏ tài nghệ của mình: hắn đang tăng bốc chuyên môn nàng; sự phức hợp của đặc trưng được thể hiện qua cách bài trí của nàng. Nàng bình thản ăn, gương mặt chẳng bày tỏ chút dấu hiệu gì. Cuối cùng nàng hỏi: “Và anh đã tính toán như thế nào để dẫn dắt điều đó?”

Hắn trù tính bất ngờ nói ra điều ấy với nàng, câu gì đó đại loại: Cô Coles, một phụ nữ trẻ tài năng với những gì đã đạt được (nàng ba mươi? ba hai?) và là người rất duyên dáng.... “Có lẽ tôi sẽ cung cấp cho quý vị những sở thích của cô nếu tôi nói cô có thể được nhận thay cho mình tinh màn bạc Marie Carletta.” Carletta nổi tiếng là người có trí tuệ với mái tóc vàng sẫm khỏe mạnh. Nhưng giờ thì hắn biết chưa phải lúc để nói điều đó: hắn có thể hình dung được cái nhìn dừng dừng của nàng nếu hắn nói. Nàng nói: “Ông vui lòng nếu chúng ta đừng dấn động chút gì đến chuyện ấy nữa - chuyện tài

năng lĩnh kinh của tôi ấy mà, vân vân...” Hãn cảm thấy cơ thể co cứng vì bức bối; đặc biệt một khi đây không phải là lời buộc tội, hãn hiểu nàng chẳng coi kể hãn ra gì. Nàng đánh giá hãn: Đây là loại người sử dụng cái lối tán tỉnh ấy và vì thế... Nó khiến hãn thêm phần giận dữ bởi thậm chí nàng cũng không gây rắc rối bằng cách bảo: Tại sao anh lại cứ làm đúng những gì mà anh đã hứa là không làm? Nàng đang lịch sự hết mực, cố giữ kiên nhẫn trước sự ngớ ngẩn của hãn.

“Tóm lại,” nàng nói, “công việc của một người thiết kế sân khấu là thực hiện những gì được đưa diễn. Ai cũng sẽ làm được, ta thử đề cập đến Johnnie Cranmore” (một người thiết kế sân khấu) ở trong hoàn cảnh ấy hoặc trên ti vi và nói: Anh thật tháo vát làm sao bởi tháng trước anh đã minh họa cho nhạc phẩm ấy về Java và một vở kịch hiện đại về những người lao động Ailen?”

Hãn cố kìm cơn giận. “Barbara thân thương, anh xin lỗi. Anh đã không nhận ra rằng những gì anh nói lại nghe như thể những lời rối rắm trước đây. Vậy thì chúng ta sẽ nói gì đây?”

“Những gì chúng ta đã nói khi đi bộ đến nhà hàng: chúng ta có thể dừng đề cập gì đến vấn đề cá nhân được không?”

Lúc này hãn rất hoang mang. Rồi, lạy Chúa, hãn cười xòa nhẹ nhõm bởi nàng đã phá lên cười và nói: “Anh chẳng nghe lấy một câu nào của em.”

“Đúng, anh đã không nghe. Anh sợ em sắp nổi giận bởi anh để em đi bộ quá xa trong lúc đã mệt mỏi.”

Họ cùng cười, quay lại lúc họ ở trong nhà hát. Hãn cúi người, cầm tay nàng lên hôn. Hãn nói: “Nói lại cho anh nghe đi.” Hãn nghĩ: Mẹ kiếp, bây giờ cô ả sắp sửa thù mị nhất và dễ bảo.

Nhưng hãn biết hãn ngốc. Hãn đã quên bém bản thân lúc hai mươi - hoặc, vì vấn đề ấy, ở tuổi ba mươi; quên mất rằng con người có thể nhiệt thành sống vì một quan điểm, một loạt quan điểm. Bởi lẽ khi nói về quan điểm của nàng (cũng như quan điểm của những người cùng làm việc với nàng) về một sân khấu mới, một phong cách sân khấu mới thì nàng hồ hởi

như cách nàng xử sự với các đồng nghiệp trước những bức minh họa hay tấm vải màu xanh. Nàng thoải mái, không kiêu cách và rất cởi mở. Đây là cơ sở, hần nhớ, để ai đó phát biểu, quan điểm là hơi thở của cuộc đời. Những quan điểm ấy, hần nghĩ, quả thực là thông minh; và hần sẽ đồng ý với họ, với nàng, nếu hần tin điều đấy cực kỳ quan trọng theo cách này hay cách khác, nếu bất cứ một trong những tấm lòng nhiệt tình ấy là quan trọng đúng mực. Nhưng rốt cuộc bây giờ hần đã có chìa khóa, hần biết phải làm gì. Cuối cùng, chưa đến quá nửa giờ, họ lại là hai nhà chuyên môn, nói về những quan điểm có thể chia sẻ, vì một lần nữa, hần nhớ tuyệt đối cần trọng về tất cả chuyện này. Khi nào? Hần đã từng cần trọng như thế cách đây bao nhiêu năm rồi?

Cuối cùng hần nói: “Barbara thân thương, em có nhận thấy em đang đẩy anh vào thế kẹt không? Margaret Ruyen, người điều hành chương trình quyết định anh phỏng vấn đời tư của em, người đàn bà đáng thương ấy đã không có lấy một ý tưởng nghiêm túc trong đầu.”

Barbara cau mày. Hần đặt tay lên tay nàng, an ủi: “Đừng, hãy đợi đã, cứ tin vào anh, chúng ta sẽ thuyết phục được bà ta.” Nàng mỉm cười. Thực ra Margaret Ruyen đã trao toàn quyền cho hần mà không nói gì về cô Coles.

“Bọn chúng chẳng sáng dạ lắm đâu - cái đồ mặt dày mày dạn ấy,” hần nói. “Nào, đừng bận tâm: chúng ta sẽ tìm được thứ mình muốn, cứ thực hiện đi và sự việc sẽ hoàn toàn tốt đẹp.”

“Cám ơn anh, dễ chịu quá. May mắn làm sao khi em được anh phỏng vấn.” Bây giờ nàng thoải mái, bởi vì rượu whisky, thức ăn, rượu vang và hơn nữa là một liên minh mới chống lại Margaret Ruyen. Mọi việc sẽ dễ dàng. Họ tìm ra năm, sáu câu hỏi, một châu cà phê, rồi đón taxi đi trong mưa đến phòng ghi âm. Hần để ý thấy nhu cầu bức bối được gặp nàng, tiếp xúc rồi chinh phục nàng, đã rời bỏ hần. Thậm chí hần đang hình dung trong lòng cảnh buổi tối kết thúc, hần hôn lên má nàng, rồi về nhà với vợ. Tình cảm bạn bè như thế hần cực kỳ dễ chịu. Điều đó làm dịu đi vết thương mà hần không ý thức là đã mang suốt cả tối hôm ấy khi hần phải chấp nhận sự phán xét từ cái từ phóng viên. Hần cảm thấy có thể nói chuyện mãi về vấn

đề sân khấu, tình hình tài chính của nó, sự ngu ngốc của chính phủ, về tính phi văn hóa của...

Đến phòng ghi âm, hăn cẩn thận pha trò để hai người vừa bước vào vừa cười. Hăn tính toán để cuộc phỏng vấn tiến hành ngay, không nói chuyện với Margaret Ruyen; rồi từ lúc đèn xanh bật sáng, giọng hăn mất hăn về thân tình dễ dãi. Hăn đảm bảo không có bất cứ một câu hỏi về đời tư nào được đưa ra trong suốt cuộc phỏng vấn. Sau đó, Margaret Ruyen, với vẻ hài lòng, tiến đến để bày tỏ nhưng hăn vội kéo bà sang một bên và bảo cô Coles bị mệt, cần được đưa về nhà ngay; bởi vì hăn biết, đối với Barbara, hành động đó như thể hăn đang chống lại người phụ trách, người đang mong đợi một cuộc phỏng vấn theo kiểu khác. Hăn đưa Barbara ra, tay nàng bấu chặt và áp sát vào người hăn. “Ồn,” hăn nói, “ta đã làm xong, anh không nghĩ bà ta biết chuyện gì trái ý mình.”

“Cám ơn anh,” nàng nói, “Thật dễ chịu khi có dịp nói về điều gì đó một cách sáng suốt.”

Hăn hôn nhẹ lên miệng nàng. Nàng đáp lại và mỉm cười. Lúc bấy giờ hăn cảm thấy chắc chắn trạng thái ấy không rời bỏ nữa, hăn có thể giữ lại.

“Có hai việc chúng ta có thể làm,” hăn nói. “Em có thể đến câu lạc bộ của bọn anh uống một chút. Hoặc anh có thể đưa em về nhà rồi em sẽ mời anh uống. Chẳng nào anh cũng đi qua nhà em.”

“Anh sống ở đâu?”

“Ở Wimbledon.” Thật ra hăn sống ở Highgate; nhưng nàng sống ở Fulham. Hăn sắp nhận một cơ hội nữa, nhưng đến lúc nàng phát hiện ra thì họ đã ở vào quan hệ cười phì trước mười kể ấy.

“Tốt,” nàng nói. “Vậy thì anh có thể thả em xuống nhà. Em phải dậy sớm.” Hăn không nói gì. Trong taxi, hăn cầm tay nàng; bàn tay nặng trĩu trong tay hăn, hăn hỏi: “James có bắt em làm quá sức không?”

“Em cứ tưởng là anh không quen anh ấy - không, anh ấy không làm như vậy đâu.”

“Ờ, thật ra anh không thân anh ta đâu. Làm việc với anh ta thì như thế nào?”

“Tuyệt vời,” nàng đáp ngay. “Em chẳng thích làm việc với bất cứ ai bằng anh ấy.”

Cơ ghen lại bốc lên trong hăn. Hăn chẳng thể kiềm chế nổi: “Em đang quan hệ với anh ta phải không?”

Nàng nhìn: thì can hệ gì đến anh? nhưng nói: “Không, em không.”

“Anh ta rất hấp dẫn”, hăn nói trong nụ cười thâm của sự đồng lõa từng trải. Nàng chẳng nói gì và hăn quả quyết: “Nếu là phụ nữ thì anh sẽ phải lòng James.”

Nàng đừng nói gì thì có lẽ tốt hơn. Nhưng nàng lại buột miệng: “Anh ấy đã lập gia đình.”

Hăn xây xẩm mặt mày. Đây là lời ngốc hại đầu tiên nàng mắc phải. Đây là lời nhắc nhủ cực kỳ ngu ngốc đến nỗi... hăn buông một tiếng cười lấy lòng, choàng tay ôm nàng, hôn rồi nói: “Babs bé bỏng thân thương của tôi ời.”

Nàng nói: “Tại sao lại Babs?”

“Có phải đó là đặc quyền của James, và của mấy người trang trí sân khấu kia không?” hăn không thể tự ngăn mình đừng nói nữa.

“Tên ấy chỉ dùng khi làm việc.” Nàng cưỡng người trong vòng tay hăn.

“VẬY thì Barbara thân thương...” Hăn đợi nàng nguôi đi và giải thích, nhưng nàng không nói gì. Lát sau nàng toài người ra khỏi vòng tay hăn, lấy cớ là châm thuốc. Hăn châm cho nàng. Hăn để ý rằng quyết tâm chinh phục nàng bằng bất cứ giá nào đã trở lại trong hăn. Họ đến bên nhà nàng. Hăn nói nhanh: “Và bây giờ, Barbara, em có thể pha cho tôi một tách cà phê và một ly rượu mạnh.” Nàng lưỡng lự; nhưng hăn đã ra khỏi taxi, trả tiền và mở cửa cho nàng. Hăn để ý thấy ngôi nhà không một ánh đèn. Hăn nói: “Chúng ta sẽ thật khê để không làm bọn trẻ thức giấc.”

Nàng từ từ quay đầu lại nhìn hắn. Nàng nói đều đều đáp lại câu hỏi thực của hắn: “Chồng em đi vắng. Bọn trẻ cũng vậy, tối nay chúng đến thăm bạn.” Bây giờ nàng đi trước hắn đến cửa ngôi nhà. Đây là ngôi nhà nhỏ nằm trong dãy những ngôi nhà nhỏ nhưng không thật xinh xắn. Bên trong hành lang cá nhân hẹp, sáng sủa, nàng nói: “Em sẽ đi pha cà phê. Rồi sau đó, bạn tôi ơi, anh phải về bởi tôi đã rất mệt.”

Cụm từ bạn tôi ơi khiến hắn giật mình, bởi trong mối quan hệ gần gũi này giờ, hắn đã bị tổn thương. Hắn nói, liền thoảng: “Anh đã làm em bức mình - ồ, xin đừng. Anh xin lỗi.”

Nàng mỉm cười, lạnh lùng xa lạ. Hắn thấy, trong ánh đèn nhỏ trên trần, đôi mắt lạ thường của nàng. Đôi mắt “xanh” có màu nâu đỏ, màu nâu pha những đốm xanh, thậm chí là xanh nhạt. Đôi mắt đầy sóng gió, tì vết, đổi thay. Mắt nàng màu xanh rờn nhưng trước đây hắn chưa hề nhìn thấy một đôi mắt nào như thế. Chúng như thể màu nước ở dưới đáy. Chúng giống - ở phải, màu ngọc lục bảo; hay màu xanh thuần khiết của tán cây mùa hạ. Và bây giờ, khi nàng mỉm cười trực diện, hắn thấy một màng đen bao phủ lên chúng. Bóng đen nuốt chửng màu xanh thuần khiết. Nàng nói: “Em chẳng bức bối gì cả đâu.” Câu ấy như thể nàng đã ngáp dài vì chán ngán. “Bây giờ em pha mấy thứ... ở trong đó.” Nàng hất đầu về phía cánh cửa màu trắng và để hắn lại. Hắn đi vào căn phòng màu trắng dài rất gọn gàng, có một cái giường nhỏ ở trong góc và một cái bàn xếp đầy các bản vẽ, bản phác thảo và bút chì. Đính trên tường với những chiếc ghim vẽ là những miếng vải mẫu thử màu. Hai chiếc ghế nhỏ đặt gần cái bàn tròn thấp; căn phòng làm việc này rất tiện nghi. Hắn đang nghĩ: Mình chẳng thích chút nào nếu vợ mình có một căn phòng như thế này. Mình không rõ liệu chồng Barbara...? Cho đến tận bây giờ, hắn đã không nghĩ về nàng trong các mối quan hệ chồng, con. Khó có thể tưởng tượng nổi cảnh nàng cầm chiếc chảo rán trong tay, hoặc chuyện ấy, ấm cúng trên chiếc giường đôi.

Có tiếng động bên ngoài; hắn vội chỉnh lại tư thế, tì người lên cánh tay đặt trên bệ lò sưởi. Nàng mang cái khay nhỏ đựng tách, ly, rượu, cà phê bước vào. Trông nàng có vẻ lơ đãng. Điều bộ đó càng khiến Graham nuôi

hy vọng; có lẽ như muốn mách bảo, nàng hài lòng khi có mặt hẳn. Hẳn thấy hơi căng thẳng và thấm mệt. Dĩ nhiên, nàng cũng mệt, đó là lý do khiến nàng thần thờ. Hẳn nhớ đầu buổi tối hẳn đã để mất cơ hội khi không lợi dụng sự mệt mỏi của nàng. Còn bây giờ, nếu hẳn thông minh... Nàng chuẩn bị rót cà phê. Hẳn đón cái bình cà phê từ tay nàng rồi gặt đầu chỉ vào chiếc ghế. Nàng mỉm cười nghe theo lời hẳn. “Tốt hơn đây”, hẳn nói. Hẳn rót cà phê, pha rượu mạnh rồi đẩy cái bàn về phía nàng. Nàng nhìn hẳn. Rồi hẳn nâng tay nàng, hôn, vỗ nhẹ rồi dịu dàng đặt xuống. Được, hẳn nghĩ, mày làm được đây.

Giờ thì có trở ngại. Hẳn muốn tiếp cận nàng nhưng nàng đã ngồi lọt thỏm vào trong chiếc ghế tựa nhỏ chết tiệt có tay vịn. Nếu hẳn đến ngồi cạnh nàng trên sàn...? Nhưng không được, vì hẳn, một gã đàn ông to kèn đang tự trấn an; cảm thấy điều bộ sẽ không được tự nhiên, và tư thế sẽ không bình thường. Giả dụ như mình bế nàng khỏi ghế đưa vào giường? Hẳn uống cà phê khi trù tính. Phải, mình sẽ đưa nàng lên giường, nhưng chưa phải bây giờ.

“Graham,” nàng gọi khi đặt ly xuống. Hẳn bực bội nhìn và thấy nàng có vẻ bức rút: “Graham, mười hai rưỡi rồi, em muốn về giường ngủ.”

Khi nói, nàng ban cho hẳn một nụ cười gây tức cười trong tình huống đó - tình huống rất khôi hài bởi sự trố tài khéo léo của người đàn ông và người đàn bà. Với vai ấy, chắc hẳn hẳn có thể thực hiện được. Hầu như hẳn suýt mỉm cười với nàng, cười rũ rượi. (Và suốt nhiều ngày sau, hẳn thầm thốt lên: Trời ơi, mày thật quá sai lầm khi không chia sẻ trò đùa ấy với nàng; đây là điều mình rất sai lầm). Nhưng hẳn không thể mỉm cười. Mặt hẳn đánh lại với kiểu cách tự trọng lỗ bịch. Chẳng phải tại nàng đang theo dõi âm mưu của hẳn; nét mặt gây buồn cười, nàng đã phô cho hẳn thấy lúc này, đã cho thấy điều đó. Mà chỉ tại vì quyết tâm sống còn của hẳn để đạt mục đích, hẳn sắp sửa chiếm đoạt nàng. Hẳn sẽ không về. Nhưng hẳn có cảm giác như thể đang giữ một chùm chìa khóa nhưng không biết phải chọn cái nào.

Hắn nhắc cái ghế nhỏ thứ hai ngồi đối diện với Barbara, đẩy cái bàn cà phê sang một bên để tiện bề thực hiện ý đồ. Hắn ngồi trên ghế, cúi người tới trước, cầm cả hai bàn tay nàng và nói: “Cưng à, đừng bắt anh về nhà nghe, đừng nghe, anh xin em đó.” Điều rắc rối là suốt cả buổi tối ấy chẳng có chuyện gì cho thấy dấu hiệu dẫn đến những lời ấy và hắn nói bằng kiểu giọng chân thành, nghiêm túc, thiết tha cầu xin được tiếp tục ở lại. Hắn thấy mình nghiêng người tới trước, hai bàn tay lớn của hắn nắm trọn tay nàng; hắn biết nét mặt mình đang ăm lên vì lời yêu cầu ấy. Và hắn nhận ra rằng cách ăn nói của hắn có hiệu quả. Mọi việc không nằm ngoài dự kiến của hắn. Hắn muốn ở lại với nàng vì nàng muốn hắn, vì hắn là đồng nghiệp, cùng hoạt động trong lãnh vực nghệ thuật như nàng. Hắn khao khát điều đó. Nhưng nàng đang dò xét hắn, tò mò hơn là ngạc nhiên, rất dửng dưng. Hắn nghe giọng mình nói: “Nếu James ở đây thì tôi biết cô đã làm gì rồi?” Giọng hắn câu kinh; hắn thấy bóng tối lướt nhanh qua mắt nàng; nàng nói: “Graham, anh có muốn dùng thêm cà phê trước lúc ra về không?”

Hắn nói: “Anh đã khao khát gặp em từ lâu. Anh quen nhiều người tử tế, từng biết em.”

Nàng cúi người tới trước, rót thêm một ít rượu mạnh, ngồi tựa người ra, hai tay giữ cái ly ngang ngực. Cử chỉ lóng ngóng: Graham nhận thấy cái ly nàng đang nâng niu trong lòng bàn tay là chính hiện thân nàng. Một thái độ chịu đựng bền bỉ, nhẫn nại. Hắn nghĩ về những thằng đàn ông đã nói về nàng. Hắn nhớ đến Jack Kennaway, run run, hoảng hốt nói: “Chẳng hạn như Jack Kennaway.”

Bây giờ, với cái tên ấy, mắt nàng lộ cảm xúc - cảm xúc gì vậy? Hắn nói tiếp, tự do kiểm nghiệm cảm xúc ấy. “Tuần trước anh ăn tối với cậu ta - ồ, hoàn toàn tình cờ! - cậu ta đã nói về em.”

“Anh ta ư?”

Hắn nhớ là đã hình dung nàng sâu muện từ nhiều năm trước. Nhưng lúc này nàng như thể co mình lại, nhăn nhó. Hắn nói: “Thật ra là cậu ta đã dành hầu hết buổi tối để nói về em.”

Nàng nói những câu ngắn, hụt hơi, hẳn biết là do giận dữ: “Tôi có thể hình dung rất rõ những gì hẳn nói. Nhưng chắc chắn là anh biết tôi không thích nghe lại những lời đó...”. Nàng nín lặng, căm giận hẳn, hẳn biết bởi hẳn đã dồn nàng đến mức hận thù. Nhưng đấy không phải do hẳn; tất cả là do lỗi của nàng, hoàn toàn của nàng! Đã nhiều năm nay, trong đầu hẳn hẳn không có tình huống nào liên quan đến đàn bà mà không điều khiển được. Một lần nữa hẳn có cảm giác như thể người đang đi trên dây. Hẳn nói, cố vớt vát chút gì đó từ Jack Kennaway, dẫu cho vào cái giờ khuya khoắt này: “Dĩ nhiên cậu ta hấp dẫn, nhưng thật chẳng là đàn ông chút nào cả.”

Nàng nhìn hẳn, im lặng, ly rượu mạnh tỳ sát ngực.

“Dĩ nhiên, trông mặt thì khó bắt hình dong.” Hẳn không thể cưỡng lại việc tìm ra sự thật mặc dù hẳn biết điều đó là tai họa.

Nàng không nói gì.

“Em có biết người ta đồn em quan hệ gần gũi với Jack Kennaway không?” hẳn kêu lên với vẻ ngăn chặn thành tâm những kẻ ngốc, người có thể tin điều đó.

“Tôi nghe nói cả rồi.” Nàng đặt ly xuống. “Còn bây giờ,” nàng nói, đứng dậy, bỏ rơi hẳn. Đầu óc hẳn quay cuồng, bước lên một bước, hẳn chộp tay nàng và rên rỉ: “Barbara!”.

Mặt nàng quay qua quay lại theo những nụ hôn của hẳn. Hẳn liếc nhanh thăm dò thái độ nàng - vẫn nhẵn nại. Hẳn chạm môi xuống cổ nàng, lại rên rỉ “Barbara”, và chờ đợi. Lẽ ra nàng phải làm cái gì đó. Vùng thoát, đẩy mạnh hay những hành động tương tự. Nhưng nàng chẳng làm gì cả. Cuối cùng nàng nói: “Lạy Chúa, Graham!” Giọng nàng nghe thật buồn cười; một lần nữa hẳn được tặng tâm thế tức cười. Nhưng nếu hẳn chia sẻ điều đó với nàng thì cơ hội chiếm đoạt nàng sẽ không còn nữa. Hẳn áp nhanh miệng lên miệng nàng để khiến nàng im lặng. Nàng không cưỡng lại hẳn mạnh như xô bắn hẳn ra. Miệng nàng đối xử với cái mồm tấn công của hẳn như cách phụ nữ thôi hoặc cười vang trong nước, ngoẹo đầu sang một bên, cười dội lên những con sóng hay những tia nước. Điều bộ ấy nửa bực mình, nửa

khôì hài. Hãn tiếp tục hôn nàng trong lúc nàng di chuyển đầu và mặt theo từng cái hôn như thể chúng là những làn sóng nhỏ đang tấn công.

Về sau, khi nhớ lại chuyện này, hãn biết đây là cái khởi đầu đáng hổ thẹn nhất trong đời. Thậm chí lúc ấy hãn căm ghét nàng cũng vì sự vụng về của hãn. Bởi lẽ hãn cứ ôm nàng đứng đó gần nửa tiếng đồng hồ. Nàng thấp hơn hãn nhiều nên hãn phải cúi, cổ hãn đau nhừ. Hãn ôm cứng nàng, đùi kẹp chặt hai bên đùi nàng, tay nàng ép chặt bên sườn như tay gấu. Nàng không thể cử động, chỉ trừ cái đầu. Khi miệng hãn buộc môi nàng mở ra, lưỡi hãn di chuyển, trườn vào, nàng vẫn ở thế bị động. Còn hãn thì không thể dừng lại. Trong lúc trí thông minh của hãn đảo qua khung cảnh kỳ quặc ấy, hãn quyết định tiếp tục bởi chẳng chóng thì chầy thân hình nàng sẽ mềm đi theo nhục dục. Và hãn không thể dừng lại bởi hãn không dám đối mặt với nỗi kinh hoàng trong khoảnh khắc hãn buông nàng ra và nàng nhìn hãn. Càng lúc hãn càng ghét nàng hơn. Bất gặp ánh nhìn từ đôi mắt xanh lớn mở to và buồn bã của nàng dưới mắt hãn, hãn biết mình chưa bao giờ ghét bất cứ thứ gì hơn đôi mắt “nạm ngọc” ấy. Chúng làm hãn ghê tởm. Cuối cùng hãn rơi vào trạng thái nếu bây giờ nàng muốn hãn thì hãn cũng chẳng thể nào biết bởi nàng chẳng thể nhúc nhích được lấy một ly. Hãn thận trọng nới rộng vòng tay để nàng có được tí khoảng trống để xoay trở. Nàng vẫn hoàn toàn bị động. Như thế, hãn nghĩ giấu cột, nàng đã đọc hoặc được bảo ban cái cách làm đàn ông phát điên lên bởi cứ để cơn ham muốn giày vò chúng. Hãn nhận ra mình đang suy nghĩ: đồ bò cái ngu ngốc, bộ mày tưởng tao tìm thấy ở mày sức hấp dẫn sao? Mày cứ tự cao tự đại mà nghĩ như thế đi!

Sự chệch hướng, tác động vào hãn do cơn giận dữ điên cuồng của ý tưởng này, đã mở vòng tay hãn, đùi hãn và nhấc lưỡi hãn ra khỏi miệng nàng. Nàng bước lùi lại, đưa mu bàn tay chùi miệng, đứng trân, sững sốt. Cơn hổ thẹn đang nằm đợi hãn gần nuốt chửng lấy hãn, nhưng hãn để cơn giận kìm hãm nó lại. Nàng nói với vẻ biện hộ, thậm chí, vào lúc ấy, cũng khôì hài: “Anh điên à, Graham. Chuyện gì vậy, anh say à? Anh đâu có vẻ say. Thậm chí anh còn không thấy tôi hấp dẫn.”

Máu thù hận bốc lên đầu, hấn lại vồ lấy nàng. Bây giờ nàng kiên quyết quay mặt đi để hấn không thể chạm vào miệng mà cứ hôn đi hôn lại lên các vùng má, cổ, để sẵn cho hấn: “Graham, buông em ra, để em đi, Graham.” Nàng tiếp tục nói như thế; hấn tiếp tục ôm chặt, ghì riết, hôn và liếm. Điều ấy hấn sẽ kéo dài suốt đêm; nó là cuộc đầu của sự khao khát lâm lạc chứ chẳng vì cái gì khác. Hấn nghĩ: Chỉ có đàn bà thực sự nam tính đến giờ mới chưa chịu mềm đi theo khoái cảm xác thịt! Nhưng hấn biết rõ một điều, rằng nàng sẽ lên chiếc giường đó, trong vòng tay hấn và rất nhanh. Hấn buông nàng ra nhưng lại nói: “Tối nay tôi sẽ ngủ với cô, em biết điều đó, đúng không?”

Nàng chống tay lên lò sưởi để giữ thăng bằng. Mặt nàng không màu bởi hấn đã liếm hết đồ trang điểm. Nàng như thế đã hoàn toàn đổi khác, nhỏ bé và bất lực với cái miệng rộng lúc này đã nhợt nhạt, đôi mắt xanh nhòe của nàng lấp lánh ánh vàng. Còn bây giờ, lần đầu tiên, hấn cảm nhận được cái mà lẽ ra đã được mong đợi (chắc chắn là bởi nàng) từ nhiều giờ trước. Quan sát khuôn mặt nhỏ dâm dấp của nàng, hấn cảm thấy gần gũi, thân thiết với nàng, hấn cảm thấy sự thân mật của xác thịt, sự chung đụng của khiêu khôi hài thuần thực. Hấn thấy nàng là thịt da mình, thân hữu với hấn về nhục cảm. Hấn cảm thấy khát khao nàng, thực sự mong muốn có nàng; và vì điều đó mà hấn xấu hổ về trò hề mà hấn đang diễn. Lúc này hấn chỉ đơn giản ao ước đưa nàng lên giường trong sự thôi thúc nhục cảm.

Nàng nói: “Tôi biết làm cái quái gì đây? Gọi cảnh sát, hay làm gì?” Hấn bị tổn thương bởi nàng vẫn nói với cái con người đã cường bức nàng trong sự lãnh đạm giận dữ; chứ không nói về hấn tí nào.

Nàng nói: “hoặc hét gọi hàng xóm, anh thích kiểu nào?”

Đôi mắt viền màu vàng gần như ngả sang màu đen bởi độ sâu của cái bóng chán nản bao phủ lên chúng. Nàng mệt mỏi và rã rời đến mức sẽ quỵ xuống sàn, hấn có thể nhận thấy điều đó.

Hấn nói: “Anh sẽ ngủ với em.”

“Nhưng anh đâu có thể muốn như thế?” - một câu hỏi văn minh, hợp lý dành cho người (hắn biết) nàng tin là sẽ trả lời. Nàng nói: “Anh biết là tôi không muốn và tôi biết thực ra anh không thèm đếm xỉa gì đến chuyện đó cả.”

Hắn bị đẩy lùi trở lại thành kẻ thô lỗ bởi nàng không đủ thông minh để hiểu rằng kẻ thô lỗ đâu còn tồn tại nữa; bởi nàng không thể hiểu ra đây là người đàn ông khao khát nàng theo cách mà nàng phải đáp lại.

Nàng đứng đó, một tay đỡ cơ thể, trông nhỏ bé, trắng nhợt, kiệt sức và hoàn toàn ngờ vực. Hắn có thể nhận thấy nàng sắp sửa quay người bước ra khỏi cái chốn chẳng tin được tí nào nữa. “Em nghĩ là tôi không muốn chuyện ấy sao?” hắn hỏi, giọng rin rít qua kẽ răng. Nàng phác điệu bộ - sắp nhắc chân đi. Bàn tay hắn vô thức chộp lấy cổ tay nàng. Nàng cau mày. Bàn tay kia của hắn nắm lấy cổ tay kia của nàng. Người hắn chồm sát nàng để bắt đầu một cuộc ôm ấp chịt nghẹn mới. Trước lúc điều đó diễn ra, nàng nói: “Ôi, lạy Chúa, đừng, tôi không chịu đựng được lần nữa đâu. Vậy thì, được.”

“Vậy thì, được - em nói vậy có nghĩa gì?” hắn hỏi.

Nàng đáp: “Anh sẽ ngủ với tôi. Được. Bất cứ chuyện gì cũng tốt hơn lại diễn ra trò ấy. Chúng ta sẽ kết thúc với việc ngủ ấy chứ?”

Hắn nhăn răng cười và thầm nhủ: “Không phải đâu em yêu, ồ, không em không, tôi không chấp từ ngữ em dùng, tôi sắp ngủ với em bây giờ và tất cả mọi chuyện là ở đó.”

Nàng nhún vai. Sự xem thường, chán ngắt của tấm thân ấy chẳng mấy may tác động đến hắn, bởi lẽ lúc này hắn lại đang căm ghét nàng đến nỗi muốn nàng như thế muốn giết đi một cái gì đó hay một ai đó.

Nàng cởi đồ như thế bản thân nàng sắp đi ngủ: áo jacket, váy, áo lót. Nàng đứng trong chiếc xu chiêng và quần lót màu trắng, một cô gái da thịt khá săn chắc, vẫn r ám nắng từ mùa hè. Hắn cảm nhận cảm xúc thân thương trước cô gái da nâu với mái tóc vàng buông xõa khi nàng đứng. Nàng bước lại giường, nằm xuống trong lúc đôi mắt xanh nhìn hắn với ánh mắt văn

minh: Anh thực sự làm tình như vậy sao? Anh cần phải à? Ủ, đôi mắt hăn đáp lời: Anh cần phải. Nàng chuyển ánh mắt sang một bên lên bức tường, im lặng: Được, nếu anh muốn làm tình mà chẳng có chút khao khát gì ở tôi thì cứ việc, nếu không biết xấu hổ. Hăn không xấu hổ, bởi hăn đang duy trì ngọn lửa căm ghét nàng mà hăn biết rõ tổng đi rằng đang đứng giữa hăn và sự xấu hổ. Hăn cởi đồ rồi lên giường nằm bên nàng. Khi hăn làm tình, trong sự thấu hiểu là đang đặt mình vào vị trí cưỡng hiếp một người đàn bà biết rõ là hăn chán nàng, thì dục vọng hăn nguội hăn xuống, buồn bã, đầy oán trách bởi vừa mới đây thôi sự ham muốn đã trỗi dậy dành cho người thân thương của hăn, người mà lẽ ra hăn đã mang lại hạnh phúc. Hăn nằm nghiêng bên nàng, bí mật tự kích thích, lát sau chống khuỷu tay chồm lên người nàng, đưa bàn tay còn lại vuốt ve nàng. Hăn thấy nàng nghiêng rằng khi hăn chạm vào người. Dù sao nàng cũng không thể biết, sau tất cả những phức cảm ấy hăn không thể làm tình.

Để kích thích ham muốn, hăn lại ôm chặt nàng.

Trong lúc đang nằm, nàng nghĩ: Cách duy nhất để thoát khỏi cảnh ngộ này là phải làm cho y lớn trở lại, nếu không thì mình sẽ phải chịu đựng y suốt cả đêm. Nỗi căm ghét nàng đã mang lại cho hăn khả năng tiên đoán; hăn biết rất rõ ý nghĩ gì đang diễn ra trong đầu nàng. Nàng bật đèn, với quyết tâm kết thúc mọi chuyện bằng thái độ kiên nhẫn, khôì hài, nhạy cảm hết mực. Hăn nằm xuống. Nàng ngồi xổm bên cạnh, ánh đèn từ trần nhà mờ chiếu trên bờ vai nâu rám, mái tóc đẹp, thẳng xõa xuống mặt. Nhưng nàng không nhìn mặt hăn. Nàng giống như người vợ điệu nghệ, mỗi một hoặc giống như một cô điếm. Nàng chế ngự và đang buộc bản thân làm hài lòng hăn. Được, hăn nghĩ, thế xác nàng khêu gợi, nàng có thể. Suốt thời gian đó, nàng đã thành công trong việc đánh bại sự miễn cưỡng nhục dục, dấu hiệu tổn thương của ước muốn có thể chấp nhận được, của hăn bằng cách sử dụng kỹ năng phớt lạnh như vũ khí có hiệu quả trong việc cảm dỗ hăn. Ngay khi đó hăn quyết định: Tốt, ổn rồi, bây giờ mình đường hoàng với nàng, nàng đã làm nó sống dậy. Đây không phải là mẹo, do vội vã hoặc

lừa dối hăn, cái đánh bại hăn là ý tưởng minh bạch của nàng: Đây, giá trị của y là thế đấy.

Rồi, khi đã xong, đợi một lát, nàng đứng dậy, nói với hăn bằng thứ ngôn ngữ khác hăn ngôn ngữ từ đôi mắt mệt mỏi, xanh thắm của nàng. Nàng nhìn hăn, suy nghĩ và thể hiện một cách đơn giản: Y thuộc cái hạng đàn ông nào đây...? Hăn dõi nhìn đôi vai thoáng cử động của nàng, chỉ một cái nhún vai dò hỏi. Nàng ra khỏi phòng; rồi có tiếng nước chảy. Lát sau nàng trở lại trong chiếc váy ngủ trắng, tay mang theo chiếc khăn tắm vàng. Nàng đưa khăn cho hăn, lịch sự quay nhìn đi chỗ khác khi hăn lau. “Bây giờ anh sẽ về nhà chứ?” nàng hy vọng hỏi về chuyện ấy.

“Không, anh không về”. Hăn tin rằng bây giờ hăn sẽ phải bắt đầu một cuộc chiến nữa với nàng, nhưng nàng nằm xuống bên cạnh, không đụng vào người hăn (hăn có thể cảm nhận được sự chán ngán của nhục cảm nàng đối với hăn), hăn nghĩ: Được lắm, cứng à, nhưng đêm hãy còn dài đấy. Hăn nói lớn: “Tối nay anh sẽ làm tình đúng kiểu với em.” Nàng chẳng nói gì, chỉ nằm im và ngáp. Lát sau, nàng nói với vẻ an ủi, còn hăn thì hăn đã cười phá lên vì quá đổi ngạc nhiên: “Đây khó có thể là môi trường thích hợp để làm tình.” Nàng đang an ủi hăn. Hăn cảm nàng vì điều đó. Đúng là đồ chó cái: Mình ép ả lên giường, ả đâu có muốn mình, nhưng ả vẫn phải làm cho mình sướng rơn lên, giống hết một con điếm. Nhưng dầu cho có đang căm ghét nàng thì hăn vẫn trả lời dịu dàng bởi thói quen hào phóng dục tình. “Chỉ tại vì tôi ngưỡng mộ em, tại vì... sau rốt, tôi đang ôm ấp trong vòng tay một trong số cả ngàn phụ nữ.”

Im lặng. “Cả ngàn ư?” nàng hỏi, dè dặt.

“Cả ngàn phụ nữ đặc biệt.”

“Ở Anh hay trên toàn thế giới? Anh chọn họ vì trí tuệ, vẻ đẹp của họ hay vì cái gì khác?”

“Bất cứ điều gì khiến họ trở thành ngoại hạng,” hăn nói, tặng nàng một lời ngợi khen.

“Chà,” cuối cùng nàng nói, kích thích hăn khôi hài lần nữa: “Tôi hy vọng chí ít cũng có một danh sách ngăn, anh có thể nói tôi ở trong đó, vì lịch sử.”

Hăn không trả lời vì hăn biết mình đang buồn ngủ. Hăn vẫn luôn tự nhủ là phải cố thức, nhưng khi hăn từ từ tỉnh giấc thì trời đã sáng. Lúc ấy khoảng tám giờ. Barbara không ở đó. Hăn nghĩ: Lạy Chúa! Mình biết ăn nói với vợ sao đây? Barbara đâu rồi nhỉ? Hăn nhớ lại cảnh tượng kỳ quặc tối qua và suýt đâm ra xấu hổ. Sau một hồi suy nghĩ, cơn giận sống lại: Nếu ả không ngủ bên mình ở đây thì mình sẽ không bao giờ tha thứ cho ả... Hăn lặng lẽ ngồi dậy, quyết định lòng sục khắp nhà cho đến khi tìm thấy nàng, và sau khi thấy nàng thì hăn sẽ làm tình với nàng, lúc ấy cánh cửa mở ra, nàng bước vào. Nàng vận bộ đồ màu xanh, tóc chải gọn, mắt trang điểm. Nàng mang khay cà phê, đặt xuống bên giường. Hăn ý thức được cái cơ thể lông lá lưng nhùng to đùng của mình đang tông tông, nửa kín nửa hở. Hăn thầm nhủ, sẽ không chịu nằm trên giường, trần truồng, trong lúc nàng đã vận xong sống áo. Hăn nói: “Em có cái áo ngủ nào không?” Không nói lời nào, nàng đưa cho hăn cái khăn và bảo: “Phòng tắm thứ hai bên trái.” Nàng bước ra. Hăn đi theo, cái khăn quấn quanh người. Mọi thứ trong nhà đều xám, ẩm cúng - chẳng giống tí nào với căn phòng làm việc đủ tiện nghi của nàng. Hăn muốn tìm nơi nàng đã ngủ bèn mở cánh cửa thứ nhất. Đây là bếp, nàng ở trong đó, đang đặt cái đĩa bằng đất sét nung lên lò. “Cửa bên cạnh,” Barbara nói. Hăn vội vã bỏ cánh cửa thứ hai và (với hy vọng thầm lặng) mở cánh cửa thứ ba. Đây là cái tủ chứa đầy những vật dụng bằng vải lanh. “Cửa này này,” Barbara đứng sau hăn nói.

“Vậy thì được rồi, em đã ngủ ở đâu?”

“Thì can hệ gì đến anh? Trên lầu, ở giường tôi. Bây giờ, nếu anh đã có được mọi thứ thì tôi xin ngỏ lời tạm biệt, tôi muốn đến nhà hát.”

“Tôi sẽ đưa em đi”, hăn nói ngay.

Lần nữa, hăn lại nhìn thấy sự chuyển động trong mắt nàng, bóng đen nuốt chửng lấy ánh sáng trong sự chán nản vô cùng tận. “Tôi sẽ đưa em đi,” hăn nhắc lại.

“Tôi thích đi một mình,” nàng nói. Rồi nàng mỉm cười: “Dĩ nhiên, anh sẽ đưa tôi đi. Và nhất thiết anh sẽ đưa tôi đến nơi, để James và những người khác có thể chứng kiến - đấy là lý do anh muốn đưa tôi đi, đúng không?”

Cuối cùng, hắn ghét nàng chỉ đơn giản vì trí thông minh của nàng, vì không phải một lần hắn phải từ bỏ mọi dự định, vì nàng đã thấu hiểu, kể từ phút hai người gặp nhau hôm qua, mỗi một hành vi trong kế hoạch hắn vạch ra để chinh phục nàng. Tuy nhiên, do sự thôi thúc của số mệnh hay bản năng nào đó mà hắn không kiềm chế nổi đã khiến hắn nói đầy cảm thông: “Cưng à, em phải hiểu rằng anh chỉ muốn đưa em đi làm thôi.”

“Chẳng sao, tôi đồng ý,” nàng nói, trắng trợn lừa hắn. Nàng vượt qua hắn đi đến phòng hắn đã ngủ. “Mười phút nữa tôi sẽ đi,” nàng nói.

Hắn tắm nhanh. Khi hắn quay lại, phòng làm việc đã được dọn gọn gàng, giường được dọn, mọi dấu hiệu tối qua đã biến mất. Cả dấu vết của ly cà phê nàng mang cho hắn cũng không còn. Hắn không dám đề nghị uống cà phê vì sợ nhận được lời từ chối thẳng thừng. Thêm nữa, nàng đã sẵn sàng, mặc áo khoác, túi xách tay khoác ở tay. Chẳng nói chẳng rằng, hắn ra cửa trước, nàng bước theo, im lặng.

Hắn có thể nhận ra mỗi một thớ thịt trên người nàng đều mang dấu hiệu của một thông điệp đơn giản: Ôi lạy Chúa, cầu xin khoảnh khắc để con có thể từ bỏ cái đồ thô lỗ này! Ắ chẳng là gì cả ngoại trừ là con điểm mặt hạng, hắn nghĩ.

Taxi đến. Lên xe, nàng ngồi xa hắn ở mức có thể. Hắn nghĩ điều sẽ nói với vợ.

Đến nhà hát, nàng nói: “Có thể thả tôi ở đây, nếu anh thích.” Đấy không phải là lời cầu xin, nàng không hạ mình vì điều đó. “Tôi sẽ đưa em vào,” hắn nói và thấy nàng đang suy nghĩ: Rất tốt, mình sẽ chấp nhận để cho y xấu hổ. Hắn quyết tâm đưa nàng vào và trao nàng cho các đồng nghiệp, hắn sợ nàng lẩn thoát khỏi tay mình. Nhưng cuộc chơi dẫu đã diễn ra thế nào thì dường như nàng luôn quyết định chơi theo lối của hắn. Đến cửa sân khấu, nàng nói với người gác: “Đây là ông Spence, Tom - anh nhớ chưa, ông

Spence tối qua ấy?” “Chào Babs,” người ấy nói và lịch sự kiểm tra Graham như mệnh lệnh được giao cho hắn.

Barbara đi đến cửa sàndiễn, mở ra và giữ cho hắn. Hắn vào trước rồi giữ cửa cho nàng. Họ cùng nhau bước vào khu vực tối om, đầy rác, giống như một cái hang và nàng cất tiếng gọi: “James, James!” Giọng của một người đàn ông vọng đến từ phía trước tòa nhà: “Đây này, Babs, sao em đến trễ thế?”

Thính phòng mở ra trước mặt họ, tối đen, yên tĩnh, đợi công việc dọn dẹp buổi sáng của nữ lao công. Một cái máy hút bụi rít lên nho nhỏ gần đầu đó. Hai tay trang trí sân khấu đứng nhìn lên giọt nước được thiết kế theo màu xanh có những đường xoắn màu xanh đậm. James đứng quay lưng lại khu thính phòng, hút thuốc. “Em trễ rồi đấy, Babs,” anh ta nhắc lại. Trông thấy Graham đứng sát nàng, anh gật đầu chào. Barbara và James hôn nhau. Barbara nói, giọng nhấn đều trên từng âm tiết: “Anh còn nhớ ông Spence tối qua không?” James gật đầu: Chào ông? Barbara đứng bên cạnh anh ta, cả hai cùng nhìn lên tấm phông xanh nhạt sọc xanh đậm. Rồi Barbara nhìn lại Graham, lặng lẽ hỏi: Giờ thì xong, chưa đủ sao? Hắn có thể đọc trong mắt nàng nỗi khổ sở vì chán ngấy.

Hắn nói: “Tạm biệt Babs. Tạm biệt James. Tôi sẽ gọi cho em, Babs.” Không có tiếng trả lời, nàng phớt lờ hắn. Lát sau hắn nghe tiếng James nói với Barbara: “Cái này không ổn đâu, Babs, anh hiểu em say mê hình dáng khác lạ của màu xanh ấy, nhưng thử nhìn lại xem, có một cô gái tốt bụng...” Graham rời sân khấu, đi qua văn phòng nơi người gác cửa sân khấu đang ngồi đọc báo. Anh ta ngược nhìn, gật đầu, rồi quay lại với tờ báo. Graham bước ra tìm taxi và suy nghĩ: tốt hơn là mình nên nghĩ lý do gì đó có sức thuyết phục trước khi gọi điện cho vợ.

May mắn thay, hắn đã có lý do để vắng nhà hôm đó, tối nay hắn phải phỏng vấn một anh chàng trẻ tuổi (cho truyền hình) về cuốn tiểu thuyết mới của anh ta.

NGƯỜI ĐÀN BÀ DA VÀNG

Leslie Marmon Silko (Mĩ, 1948-?)

Đùi tôi áp sát đùi chàng, ướt ướt và tôi nhìn mặt trời đang nhô lên qua cụm liễu rủ. Một chú chim nước nhỏ, màu nâu bay đến bờ sông, nhảy lên mặt bùn, để lại dấu chân trên lớp đất màu trắng bạc. Chúng lặng lẽ tắm trong dòng sông. Tôi có thể nghe tiếng nước gần như sát chân chúng tôi, nơi những con sóng nhỏ vỡ tan nhanh rửa sạch đám lá dương xỉ và lớp rêu xanh bù xù. Tôi nhìn chàng cuộn người trong cái mền đỏ nằm bên tôi trên lớp cát sông trắng. Tôi phúi sạch cát ra khỏi kẽ chân, mắt nhắm lại bởi mặt trời đã vượt lên khóm liễu. Tôi ngắm chàng đang ngủ trên bờ sông cát trắng lần cuối cùng.

Tôi cảm thấy đói, từ chiều hôm trước, men theo dòng sông lên hướng nam, chúng tôi đến đây, dấu chân đã bị xóa mờ bởi đám thảo lùn và lũ côn trùng. Một con ngựa vẫn đang nằm yên, con ô hí vang khi nhìn thấy tôi nhưng không đứng dậy - có lẽ là tại chỗ quây ngựa được kết bằng những cành tuyết tùng rậm rạp nên lũ ngựa chưa cảm nhận được mặt trời như tôi. Tôi cố nhìn qua những ngọn đồi đỏ nhợt đến khu làng da đỏ Pueblo. Tôi biết ngôi làng ấy ở đó dấu cho tôi không thể nhìn thấy, làng nằm trên ngọn đồi đầy đá sỏi bên dòng sông hẹp như dòng sông lúc này đang chảy qua tôi và đã lấp lánh ánh trắng tối qua.

Bên dưới tôi, con ngựa cảm thấy ấm áp. Nó lắc đầu và cào cát. Con ngựa nâu đỏ hí vang, áp vào cổ, cố bám theo và tôi nhớ chàng đang ngủ trên cái mền đỏ bên bờ sông. Tôi xuống ngựa, buộc nó gần con kia. Tôi lại bước về phía bắc của dòng sông, cát trắng vỡ ra, in những dấu chân chồng lên những dấu chân.

“Dậy đi.”

Chàng ngọ nguậy người trong mền, quay mặt về phía tôi nhưng mắt vẫn nhắm chặt. Tôi quỳ xuống chạm vào người chàng.

“Em sắp đi.”

Bây giờ chàng mỉm cười nhưng mắt vẫn nhắm. “Em sẽ đi cùng anh, nhớ chứ?”. Lúc này chàng ngồi dậy, bộ ngực và cái bụng đen để trần trong nắng.

“Đi đâu?”

“Đến chỗ anh.”

“Rồi em sẽ quay lại chứ?”

Chàng mặc quần. Tôi rời chàng bước đi, cảm thấy chàng ở ngay phía sau và đang ngửi mùi liễu.

“Người Đàn Bà Da Vàng,” chàng nói.

Tôi quay lại đối mặt với chàng. “Anh là ai?” tôi hỏi.

Chàng cười rồi quỳ gối xuống bờ cát rửa mặt trong dòng sông. “Tôi qua em đã đoán ra tên anh và em đã biết tại sao anh đến.”

Tôi nhìn qua chàng vào chỗ dòng nước nông đang chảy và cố nhớ lại tối qua, nhưng tôi chỉ nhìn thấy vầng trăng trong nước và nhớ hơi ấm của chàng bao trùm khắp người tôi.

Nhưng em chỉ nói rằng anh là người ấy và em là Người Đàn Bà Da Vàng - thật ra em không phải là cô ta - em có tên của mình, em đến từ ngôi làng Pueblo ở phía bên kia rặng đồi. Tên của anh là Silva, anh là người xa lạ mà em đã gặp bên dòng sông chiều qua.”

Chàng khẽ cười. “Những gì xảy ra hôm qua thì chẳng liên quan tới những gì em sẽ làm hôm nay, Người Đàn Bà Da Vàng à.”

“Em biết - đấy là điều em đang nói - câu chuyện cổ về con ma ka'tsina và Người Đàn Bà Da Vàng chẳng liên quan gì đến chúng ta.”

Ông nội già nua của tôi thích kể những câu chuyện như thế này nhất. Có một chuyện kể về Badger và Coyote những người đang đi săn suốt cả ngày,

và khi mặt trời sắp lặn, họ tìm thấy một ngôi nhà. Có một cô gái đang sống một mình trong đó, mắt và tóc nàng gợi cảm, nàng bảo với họ rằng hai người có thể ngủ với nàng. Coyote muốn một mình ngủ với nàng suốt đêm vậy nên hắn dụ Badger chui vào hang sóc chó bằng cách bảo với gã kia rằng hắn thoáng thấy có cái gì trong đó. Ngay khi Badger vừa chui vào, Coyote khuôn đá lấp kín miệng hang rồi vội quay vào với Người Đàn Bà Da Vàng.

“Lại đây nào.” chàng dịu dàng nói.

Chàng chạm vào cổ tôi và tôi dịch sát vào chàng để cảm nhận hơi thở và nghe nhịp tim chàng. Tôi đang thầm nhủ liệu Người Đàn Bà Da Vàng có biết nàng là ai không - nếu nàng biết điều ấy thì hắn nàng sẽ trở thành một phần của câu chuyện. Có lẽ nàng còn một tên nữa, cái tên để chồng và họ hàng nhà nàng gọi, còn cái tên Người Đàn Bà Da Vàng kia thì duy chỉ có ka'tsina ở phương Bắc và những người kể chuyện biết mà thôi. Nhưng tôi không nghĩ tiếp nữa; tôi cảm thấy chàng đã ôm choàng, đẩy tôi nằm xuống bờ cát trắng của dòng sông.

Người Đàn Bà Da Vàng đi với con ma phương Bắc, sống cùng hắn và họ hàng nhà hắn. Nàng ra đi trong khoảng thời gian dài, nhưng rồi ngày nọ, nàng trở về mang theo hai cậu bé song sinh.

“Anh có biết câu chuyện ấy không?”

“Chuyện gì?” Chàng mỉm cười và kéo tôi vào lòng khi cất tiếng hỏi. Tôi sợ nằm lên cái mền đỏ. Tất cả những gì tôi có thể biết là sự cảm nhận về chàng, ấm áp, ươn ướt và thân thể chàng bên tôi. Đây là điều xảy ra trong câu chuyện, tôi đang nghĩ, tâm trí không còn ruồi qua cái khoảnh khắc nàng gặp con ma ka'tsina và họ ra đi.

“Em không phải đi. Những gì họ nói trong chuyện là chỉ đúng cho thời ấy, cái thời xưa thời xưa như họ kể ấy mà.”

Chàng đứng dậy, chỉ vào đồng quần áo rối tung của tôi trên mền. “Ta đi thôi,” chàng nói.

Tôi bước bên cạnh chàng, thở hổn hển vì chàng đi nhanh, tay chàng nắm lấy cổ tay tôi. Tôi dừng lại cố rút tay ra bởi tay chàng lạnh lẽo và mặt trời đã lên cao, sấy khô lòng sông thành màu bạc thếp. Tôi sẽ gặp ai đó, chắc chắn tôi sẽ gặp một ai đó, khi ấy tôi sẽ chắc rằng chàng chỉ là một người đàn ông - một người bình thường tình cờ đi qua - rồi tôi sẽ chắc chắn rằng mình không phải là Người Đàn Bà Da Vàng. Bởi vì nàng đã ra đi từ trong quá khứ còn tôi thì đang sống bây giờ, tôi đã từng đến trường, có đường cao tốc, có xe tải, những thứ mà Người Đàn Bà Da Vàng chưa hề nhìn thấy.

Thật dễ chịu khi cỡi ngựa đi về phương Bắc. Tôi quan sát sự thay đổi từ những cây bông dọc bờ sông đến những cây juniper sột soạt vượt qua chúng tôi dưới chân đồi và cuối cùng chỉ còn rặt cây thông; khi tôi ngược nhìn lên rìa bình nguyên trên núi tôi có thể nhìn thấy hàng thông mọc trên gờ vách. Có lúc tôi dừng lại nhìn xuống nhưng lớp đá sa thạch xám nhợt đã biến mất, dòng sông cũng đã khuất, chỉ còn những quả đồi nham thạch đen vây xung quanh. Chàng sờ tay tôi, không nói mà chỉ luôn khẽ hát bài ca núi rừng và nhìn vào mắt tôi.

Tôi thấy đói và thầm nghĩ bây giờ mọi người đang làm gì ở nhà - mẹ tôi, bà nội tôi, chồng tôi và đứa bé. Đang nấu bữa sáng và nói, “Nó đi đâu nhỉ? - có lẽ bị bắt cóc,” rồi ai sẽ đến gặp cảnh sát bộ tộc cung cấp chi tiết: “Cô ấy đi dạo dọc sông.”

Ngôi nhà được dựng bằng đá nham thạch đen và bùn đỏ. Nó vươn cao trên hàng dặm thung lũng và đồi dài trải rộng. Tôi ngửi thấy mùi thông núi và cành cây gãy. Tôi đứng lại, bên con ngựa ô, nhìn xuống vùng quê mờ mờ nhỏ bé mà chúng tôi đã đi qua rồi tôi rùng mình.

“Người Đàn Bà Da Vàng, vào trong đi, sẽ ấm.”

Chàng nhóm bếp. Đây là cái bếp cũ, có khoang giữa tròn và chiếc bình cà phê tráng men trên miệng. Chỉ có một bếp lò duy nhất, mấy cái mền Navajo bạc màu, một túi ngủ và một cái thùng các-tông. Nền nhà lát vừa đất sét sống bằng phẳng, cánh cửa sổ nhỏ, duy nhất trở sang hướng đông. Chàng chỉ cái thùng.

“Có một ít khoai tây và cháo rán.” Chàng ngồi xuống sàn, vòng hai tay qua, kéo đầu gối vào sát ngực và nhìn tôi rán khoai tây. Tôi không bận tâm đến cái nhìn của chàng bởi chàng luôn ngắm nhìn tôi - chàng đã luôn nhìn kể từ lúc tôi gặp chàng ngồi bên bờ sông, dùng dao xén những chiếc lá rời khỏi cành liễu. Chúng tôi ăn trong cháo và chàng chùi mỡ dính ở tay vào chiếc quần Lewis của mình.

“Trước đây anh đã từng đưa người đàn bà nào về đây chưa?” Chàng mỉm cười và tiếp tục nhai, vậy nên tôi bảo, “Anh luôn sử dụng cùng một mẹo ấy à?”

“Mẹo gì?” Chàng nhìn tôi như thể chàng không hề hiểu.

“Câu chuyện về ma ka'tsina trên núi. Câu chuyện về Người Đàn Bà Da Vàng.”

Silva im lặng; vẻ mặt chàng điềm tĩnh.

“Em không tin. Bây giờ những câu chuyện ấy không thể nào xảy ra.”

Chàng lắc đầu và nói dịu dàng, “Nhưng có ngày họ sẽ kể về chúng ta và họ sẽ nói, “Hai người ấy sống tự thời xưa thời xưa khi những chuyện như thế mới có thể xảy ra.”

Chàng đứng dậy đi ra ngoài. Tôi ăn hết chỗ khoai tây và nghĩ ngợi mông lung - về âm thanh mà bếp lò đang tạo ra, về tiếng gió núi bên ngoài. Tôi nhớ lại hôm qua và cả ngày trước đó rồi tôi bước ra ngoài.

Tôi bước qua bãi quây súc vật đến rìa núi nơi lối mòn hẹp chạy qua tảng đá viền đen. Tôi đứng giữa vòm trời, xung quanh chẳng có gì trừ làn gió đang thổi xuống từ đỉnh núi màu xanh phía sau lưng. Tôi có thể nhìn thấy những ngọn núi cách xa nhiều dặm mờ mờ vất qua những ngọn đồi, thung lũng và bình nguyên bao la. Tôi thầm nghĩ ai đã từng đến đó để tận hưởng làn gió núi tỏa xuống từ những móm xanh trập trùng ấy - ai thả bộ trên thảm lá thông trong rặng núi xanh này.

“Em có thể nhìn ra làng chứ?” Silva đang đứng sau tôi.

Tôi lắc đầu. “Chúng ta đã đi quá xa”.

“Từ nơi này anh có thể nhìn thấy thế giới.” Chàng bước lên mỏm đá. “Vùng đất của người Navajo bắt đầu từ đây kia.” Chàng chỉ tay về hướng Đông. “Biên giới làng Pueblo ở phía này.” Chàng nhìn xuống phía dưới chúng tôi rồi dời về hướng Nam nơi lối mòn hẹp dường như khởi đầu từ đây. “Người Texan lập trại nuôi gia súc ở đây kia, bắt đầu từ thung lũng này, thung lũng Concho. Người Mexico cũng chăn nuôi gia súc ở đó.”

“Anh có làm việc cho họ không?”

“Anh ăn trộm của họ.” Silva đáp. Mặt trời đang lặn phía sau chúng tôi, những cái bóng đang lấp đầy vùng đất bên dưới. Tôi bước khỏi mỏm đá cắt thẳng đứng xuống thung lũng bên dưới.

“Em lạnh,” tôi nói; “em sẽ vào trong.” Tôi bắt đầu phân vân về người đàn ông này, người có thể nói tiếng Pueblo rất thạo nhưng lại sống trên núi và ăn trộm gia súc. Tôi khẳng định người này thuộc bộ tộc Navajo bởi vì đàn ông Pueblo không bao giờ làm những điều như thế.

“Chắc chắn anh là người Navajo.”

Silva dịu dàng lắc đầu. “Người Đàn Bà Da Vàng bé bỏng,” chàng nói. “Em vẫn chưa tin, đúng không? Anh đã bảo với em anh là ai. Người Navajo cũng biết anh.” Chàng quỳ xuống, tháo chiếc túi ngủ, trải thêm mấy cái mền lên mảnh vải bạt. Mặt trời đã lặn, ánh sáng duy nhất trong ngôi nhà được hắt từ bên ngoài vào - ánh sáng màu da cam ấm áp của hoàng hôn.

Tôi đứng im đợi chàng chui vào trong chăn.

“Em còn đợi gì nữa?” chàng nói, và tôi nằm xuống bên chàng. Chàng chậm rãi cởi đồ tôi như cái đêm hôm trước bên dòng sông - dịu dàng hôn lên mặt tôi rồi xoa tay khắp bụng và chân tôi. Chàng cởi đồ lót tôi ra, lúc ấy chàng phì cười.

“Sao anh cười?”

“Em thờ ơ quá.”

Tôi tuôn ra khỏi chàng và nằm quay lưng lại.

Chàng kéo tôi lại, dùng tay và ngực xoay người tôi, tôi sợ bởi biết rằng sức khỏe của chàng có thể làm tôi đau. Tôi nằm dưới chàng và biết chàng có thể giết chết tôi. Nhưng lát sau, lúc chàng ngủ bên tôi, tôi sờ mặt chàng và thấy lòng rung động - kiểu xúc cảm dành cho chàng hết như đã đến với tôi sáng hôm ấy bên bờ sông. Tôi hôn lên trán chàng và chàng choàng tay ôm tôi.

Buổi sáng, khi tôi thức dậy, chàng đã đi. Điều đó tạo cho tôi cảm giác kì lạ bởi mất một hồi lâu, tôi ngồi yên trên mền nhìn quanh ngôi nhà bé nhỏ tìm dấu vết chàng - một bằng chứng gì đó cho thấy chàng đã ở đây hoặc có lẽ chàng sẽ quay về. Chỉ có đồng mền và cái thùng các-tông còn đó. Khẩu súng cỡ 30-30 dựng trong góc nhà không còn, kể cả con dao tôi dùng tối qua. Chàng đã đi, bây giờ tôi có cơ hội. Nhưng trước hết tôi phải ăn cái đã bởi tôi biết đường về nhà rất xa.

Tôi tìm thấy một ít mơ khô trong thùng các-tông, tôi ngồi trên phiên đá bên rìa bình nguyên. Không có gió và cũng không có mặt trời sưởi ấm. Tôi bị bao quanh bởi sự im lặng. Tôi ngủ chập chờn với những quả mơ trong miệng và tôi chẳng tin là có đường cao tốc, đường xe lửa hoặc gia súc để ăn trộm.

Khi thức giấc, tôi nhìn xuống đôi chân trong lớp bụi đen vùng núi. Mấy con kiến đen nhỏ bò lổn nhổn trên đám lá thông quanh chân tôi. Chắc chúng đã bắt được mùi mơ. Tôi nghĩ về gia đình mình mãi tí xa bên dưới. Mọi người chắc đang lo lắng về tôi bởi vì trước đây chuyện này chưa bao giờ xảy ra với tôi. Cảnh sát bộ lạc hẳn phải gọi báo cáo. Nhưng nếu người ông già nua của tôi chưa mất thì ông sẽ nói cho họ biết chuyện gì đã xảy ra - ông sẽ cười xòa và nói, “Bị trộm bởi ma núi ka’tsina. Con bé sẽ quay về - bọn chúng luôn làm như thế.” Có đủ người để xoay xở mọi việc. Mẹ và bà tôi sẽ nuôi nấng đứa bé như họ đã nuôi tôi. Al sẽ tìm được một cô nào đó rồi mọi người sẽ tiếp tục sống như cũ ngoại trừ câu chuyện về cái ngày tôi biến mất trong lúc tôi đi bộ dọc theo bờ sông. Silva đã vì tôi mà đến. Chàng đã bảo chàng đến. Tôi chưa quyết định ra đi. Nhưng tôi đã đi. Hoa cúc bạch

nở trên đồi cát trước lúc bình minh, chỉ đến khi ấy, tôi theo chàng. Đây là những gì tôi nghĩ trong khi đi theo lối mòn xuyên qua rừng thông.

Đến trưa tôi quay lại. Khi nhìn thấy ngôi nhà đá, tôi sức nhớ mình muốn về nhà. Nhưng chuyện ấy dường như chẳng còn quan trọng nữa có lẽ bởi vì đã có những bông hoa bé nhỏ màu xanh vườn trên thảm cỏ đằng sau ngôi nhà đá và một chú sóc xám đang nô đùa trong rừng thông bên cạnh nhà. Mấy con ngựa đang đứng trong bãi quây, một tấm da dê đang treo trong bóng râm của cây thông lớn phía trước nhà. Ruồi bay vù vù quanh những đốm máu đông trên bộ da. Silva đang rửa tay trong cái xô đầy nước. Chắc chàng đã nghe tiếng tôi đến bởi chàng nói với tôi mà không ngoảnh lại nhìn.

“Anh đang sốt ruột vì em.”

“Em đi dạo trong rừng thông lớn.”

Tôi nhìn vào cái xô đầy nước loang máu với những sợi lông trắng nâu của con vật lèngh bệnh trong đó. Silva đứng yên để nước rửa khỏi tay và quan sát tôi thật kỹ.

“Em sẽ đi cùng anh chứ?”

“Đi đâu?” tôi hỏi chàng.

“Bán thịt ở Marquez.”

“Nếu anh chắc là không bị làm phiền.”

“Thì anh có hỏi em là phiền phức gì đâu,” chàng đáp.

Chàng tráng nước quanh xô trước khi đổ ra và úp xô xuống gần cửa. Tôi theo chàng đến bãi quây và xem chàng thả yên mấy con ngựa. Ngay cả khi đứng bên lũ ngựa, trông chàng vẫn cao to, tôi lại hỏi có phải chàng là người Nevajo. Chàng không nói, chỉ lắc đầu và tiếp tục thả yên.

“Nhưng người Nevajo thì cao.”

“Lên ngựa đi,” chàng bảo, “rồi ta đi thôi.”

Việc cuối cùng chàng làm trước khi chúng tôi xuống con đường dốc là chộp lấy khẩu 30-30 trong góc nhà. Chàng đút khẩu súng vào bao treo bên

yên.

“Họ lòng bắt anh à?” tôi hỏi.

“Họ chẳng biết anh là ai đâu.”

“Vậy thì tại sao anh phải mang súng theo?”

“Bởi vì chúng ta sẽ đến Marquez nơi người Mexico sinh sống.”

Lối mòn bằng phẳng trải trên gờ đất hẹp, hai bên đổ dốc xuống như thể cái xương sống của một con vật. Phía bên này, tôi có thể nhìn thấy một lối mòn chạy vòng qua những ngọn đồi đá xám và biến mất vào hướng Đông Nam nơi những ngọn đồi phủ đá sa thạch xám nhợt đứng cách xa, gần nhà tôi. Lối mòn phía bên kia chạy về hướng Tây và khi nhìn tít tận đằng xa kia, tôi nghĩ mình thấy một thành phố nhỏ. Nhưng Silva bảo không phải vì tôi đã nhìn sai hướng, mấy ngôi nhà tôi thấy chỉ do trí tưởng tượng của tôi dựng nên mà thôi. Sau đó tôi không nhìn ra xa nữa; trời nóng, khóm hoa đại xếp cánh. Duy chỉ có những bông hoa xương rồng màu sấp nở tung trong ánh mặt trời chói chang, tôi có thể nhìn thấy các sắc màu của chùm hoa xương rồng; những cụm trắng và đỏ thì hãy còn nụ, nhưng màu đỏ tía và vàng thì đã nở, nở tung và đẹp hơn hết thảy.

Silva nhìn thấy hăn trước tôi. Gã da trắng cỡi con ngựa xám lớn đang tiến theo lối mòn về phía chúng tôi. Hăn phóng nhanh, vó ngựa xám hất tung đá lẫn khỏi đường rơi xuống vạt cỏ khô. Silva ra hiệu cho tôi dừng lại, chúng tôi quan sát gã da trắng. Từ xa hăn chưa nhận ra ngay chúng tôi, nhưng rất cuộc khi con ngựa hăn hí vì mấy con ngựa chúng tôi nên hăn dừng lại. Hăn liếc nhìn chúng tôi trước lúc giật cương con ngựa xám băng qua khoảng đất chừng ba trăm mét ngăn giữa chúng tôi và hăn. Hăn dừng ngựa trước mặt Silva, khuôn mặt béo trẻ của hăn được che nắng bởi vành mũ. Trông hăn không có vẻ phát khùng nhưng đôi mắt xanh nhỏ của hăn hết nhìn những chiếc túi đựng súng sừng máu treo bên yên ngựa tôi, nhìn mặt Silva rồi lại nhìn mặt tôi.

“Bọn mày lấy chỗ thịt tươi ấy ở đâu?” gã da trắng hỏi.

“Tôi sẵn,” Silva đáp và khi chàng trở người trên yên, mấy sợi dây da kêu cót két.

“Mày sẵn cái con mẹ gì, đồ mọi da đỏ. Mày ăn trộm gia súc thì có. Bọn tao đang lùng kẻ cắp từ bấy lâu nay.”

Gã chần gia súc béo ú, mồ hôi vã ướt sũng chiếc sơ mi cao bồi màu trắng, lần vải ướt dính bết vào những lằn mỡ trên cái bụng béo của hắn. Hắn dường như đang hỗn hển vì phải nỗ lực nói, người hắn tỏa mùi có lẽ tại Silva làm hắn sợ.

Silva quay sang tôi và mỉm cười. “Trở lại núi đi hồi Người Đàn Bà Da Vàng.”

Gã da trắng nổi đóa khi hắn nghe Silva nói bằng thứ tiếng mà hắn không hiểu. “Đừng cố giở trò làm gì, đồ mọi đỏ. Cứ tiếp tục đến Marquez đi. Từ đây bọn tao sẽ gọi điện cho cảnh sát tiểu bang.”

Gã chần gia súc hắn không được trang bị vũ khí bởi lẽ hắn rất hoảng sợ, còn nếu có súng thì khi ấy hắn đã rút ra rồi. Tôi quay vòng ngựa lại, gã chần gia súc hét, “Đứng lại!” Tôi liếc nhìn Silva, có nét gì đó mờ mịt và đen tối - mà tôi có thể cảm nhận bằng tim mình - trong mắt Silva, và khi liếc nhìn tay chàng, tôi thấy bàn tay đã đặt lên cò khẩu 30-30 vẫn nằm trong bao bên yên ngựa. Tôi vỗ xuống vai con ngựa, mấy túi thịt sống va vào đầu gối khi con ngựa phi ngược lên đường mòn. Thật khó để giữ thăng bằng và có lúc tôi nghĩ chiếc yên như thể đã tụt ra sau; vì thế nên tôi không thể quay nhìn lại.

Phi liền một mạch cho đến lúc tôi đến mỏm núi nơi lối mòn rẽ ba. Con ngựa thở phì phò, cổ nó phủ một lớp mồ hôi đen sẫm. Tôi nhìn xuống con đường mình vừa đến, nhưng tôi không thể thấy chỗ ấy. Tôi đợi. Một cơn gió thoảng đến đây không khí nóng bay đi. Tôi nhìn lên bầu trời xanh nhợt và đây ắp những đám mây mỏng, và những vệt mây tơ nhạt dần do máy bay phản lực để lại.

Tôi chắc có bốn phát đạn được bắn ra - tôi nhớ khi nghe bốn tiếng nổ vang ấy nó gợi tôi nhớ lại cuộc săn hươu. Sau đó có lẽ còn thêm nhiều phát

nữa song tôi không thể nghe bởi con ngựa tôi lại phi và đá vỡ dưới vó ngựa phát ra âm thanh lớn quá.

Lũ ngựa phi xuống đồi thì rất vất vả nhưng tôi cứ theo hướng ấy thay vì leo dốc chạy lên núi bởi lẽ tôi nghĩ đi xuống sẽ an toàn hơn. Tôi cảm thấy dễ chịu khi con ngựa phi về hướng Đông Nam vượt qua những ngọn đồi xám tròn mọc đầy cây tuyết tùng và đá nham thạch đen. Khi đến vùng đất phẳng, tôi có thể nhìn thấy những vệt xanh sẫm của rừng liễu mọc hai bên bờ sông phía xa xa; nhìn qua sông tôi có thể thấy những quả đồi đá sa thạch xám nhợt tiếp giáp. Tôi ghìm ngựa, quay lại nhìn xem có ai đuổi theo, rồi tôi nhảy xuống quay đầu ngựa lại và thầm nhủ liệu nó có quay trở lại bãi quây dưới rừng thông trên núi kia không. Nó nhìn tôi một lát, ngoạm một miếng đất cỏ xanh trước lúc phi nước kiệu trở lại lối mòn, đôi tai vểnh cao, hơi nghiêng đầu sang để tránh giẫm lên sợi dây cương lòng thông. Khi con ngựa biến mất sau ngọn đồi cuối cùng, mấy chiếc túi đựng súng đầy ắp thịt vẫn đựng đưa và nảy lên.

Tôi cuốc bộ về phía dòng sông theo đường của những người đồn củi, tôi biết lối này sẽ dẫn ra con đường lát đá. Tôi đang tính chuyện đợi bên đường chờ xe ai đó đi nhờ, nhưng lúc ra đến đường rộng, tôi quyết định nếu cứ men theo dòng sông đi ngược lại lối Silva và tôi đã đi thì đoạn đường không còn xa lắm.

Nước sông có vị dễ chịu, tôi ngồi trong bóng mát, dưới cụm liễu bạc. Tôi nghĩ về Silva, tôi cảm thấy buồn khi rời xa chàng; nhưng ở chàng có cái gì đó kì lạ và tôi cố cắt nghĩa trên suốt cả chặng đường về nhà.

Tôi quay về chỗ bên bờ sông nơi chàng ngồi trong lần đầu tiên tôi gặp. Những lá liễu xanh chàng cắt từ cành cây vẫn đang nằm đó, héo rũ trong cát. Nhìn thấy đám lá, tôi muốn quay lại với chàng - để hôn và chạm vào người chàng - nhưng bây giờ núi đã cách xa quá. Và tôi tự nhủ lòng, bởi tôi tin rằng hôm nào đó, chàng sẽ quay lại ngồi đợi bên dòng sông.

Tôi theo con đường dẫn từ sông về làng. Mặt trời đang lặn, tôi có thể ngửi thấy khói cơm chiều khi tôi vào đến cánh cửa trước của nhà mình. Tôi có thể nghe giọng mọi người trong nhà - mẹ tôi đang bảo bà cách điều

chỉnh chiếc Jell-O, còn chồng tôi, Al đang đùa với đứa bé. Tôi quyết định nói với mọi người rằng một gã Navajo đã bắt cóc tôi, nhưng tôi lấy làm tiếc bởi ông nội già nua không còn sống để nghe câu chuyện của tôi vì đây là câu chuyện về Người Đàn Bà Da Vàng mà ông thích kể nhất.

NGƯỜI MÔI GIỚI ÁI TÌNH^[1]

Bernard Malamud (Mĩ, 1914-1986)

Cách đây không lâu, tại khu trên của New York, Leo Finkle, học viên giáo lý Do thái giáo của đại học Yeshiva đã sống trong một căn phòng nhỏ, tồi tàn nhưng đầy sách. Finkle, sau sáu năm học tập, sắp được tấn phong giáo sĩ vào tháng sáu và một người bạn đã khuyên rằng anh chắc sẽ dễ được nhận vào giáo đoàn hơn khi đã kết hôn. Bởi chừng chẳng có triển vọng hôn nhân nào cận kề nên sau hai ngày trăn trở lật xới tâm trí, anh gọi cho Pinye Salzman, môi giới hôn nhân mà hai dòng quảng cáo của ông ta anh đã đọc trên tờ Forward.

Tối nọ, người môi giới xuất hiện trên hành lang tầng bốn tối om của khu nhà trọ xây bằng đá xám nơi Finkle ở, xách cặp buộc dây đã mòn vẹt do sử dụng. Salzman, người đã thâm niên trong nghề, có vóc người mảnh nhưng đỉnh đạc, đội cái mũ cũ, áo khoác quá ngắn và chật. Ông ta toát lên mùi cá, loại mà ông thích ăn và mặc dù bị mất vài cái răng nhưng chẳng vì thế mà trông ông khó coi, nhờ bởi cung cách thân thiện tương phản kỳ lạ với đôi mắt sâu muện. Giọng ông, môi ông, chòm râu của ông, những ngón tay xương xẩu của ông sống động tạo cho ông khoáng khắc thanh thản nhưng còn đôi mắt xanh đục của ông thì lại biểu lộ nỗi buồn sâu thẳm, một đặc điểm mà đã khiến Finkle có phần dễ chịu mặc dù với anh, cảnh huống ấy rõ ràng là căng thẳng.

Anh nói ngay cho Salzman biết lý do anh gọi ông ta đến và giải thích rằng vì ba mẹ anh lấy nhau hơi muện nên chỉ còn lại mình anh trên thế gian. Anh đã dành sáu năm dốc cạn sức để học tập nên kết quả dễ thấy là

anh không còn thời gian tiếp xúc xã hội và kết bạn với những phụ nữ trẻ. Vì vậy anh nghĩ sẽ tốt hơn nếu học hỏi kinh nghiệm - tuy sẽ xấu hổ - bằng cách gọi cho một ai đó hiểu biết đến để xin lời khuyên về lĩnh vực ấy. Anh chợt lưu ý rằng từ xưa người làm mối rất được trọng vọng và tôn vinh trong cộng đồng Do thái, bởi việc làm của họ giúp người ta vượt qua trở ngại trong hôn nhân. Hơn nữa, ba mẹ anh lấy được nhau cũng nhờ vào người mai mối. Đám cưới ấy, không phải vì tiền - bởi chẳng một ai sở hữu cái gì đáng giá cả - chí ít đây là đám cưới thành công theo cái cách vì sự say đắm của hai người. Salzman nghe với vẻ ngạc nhiên, bối rối, cảm thấy như đây là lời biện hộ. Tuy nhiên về sau, khi đã gặt hái nhiều thành công trong nghề, khi xúc cảm đã rời bỏ từ nhiều năm trước, thì bây giờ ông ta lại tuyệt đối tán thành Finkle.

Hai người tiếp tục công việc của mình. Leo đưa Salzman đến nơi thoáng đãng duy nhất trong phòng, một cái bàn cạnh cửa sổ nhìn ra thành phố sáng đèn. Anh ngồi bên cạnh ông mai nhưng nhìn vào mặt ông ta, cố nén cảm giác ngắc ngứ khó chịu trong cổ. Salzman vội mở cái cặp buộc dây, tháo sợi dây cao su khỏi cái túi đựng đựng rất nhiều các. Khi ông ta lật tập các, điệu bộ và âm thanh ấy làm Leo khó chịu, chàng sinh viên vội không nhìn rồi liếc nhanh ra cửa sổ. Mặc dù đã tháng hai nhưng những bước chân cuối của mùa đông còn in dấu; dấu hiệu ấy, lần đầu tiên anh để ý là đã cách đây nhiều năm. Bây giờ anh dõi theo vàng trắng bạc, tròn trịa, mọc cao trên bầu trời xuyên qua đám mây hình các con thú, anh nhìn cái miệng hé mở khi nó vượt qua con gà mái khổng lồ rồi rời ra khỏi nó như thể một quả trứng vừa được đẻ. Salzman, mặc dù cảm cúi lật tập các và vội chăm chú đọc các dòng chữ trên các nhưng vẫn liếc qua mắt kính nhìn trộm khuôn mặt tuần tú của chàng trai trẻ, hài lòng khi thấy cái mũi dài, nghiêm túc của một học giả, đôi mắt nâu nặng vì học, đôi môi nhạy cảm nhưng khổ hạnh và đôi má gầy hóp toát lên vẻ ưu tú nào đó. Ông ta liếc nhìn quanh những giá sách chồng lên nhau rồi buông tiếng thở dài nhẹ có dụng ý.

Khi cái nhìn của Leo hướng xuống mấy tấm các, anh đếm được sáu chiếc trong tay Salzman.

“Ít thế ư?” anh thất vọng hỏi.

“Ngài chẳng thể hình dung là tôi còn rất nhiều các ở văn phòng,” Salzman đáp. “Các ngăn kéo đã đầy ắp, vậy nên bây giờ tôi đã để chúng trong một cái thùng, nhưng liệu tất cả các cô gái ấy đều xứng đáng với một tân giáo sĩ?”

Leo đỏ mặt vì câu hỏi ấy, anh đã quên bằng tờ lý lịch mình đã gởi cho Salzman. Anh nghĩ cách tốt nhất là cho ông ta biết những tiêu chuẩn và yêu cầu nghiêm ngặt của mình, nhưng nếu làm như thế thì anh cảm thấy mình đã cho ông mỗi biết nhiều hơn mức cần thiết.

Anh đề nghị rút rè, “Ông có giữ ảnh của khách hàng trong hồ sơ không?”

“Trước tiên là gia đình, của hồi môn cùng những lời hứa hẹn tử tế,” Salzman đáp, mở nút chiếc áo khoác chặt rồi ngồi lại ghế. “Sau đó là những bức ảnh, giáo sĩ à.”

“Gọi tôi là Finkle. Tôi chưa là giáo sĩ.”

Salzman nói ông ta sẽ gọi như thế, nhưng thay vì gọi anh là tiến sĩ thì ông ta lại nhăm sang giáo sĩ khi thấy Leo không thực sự chú ý nghe.

Salzman chỉnh lại cái kính gọng sừng của mình, khẽ hắng giọng và hào hứng đọc nội dung được ghi trong tấm các trên cùng:

“Sophie P. Hai bốn tuổi. Góa chồng một năm nay. Chưa con. Tốt nghiệp trung học và hai năm cao đẳng. Bố hứa tám ngàn đô la. Có nghề kinh doanh bán hàng tuyệt vời. Cũng có bất động sản. Đăng nhà mẹ theo nghề dạy học, có người là nghệ sĩ. Nổi tiếng ở Đại Lộ Thứ Hai.”

Leo ngạc nhiên nhìn chăm chăm. “Ông nói là bà góa à?”

“Bà góa không có nghĩa là hư hỏng, thừa giáo sĩ. Cô ta sống với chồng đầu có bốn tháng. Anh chồng bị bệnh, cô ta sai lầm khi lấy người ấy.”

“Lấy một bà góa thì chưa bao giờ nảy ra trong ý nghĩ của tôi.”

“Đây là tại vì ngài chưa có kinh nghiệm. Một góa phụ, đặc biệt nếu cô ta còn trẻ và giàu có như cô này, là một người tuyệt vời để lấy làm vợ. Cô ta

sẽ mang ơn ngài trong suốt chuỗi đời còn lại. Hãy tin tôi, nếu bây giờ tôi đang tìm cô dâu thì tôi sẽ lấy một góa phụ.”

Leo suy nghĩ rồi lắc đầu.

Salzman nhún vai với thái độ thất vọng ghê gớm nhất. Ông ta đặt tấm các xuống bàn gỗ và bắt đầu đọc tấm khác:

“Lily H. Giáo viên trung học. Đáng tin cậy. Không có người đại diện. Có tiền tiết kiệm và một chiếc Dodge mới. Sống ở Paris một năm. Cha là nha sĩ nổi tiếng suốt ba mươi lăm năm. Quan tâm đến người có nghề nghiệp. Gia đình Mỹ hóa mạnh. Cơ hội tuyệt vời.”

“Tôi biết rõ cô này,” Salzman nói. “Tôi muốn ngài gặp qua cô này. Cô ta là một phụ nữ hấp dẫn. Lại rất thông minh. Ngài có thể trò chuyện về sách vở với cô ta suốt ngày rồi sau đó rồi nhiều chuyện khác. Cô ta cũng biết những sự kiện đang xảy ra.”

“Tôi không chắc ông đã nói đến tuổi cô ấy chưa?”

“Tuổi cô ta ư?” Salzman nói và nhướn lông mày. “Cô ta ba hai tuổi.”

Lát sau Leo nói, “Tôi e là tuổi ấy hơi già.”

Salzman bật cười. “Vậy thì ngài bao nhiêu tuổi, thưa giáo sĩ?”

“Hai mươi bảy.”

“Thế thì có gì khác nào, nói cho tôi hay đi, giữa hai mươi bảy và ba mươi hai? Vợ tôi hơn tôi bảy tuổi. Vậy tôi phải chịu đựng cái gì nào? - Chẳng gì cả. Nếu con gái của Rothschild muốn lấy ngài thì ngài có tính tuổi không, không chứ?”

“Có,” Leo nói lạnh lùng.

Salzman phớt lờ. “Năm tuổi chẳng nghĩa lý gì. Tôi cam đoan với ngài rằng một khi ngài đã sống với cô ấy một tuần thì ngài sẽ quên mất chuyện tuổi tác. Năm tuổi thì hề hấn gì - có chẳng là cô ta đã sống nhiều và hiểu biết nhiều hơn những người kém tuổi? Với cô gái này, Chúa đã ban phước lành, năm tháng không làm hao mòn. Gặp những đám có được điều đó thì thực là tốt lắm đấy.”

“Cô ấy dạy môn gì ở phổ thông?”

“Dạy tiếng. Nếu ngài nghe cô ta nói tiếng Pháp thì ngài sẽ tưởng mình đang nghe nhạc. Tôi đã hành nghề được hai mươi lăm năm nay, tôi giới thiệu cô ta với cả tấm lòng thành. Hãy tin tôi đi, thưa ngài giáo sĩ, tôi biết rõ mình đang nói gì.”

“Tấm các tiếp theo viết gì vậy?” Leo ngắt lời.

Salzman miễn cưỡng quay sang tấm các thứ ba:

“Ruth K. Mười chín tuổi. Sinh viên tài năng. Bố tặng mười ba ngàn đồng tiền mặt cho chàng rể. Ông ta là bác sĩ. Chuyên gia dạ dày, tay nghề cao. Anh rể kinh doanh áo quần. Con người đặc biệt.”

Trông Salzman như thể đã đọc thuộc quân át chủ bài.

“Ông nói mười chín tuổi à?” Leo hỏi với vẻ quan tâm.

“Đúng.”

“Cô ấy có xinh không?” Anh đỏ mặt. “Dễ thương chứ?”

Salzman hôn lên đầu ngón tay mình. “Một thiên thần bé bỏng. Với trường hợp này, tôi sẽ thông tin thêm cho ngài. Để tối nay tôi gọi cho ông bố rồi ngài sẽ thấy cái gì là dễ thương.”

Nhưng Leo vẫn thắc mắc. “Ông có chắc là cô ấy trẻ như thế chứ?”

“Chuyện ấy thì tôi đảm bảo. Ông bố sẽ cho ngài xem chứng minh thư”.

“Ông có đảm bảo là cô ấy không có khuyết tật gì chứ?” Leo nhấn mạnh.

“Ai bảo có khuyết tật nào?”

“Tôi thật chẳng hiểu tại sao một cô gái Mỹ ở vào tuổi cô ấy lại cần đến người môi giới hôn nhân.”

Một nụ cười nở trên mặt Salzman.

“Vì cũng có lý do như ngài, ngài cần, cô ấy cũng cần.”

Leo đỏ mặt. “Tôi không có thời gian.”

Salzman, nhận thấy mình thiếu tế nhị, nên vội phân bua. “Ông bố đến chứ không phải cô ta. Ông ấy muốn con gặp được người tử tế nhất vậy nên

tự ông ấy tìm kiếm. Khi chúng tôi tìm được người thích hợp, ông ấy sẽ giới thiệu và khuyến khích. Việc ấy sẽ khiến một cuộc hôn nhân tốt đẹp hơn nếu một cô gái trẻ không đủ kinh nghiệm để tự tìm hiểu. Tôi không cần phải giải thích chuyện này với ngài.”

“Nhưng ông có nghĩ cô gái trẻ này tin tưởng vào tình yêu chứ?” Leo lúng búng hỏi.

Suýt nữa Salzman phá lên cười nhưng kìm lại được và nói nghiêm túc, “Tình yêu đến với người phù hợp, không cần phải trước đó.”

Leo hé đôi môi khô nhưng không nói. Để ý thấy Salzman liếc xuống tấm các tiếp theo, anh hỏi một cách thông minh, “Sức khỏe của cô ấy thế nào?”

“Hoàn hảo”, Salzman nói rồi thờ dãi. “Tuy nhiên, chân phải hơi tập tễnh vì tai nạn ô tô khi cô ta mười hai tuổi nhưng chẳng có ai để ý đến chuyện đó bởi cô ta thông minh và rất đẹp.”

Leo lừ đừ đứng dậy, đến bên cửa sổ. Anh cảm nhận được nỗi cay đắng kỳ lạ và thâm mắng mình vì đã gọi người môi giới. Cuối cùng, anh lắc đầu.

“Tại sao không?” Salzman hỏi, giọng ông ta cao lên.

“Bởi vì tôi ghét cay ghét đắng các bác sĩ dạ dày”.

“Thế thì việc gì ngài phải quan tâm đến công việc của ông ấy. Sau khi lấy cô ấy ngài lại cần ông ta ư? Ai bắt ngài cứ mỗi tối thứ sáu lại phải đến nhà ông ta?”

Cảm thấy xấu hổ về cuộc nói chuyện, Leo kết thúc. Salzman ra về với điệu bộ ảo não, nặng nề.

Mặc dù cảm thấy dễ chịu khi người môi giới ra về nhưng hôm sau tâm hồn Leo lại trống vắng. Anh lý giải nguyên nhân của chuyện này là do Salzman đã không giới thiệu được cô dâu thích hợp cho mình. Anh không quan tâm đến những kiểu người môi giới. Nhưng khi Leo nhận thấy mình đang do dự trước việc nên tìm một ông mối khác hay không, một người tương tất hơn Pinye, anh thầm hỏi liệu chuyện ấy có thể - sự phản đối của anh cho thấy mặt trái của nó, mặc dù anh kính trọng ba mẹ - rằng về căn bản anh đã không quan tâm tới tập quán của người môi giới? Anh nhanh

chóng gạt ngay ý tưởng ấy ra khỏi đầu nhưng vẫn thấy cõi lòng mình xao động. Suốt ngày anh thơ thẩn trong rừng - để lỡ những cuộc hẹn quan trọng, quên cả việc giặt giũ, ra khỏi quán Broadway mà quên cả trả tiền rồi quay lại vẫn với cái vé ấy trong tay; thậm chí anh cũng không nhận ra bà chủ nhà trên phố khi bà ta cùng một người bạn đi qua và cất lời chào lịch sự, “Chào ngài, tiến sĩ Finkle.” Tuy nhiên, khi đêm xuống, anh thu hết nghị lực để chúi mũi vào trang sách thì lúc ấy tâm hồn anh mới tìm thấy sự thư thái.

Nhưng ngay lúc đó, có tiếng gõ cửa. Trước lúc Leo kịp nói mời vào, Salzman, thương gia tình ái, đã đứng trong phòng. Mặt ông ta tái, mệt mỏi, với vẻ vội vã, trông như thể ông ta sắp trút hơi thở cuối cùng. Nhưng bằng mẹo gì đó, người môi giới cố vận các cơ để nở một nụ cười rạng rỡ.

“Chào ngài, tôi vào được chứ?”

Leo gật đầu, bực mình khi phải gặp lại ông ta nhưng chưa muốn bảo ông ta đi đi.

Giữ nguyên vẻ mặt tươi cười, Salzman đặt cái cặp xuống bàn. “Thưa giáo sĩ, tối nay tôi có tin tốt lành cho ngài đây.”

“Tôi đã đề nghị ông đừng gọi tôi là giáo sĩ. Tôi vẫn chỉ là học viên.”

“Những lo ngại của ngài đã kết thúc. Tôi tìm được cho ngài một cô dâu thuộc tầng lớp thượng lưu.”

“Đừng quấy rầy tôi về chuyện ấy nữa,” Leo vờ không quan tâm.

“Cả thế giới sẽ khiêu vũ ở đám cưới của ngài.”

“Xin ông Salzman, đừng có tiếp tục nữa.”

“Nhưng trước hết tôi phải lấy lại sức cái đã,” Salzman nói yếu ớt. Ông ta run run lần mở khóa cặp rồi lấy từ cái cặp da ra một túi giấy bóng đựng ổ bánh mì cứng và một con cá nhỏ xông khói. Bằng động tác tay nhanh nhẹn ông ta lột sạch da con cá rồi bắt đầu háo hức nhai. “Bạn túi bụi suốt cả ngày,” ông ta lẩm bẩm.

Leo nhìn ông ta ăn.

“Ngài có lát cà chua nào không?” Salzman rụt rè yêu cầu.

“Không.”

Người môi giới nhắm mắt lại ăn. Khi ăn hết, ông ta cẩn thận chùi sạch các mẫu bánh và gói bộ xương cá vào túi bóng. Đôi mắt đeo kính của ông ta nhìn khắp phòng cho đến khi phát hiện thấy giữa những chồng sách một cái bếp ga đơn. Nhắc mũ xuống, ông ta rụt rè hỏi, “Ngài có tách trà nào không, thưa giáo sĩ?”

Động lòng, Leo đứng dậy pha trà. Anh cho thêm một lát chanh và hai miếng đường, Salzman hài lòng.

Sau khi uống trà, sức khỏe và trạng thái hưng phấn của Salzman được phục hồi.

“Nói cho tôi biết đi, thưa giáo sĩ,” ông ta nói thân mật, “ngài đã cân nhắc thêm về ba trường hợp tôi đã lưu ý hôm qua chưa?”

“Chẳng cần phải cân nhắc nữa.”

“Tại sao không?”

“Chẳng có ai phù hợp với tôi cả.”

“Vậy thì ai sẽ phù hợp với ngài đây?”

Leo tảng lờ bởi anh chỉ có thể đưa ra câu trả lời từ chối.

Không đợi câu trả lời, Salzman hỏi, “Ngài có còn nhớ cô gái mà tôi đã nói với ngài - cô giáo viên trung học ấy mà?”

“Ba mươi hai tuổi ư?”

Nhưng, lạ chưa, Salzman lại nở nụ cười. “Hai mươi chín tuổi.”

Leo nhìn nhanh ông ta. “Giảm từ ba mươi hai chứ gì?”

“Chỉ tại nhầm lẫn,” Salzman quả quyết. “Hôm nay tôi đã nói chuyện với ông nha sĩ. Ông đưa tôi đến chỗ hộp lưu giữ tài liệu an toàn của gia đình và cho tôi xem cái chứng minh thư. Tháng tám vừa rồi, cô ấy hai mươi chín tuổi. Họ đã tổ chức một bữa tiệc trên núi nơi cô đi nghỉ. Lần đầu tiên bố cô ấy nói với tôi, tôi quên ghi lại tuổi nên tôi nói với anh là ba mươi hai, nhưng giờ đây tôi nhớ đấy là tuổi của một khách hàng khác, bà góa ấy mà.”

“Cũng giống như cái cô ông đã giới thiệu với tôi, tôi nghĩ cô ấy chỉ hai mươi bốn tuổi?”

“Khác nhau. Làm sao mà tôi phải chịu trách nhiệm nhớ trước việc thế giới đầy ắp các phụ nữ góa chồng?”

“Không phải thế, nhưng tôi chẳng quan tâm đến họ, không, chỉ tại cái khác, giáo viên ấy mà.”

Salzman đưa hai bàn tay chắp lại lên ngực. Ngược nhìn trần nhà, ông ta thành kính thốt lên, “Lạy đấng tối cao, những gì con có thể nói với mọi người là rằng ngài ấy không quan tâm đến giáo viên trung học sao? Vậy thì ngài quan tâm đến thứ gì?”

Leo đỏ mặt nhưng cố kiềm chế.

“Ngài quan tâm đến thứ gì khác nào,” Salzman nói tiếp, “nếu ngài không để ý đến cô gái dễ thương biết sử dụng bốn ngoại ngữ và có tài khoản riêng mười ngàn đô la ở ngân hàng sao? Bố cô ta cũng đảm bảo hơn mười hai ngàn. Cô ta còn có một chiếc ô tô mới, nhiều áo quần đẹp, am hiểu mọi vấn đề, và sẽ trao cho ngài cuộc sống thượng lưu và con cái. Cuộc sống như thế thử hỏi còn cách thiên đường bao xa?”

“Nếu cô ấy tuyệt diệu đến thế thì tại sao cô ấy không lấy chồng cách đây mười năm đi cho rồi?”

“Tại sao ư?” Salzman nói trong tiếng cười giòn tan. “Tại sao ư? Bởi vì cô ta là vô địch. Lý do là thế. Cô ta muốn người khỏe nhất.”

Leo im lặng, thầm giễu cái thế kẹt của mình. Nhưng Salzman đã đề nghị anh tìm hiểu Lily H, anh bắt đầu cân nhắc việc gọi cho cô. Khi người môi giới quan sát cung cách Leo quan tâm đến các sự kiện ông ta cung cấp thì ông cảm thấy chắc chắn chẳng mấy chốc họ sẽ đi đến đồng ý.

* * *

Chiều thứ bảy muộn, nhờ Salzman, Leo Finkle đi dạo với Lily Hirschorn dọc theo phố Riverside. Anh bước ung dung, đỉnh đặc, đội cái mũ phớt đen mềm có đính phù hiệu mà sáng hôm đó anh đã hồi hộp lấy ra từ chiếc hộp đầy bụi trên giá ở phòng để quần áo, anh mặc chiếc áo khoác đen nặng, được phui sạch bụi dành cho ngày chủ nhật. Leo còn mang theo cây can, quà tặng của một người bà con xa, nhưng đã chóng bị bỏ quên và không được sử dụng. Lily, mảnh mai và không phải không xinh, cách ăn mặc toát lên không khí mùa xuân đang về. Cô ta hoạt bát và hào hứng với tất cả các đề tài, anh lắng nghe và thấy cô ta nói rất lạ - hết như đang soạn bản nhạc nữa cho Salzman, người mà anh cảm thấy như thể đang lẫn quất đâu đây, có lẽ nấp trên tán cây dọc đường, ra hiệu cho người phụ nữ bằng chiếc gương tay hay có thể là thần rừng Pan có cái đầu là của người còn chân thì của loài dê, thổi những bản tình quê mượt mà bằng ống tiêu khi ông ta tàng hình nhảy nhót ngay trước mắt họ, vút những chồi cây hoang trên đường và nho tím, những loại hoa quả kết vào nhau theo lối tượng trưng trên lối đi, mặc dù trên đường hoàn toàn chẳng xuất hiện thứ gì cả.

Lily làm Leo giật mình bởi câu nói, “Em đang nghĩ về ông Salzman, một con người kỳ quặc, anh có tin vậy không?”

Chẳng biết phải trả lời cách nào, anh chỉ gật đầu.

Cô kiểm chế sự bối rối, mạnh dạn tiếp tục, “Ông ấy là người em mang ơn vì đã giới thiệu chúng ta với nhau, phải vậy không anh?”

Anh lịch sự đáp lời, “Anh nghĩ như thế.”

“Ý em là,” cô nói và khẽ cười - phong cách dễ chịu hoặc chí ít cũng tạo được cảm giác là không đến nỗi tồi - “anh không ân hận khi chúng mình gặp nhau chứ?”

Chẳng phải anh không hài lòng với vẻ thật thà của cô mà còn nhận ra rằng cô muốn thiết lập quan hệ ngay lập tức và hiểu rằng để có thể thực hiện được điều đó chắc chắn cần phải có vốn sống nhất định, lòng can đảm. Người ta phải có quá khứ dạn dày mới có thể đề nghị khởi đầu như thế.

Anh nói anh không ngại. Công việc của Salzman mang tính truyền thống và cao quý - giá trị vì những gì đã đạt được, nhưng cái được ấy anh nhận thấy hóa ra là chẳng nghĩa lý tí gì.

Lily đồng ý với tiếng thở dài. Họ đi một lát rồi cô nói sau khoảng im lặng dài, cũng vẫn tiếng cười hồi hộp, “Em có thể hỏi anh đôi điều có liên quan đến đời tư được không? Thành thật mà nói, em nhận thấy đề tài ấy rất hấp dẫn.” Mặc dù Leo nhún vai nhưng cô ta vẫn tiếp tục, hơi rụt rè, “Anh cảm thấy thế nào khi gọi điện? Ý em là có phải do cảm hứng say đắm bất chợt không?”

Leo, lặng im một lát rồi chậm rãi trả lời, “Tôi luôn quan tâm đến luật pháp.”

“Anh thấy ở đó phát lộ hình bóng của đấng tối cao ư?”

Anh gật đầu và thay đổi đề tài. “Tôi biết là cô đã từng sống ở Paris, phải không cô Hirschorn?”

“Ồ, ông Salzman đã nói với anh rồi, đúng không giáo sĩ Finkle?” Leo nhả mặt nhưng cô ta vẫn tiếp tục, “Đã lâu lắm rồi và gần như đã quên. Em nhớ em phải quay về dự đám cưới của bà chị.”

Và Lily không thể dừng lại nữa. “Anh,” cô hỏi bằng giọng hơi run, “say mê Chúa tự bao giờ?”

Anh nhìn cô chăm chăm. Anh nghĩ cô ta chẳng nói gì về Leo Finkle cả mà lại như nói về một người hoàn toàn xa lạ, một người bí ẩn nào đó, thậm chí có lẽ là một nhà tiên tri nổi tiếng mà Salzman đã nhồi vào đầu cô ta - mà chẳng có quan hệ gì với cuộc sống hay cái chết. Leo run người vì giận dữ và bất lực. Kẻ lừa đảo rõ ràng đã bán cho cô ta cả khối hàng như đã bán cho anh, người hy vọng được kết bạn với một phụ nữ trẻ, tuổi hai chín, mà chỉ thoáng nhìn, ngay khoảng khắc mắt anh dừng trên khuôn mặt căng thẳng, âu lo, là đã thấy ngay người phụ nữ ấy đã quá ba lăm và đang già đi rất nhanh. Duy chỉ khả năng tự kiểm chế mới giữ được anh tiếp xúc với cô lâu như thế.

“Tôi chẳng phải,” anh nói lạnh nhạt, “là người sùng đạo tài năng,” rồi trong lúc tìm kiếm từ ngữ để nói tiếp, anh cảm thấy mình đang bị nỗi sợ hãi và xấu hổ chế ngự. “Tôi nghĩ,” anh nói thẳng thắn, “rằng tôi đến với Chúa chẳng phải vì tôi yêu Người mà chỉ vì tôi chẳng yêu.”

Lời thú nhận này anh nói ngắc ngứ với sự bất ngờ của nó khiến anh run rẩy.

Lily choáng váng. Leo thấy vô khối ổ bánh mì bay tựa đàn vịt trời ngay trên đầu mình, không giống những ổ mì có cánh mà anh tự đếm để ru giấc ngủ tối qua. Hạnh phúc thay khi nó trắng xóa mà anh không cần phải dứt qua cái lò lửa đảo của Salzman.

* * *

Anh cảm giận kẻ môi giới và thề sẽ quẳng ông ta ra khỏi phòng ngay khi ông ta xuất hiện trở lại. Nhưng tối hôm đó Salzman không đến, rồi khi cơn giận của Leo hạ xuống thì một nỗi tuyệt vọng vô bờ bến thay thế chỗ nó. Thoạt tiên anh nghĩ nguyên nhân của tâm trạng ấy là do nỗi thất vọng của anh về Lily, nhưng trước việc ấy khá lâu đã có bằng chứng cho thấy anh đã hợp tác với Salzman mà chưa thực sự hiểu rõ mục đích của chính mình. Anh dần nhận ra - với nỗi trống rỗng bám riết lấy anh bằng cả sáu bàn tay của nó - rằng anh đã gọi người môi giới nhờ tìm cho anh một cô dâu bởi vì bản thân anh không đủ điều kiện để làm việc đó. Anh đã ý thức được vấn đề khủng khiếp ấy qua việc gặp gỡ và truyện trò với Lily Hirschorn. Những câu hỏi thăm dò của cô bằng cách nào đó đã kích thích anh bộc lộ - cho chính anh hơn là cho cô - bản chất quan hệ thực sự của anh với Chúa, rồi từ đó cơ sự xảy ra với anh là, với xung lực cực mạnh, trừ ba mẹ mình ra, anh chẳng thể yêu bất cứ ai. Hay có lẽ chuyện xảy ra theo hướng khác, rằng anh đã không yêu Chúa hết mực, bởi vì anh không yêu con người. Dường như với Leo, toàn bộ cuộc sống của bản thân hiện ra trụi trần và lần đầu tiên anh nhận thức được cái bản ngã như nó vốn dĩ - không yêu thương và cạn

tình. Nỗi cay đắng này, bằng cách nào đó chưa được phát hiện đầy đủ đã đưa anh đến bến bờ hoảng sợ, chỉ được kiềm chế bởi một nỗ lực phi thường. Anh úp mặt vào tay rồi bật khóc.

Tuần lễ tiếp theo là tuần tồi tệ nhất trong đời anh. Anh không ăn và giảm cân. Râu anh mọc bù xù, đen rậm. Anh không đi dự những buổi seminar và hầu như chẳng buồn ngó ngang đến sách vở. Anh suy tính kỹ việc rời bỏ Yeshiva mặc dù luôn lẩn tránh nhiều với suy nghĩ bỏ mất tất cả những năm đèn sách - thấy chúng tựa những trang sách bị xé rải khắp thành phố - và ảnh hưởng đột ngột của quyết định này với ba mẹ mình. Nhưng anh đã sống mà chẳng hiểu biết gì về bản thân và Kinh thánh lẫn các lời chú giải chưa bao giờ hé lộ cho anh thấy chân lý. Anh chẳng biết nơi nào để rẽ vào và trong cái thế giới cô đơn sâu muện này không có ai để tìm đến cả mặc dù anh thường xuyên nghĩ về Lily nhưng chưa một lần anh có đủ can đảm xuống tầng dưới gọi điện. Anh trở nên nóng nảy và cáu kỉnh, đặc biệt là với bà chủ nhà, người cứ luôn hỏi anh những chuyện riêng tư; mặt khác, tự ý thức được sự khó chịu của mình, anh chặn bà lại trên cầu thang rồi nhún nhường ngỏ lời xin lỗi cho đến khi khiến bà ta bối rối phải tìm cách lánh mặt. Ngoài chuyện ấy, dĩ nhiên, anh còn vẽ lên sự an ủi rằng mình là người Do Thái và là người Do Thái bị đày ải. Nhưng dần dà, khi cái tuần lễ lê thê và kinh khủng ấy qua đi, anh lấy lại bình tĩnh và mục đích sống: cứ tiếp tục như đã dự định. Nhưng anh chẳng hoàn hảo và ý tưởng của anh thì cũng thế. Khát khao một cô vợ, cái ý tưởng ấy cứ tiếp tục giày vò anh trong nỗi khao khát thấp thỏm nhưng có lẽ bằng sự hiểu biết mới mẻ về bản thân này anh sẽ thành công hơn lần trước. Ất hẳn tình yêu sẽ đến với anh và cả cô dâu cũng đến theo tình yêu đó. Và trong cuộc tìm kiếm thiêng liêng này, ai là người cần Salzman?

Người môi giới hôn nhân, một bộ xương với đôi mắt quỷ ám, quay lại đúng tối hôm ấy. Trông ông ta ủ rũ, với dáng vẻ chờ đợi chán nản - như thể ông ta đã đợi hàng tuần để nghe cú điện thoại của cô Lily Hirschorn mà không được gọi.

Húng hắng ho như thường lệ, Salzman vào ngay vấn đề: “Thế là ngài thích cô ấy sao rồi?”

Cơ giận của Leo bùng lên và anh không thể ngăn nổi việc trách móc người môi giới: “Tại sao ông lại lừa dối tôi, hử Salzman?”

Khuôn mặt tái của Salzman trắng bệch như thể tuyết trên thế giới dồn hết vào đó.

“Ông đã không nói cô ta hai mươi chín tuổi đấy sao?” Leo khẳng định.

“Tôi nói với ngài...”

“Chỉ ít cô ấy cũng ba mươi lăm tuổi. Ít nhất là ba lăm.”

“Làm sao mà tôi lừa về cô ta cơ chứ, hãy nói tôi nghe đi?”

“Ông nói với cô ấy những điều không thật về tôi. Ông cứ thêm thắt về tôi. Cô ấy đã hình dung trong đầu một người hoàn toàn khác, một ông giáo sĩ á thánh diệu kì.”

“Tất cả những gì tôi nói là ngài là người của giáo hội.”

“Tôi biết quá rồi.”

Salzman thở dài. “Đây là điểm yếu của tôi,” ông ta thú nhận. “Vợ tôi bảo đúng ra tôi đừng làm nghề môi giới, bởi lẽ khi tìm thấy được hai người tử tế rất hợp để lấy nhau thì tôi sung sướng đến nỗi đã nói quá nhiều.” Ông ta mỉm cười yếu ớt. “Đấy là lý do để Salzman cứ mãi là người nghèo.”

Cơ giận của Leo đã tan biến. “Phải, Salzman, tôi cho là thế đấy.”

Người môi giới đảo nhanh đôi mắt nghèo đói lên anh.

“Ngài không muốn lấy vợ nữa sao?”

“Lấy chứ,” Leo đáp, “nhưng tôi quyết định tìm vợ theo cách khác. Tôi chẳng còn hứng thú gì đến việc lấy vợ qua môi giới. Thành thật mà nói, bây giờ tôi thừa nhận sự cần thiết của tình yêu trước hôn nhân. Điều đó có nghĩa tôi muốn yêu một ai đó trước khi cưới làm vợ.”

“Yêu ư?” Salzman sững sốt hỏi. Ngừng một lát, ông ta nói, “Với chúng ta, tình yêu là cuộc sống của ta, không phải dành cho phụ nữ. Trong cộng đồng Do Thái, người ta...”

“Tôi biết, tôi biết,” Leo nói. “Tôi đã thường xuyên nghi ngờ về điều đó. Tình yêu, tôi thầm nhủ, là tặng vật của cuộc sống và đáng để tôn thờ hơn là hủy bỏ. Nhưng với riêng tôi, tôi nhận thấy tình yêu cần thiết để hình thành sự cân bằng giữa nhu cầu của tôi với sự thỏa mãn của nó.”

Salzman nhún vai nhưng lại nói, “xin hãy nghe tôi, thưa giáo sĩ, nếu ngài muốn yêu thì tôi cũng có thể đáp ứng yêu cầu đó. Tôi có những khách hàng xinh đẹp đến mức ngài sẽ phải lòng ngay khi nhìn thấy họ.”

Leo mỉm cười khổ sở. “Tôi cho là ông chưa hiểu.”

Nhưng Salzman vội mở cặp rút ra cái túi giấy mềm.

“Ảnh đây,” ông ta nói rồi đặt nhanh cái phong bì lên bàn.

Leo bảo ông ta cất ngay ảnh đi, nhưng tựa làn gió, Salzman đã biến mất.

Tháng ba đến. Leo đã quay về với nếp sống bình thường của mình. Mặc dù chưa nhận rõ bản thân mình kém sinh lực nhưng anh lại lên kế hoạch để sống cuộc sống xã hội sôi động hơn. Dĩ nhiên việc ấy phải trả giá bằng điều gì đó, nhưng anh là chuyên gia trong lĩnh vực xoay xở; và khi chẳng còn việc gì để xoay xở thì anh lại xoay cho tròn hơn những thứ mình vừa xoay xong. Suốt thời gian đó, những bức ảnh của Salzman vẫn nằm nguyên trên bàn hứng bụi. Đôi lúc, khi Leo ngồi học hay nhâm nhi tách trà, mắt anh dừng trên cái phong bì giấy nhưng anh chẳng hề mở ra.

Ngày ngày trôi qua, và chẳng có cuộc sống đời thường nào để thảo luận về sự phát triển của một thành viên thuộc nhóm khác giới - điều đó thật khó, khi đưa ra trong môi trường tồn tại của anh. Sáng nọ, Leo ì ạch lên cầu thang về phòng mình và nhìn thành phố qua cửa sổ. Mặc dù ngày đã rạng nhưng Leo vẫn thấy thành phố hãy còn tối. Anh nhìn những người đi vội trên đường phố phía dưới một lúc rồi quay trái tìm trữu nặng vào căn phòng bé nhỏ. Cái túi giấy vẫn trên bàn. Đột nhiên, bằng dáng vẻ nghiêm khắc, anh mở nó ra. Trong vòng nửa giờ anh đứng bên bàn trong trạng thái kích động, xem xét những bức ảnh phụ nữ mà Salzman đã tuyển chọn. Sau cùng, trong tiếng thở dài thườn thượt, anh đặt chúng xuống. Có sáu bức ảnh, với các vẻ hấp dẫn khác nhau, nhưng cứ nhìn mãi thì tất cả đều hóa

thành Lily Hirschorn: Tất cả đã qua thời xuân sắc, đói khát đằng sau những nụ cười rạng rỡ, nhìn chung thì chẳng biểu lộ nét cá tính thực nào. Cuộc sống, bất chấp những âm vang gọi mời tuyệt vọng của họ, vẫn cứ phớt lờ trôi đi; chúng là những bức ảnh được để trong chiếc cặp bốc mùi cá. Tuy nhiên một lát sau, khi Leo cố gắng đút mấy bức ảnh vào lại bao giấy thì anh phát hiện ra một bức ảnh khác, được chụp theo kiểu chân dung nghiêng chụp nhanh. Anh nhìn bức ảnh một lúc rồi buông tiếng than thầm.

Nét mặt cô làm xao động hồn anh. Tại sao thì thoát tiên anh chưa thể nào cắt nghĩa. Bức ảnh gây cho anh ấn tượng về tuổi trẻ - những đóa xuân thì chứ không phải tuổi tác - cảm giác xao xuyến lan đến tận xương tủy, sự lãng phí; tất cả toát lên từ đôi mắt, trông quen thuộc lạ lùng nhưng hoàn toàn xa lạ. Anh có cảm giác rõ ràng mình đã gặp cô từ trước, nhưng dẫu có cố hết sức thì anh cũng không thể nào nhớ nổi cho dù dường như anh có thể gọi được tên cô, như thể anh đã đọc cái tên ấy từ dòng chữ viết tay của cô. Không, không thể như vậy; anh sẽ nhớ ra cô. Không thể vì, anh khẳng định, vẻ đẹp siêu phàm của cô - không thể, mặc dù khuôn mặt ấy thực sự quyến rũ; có cái gì đó từ cô đã mê hoặc anh. Đường nét chỉ là đường nét, thậm chí nhiều bức ảnh trong tập ấy vẫn có thể xinh hơn; nhưng cô đã chinh phục được trái tim anh - đã sống hay muốn sống ở đó - nhiều hơn ước muốn, có lẽ đã hối tiếc chuỗi ngày qua của mình - đã làm tim anh trĩu nặng ưu tư: có thể đọc được điều đó tận đáy sâu của đôi mắt ngập ngừng, từ cách ánh sáng phong lại và tỏa chiếu từ cô rồi trong cô, tỏa ra khả năng của những bến bờ rộng mở: cái đó là của riêng cô. Anh khao khát cô. Đầu anh đau buốt còn đôi mắt thì nheo lại bởi độ tập trung của việc ngắm nhìn, rồi như thể một khối sương mù mờ mịt lan rộng trong đầu, anh cảm thấy sợ cô và ý thức rằng bằng cách nào đó anh đã chịu sự ám ảnh của ma quỷ. Anh rùng mình, lấm bầm, tất cả bọn ta đều phải chịu đựng nó. Leo pha trà trong cái ấm nhỏ rồi ngồi uống không đường để làm dịu thần kinh. Nhưng trước lúc uống xong, anh lại bị kích thích với ham muốn ngắm nhìn khuôn mặt kia và nhận thấy nó phù hợp: phù hợp với Leo Finkle. Duy chỉ con người ấy mới có thể hiểu và giúp anh tìm thấy những gì anh đang tìm kiếm. Cô có lẽ sẽ yêu anh.

Bằng cách nào mà cô xuất hiện giữa mớ các trong cái thùng của Salzman, anh chẳng thể nào đoán nổi, nhưng anh biết mình phải nhanh chóng đi tìm cô.

Leo chạy xuống cầu thang, chớp vội cuốn danh bạ điện thoại vùng Bronx, dò tìm địa chỉ nhà của Salzman. Ông ta không có trong danh bạ, kể cả văn phòng. Danh bạ Manhattan cũng không có tên ông ta. Nhưng Leo nhớ là đã ghi lại địa chỉ của ông ta vào mảnh giấy nhỏ sau lúc anh đọc phần quảng cáo của Salzman trong mục “đời tư” của tờ Forward. Anh chạy lên phòng mình, lục lọi đăm giấy tờ nhưng chẳng gặp may. Nó đã thất lạc đâu mất. Đúng lúc anh cần người môi giới thì chẳng biết ông ta ở đâu mà lần. May mắn thay, Leo lại nhớ nhìn vào ví. Anh thấy trên một tấm các là tên ông ta và địa chỉ ở Bronx. Không có số điện thoại nên cách liên lạc - mà bây giờ Leo mới chợt nhớ - với ông ta là phải đến nhà. Anh mặc áo khoác, trùm cái mũ lên cái mũ chòm của giáo sĩ rồi đi vội đến ga tàu điện ngầm. Suốt chặng đường đến phía bên kia của Bronx, anh ngồi thấp thỏm. Hơn một lần anh bị cám dỗ lấy bức ảnh ra xem thử mặt cô gái có giống như anh đã nhớ không, nhưng anh cưỡng lại, cứ để bức ảnh nằm yên trong túi áo khoác mặt trong, để cảm nhận được sự gần gũi của cô. Khi tàu về đến ga, anh chực sẵn bên cửa và bước vội ra. Anh nhanh chóng tìm ra con đường mà Salzman đã đăng trong quảng cáo.

Tòa nhà anh tìm thấy nằm kề bên ga tàu, nhưng đây không phải là tòa nhà văn phòng, chẳng phải là khu trưng bày và cũng chẳng phải là khu cửa hiệu mà ở đó người ta có thể thuê để đặt văn phòng. Đây là khu chung cư rất cũ kỹ, Leo tìm thấy tên Salzman viết bằng bút chì trên mảnh giấy dán phía dưới chuông cửa rồi leo lên ba lần cầu thang để đến phòng ông ta. Khi anh gõ cửa, một người phụ nữ gầy gò, tóc bạc, thở khò khè đi dép lê nỉ ra mở.

“Ờ?” bà ta hỏi mà chẳng cần câu trả lời. Bà ta lắng nghe mà không nghe. Anh có thể khẳng định rằng mình cũng đã gặp bà ta từ trước nhưng cũng biết đây chỉ là sự nhầm lẫn.

“Salzman - ông ấy có sống ở đây không? Pinye Salzman,” anh nói, “người làm mai ấy?”

Bà ta nhìn anh chăm chăm một lúc. “Dĩ nhiên.”

Anh cảm thấy lúng túng, “Ông ấy có nhà không?”

“Không.” Miệng bà ta, mặc dù mở ra, nhưng chẳng nói gì thêm.

“Việc gấp lắm. Bà có thể nói cho tôi biết văn phòng ông ấy ở đâu không?”

“Ở trên trời.” Bà ta chỉ lên trên không trung.

“Ý bà là ông ấy không có văn phòng?” Leo hỏi.

“Ở trong bí tất của ông ấy.”

Anh liếc nhìn vào căn phòng. Phòng không có ánh nắng và tồi tàn, một căn phòng lớn được ngăn đôi bằng bức màn kéo, ở bên kia, anh có thể trông thấy một chiếc giường sắt xộc xệch. Một bên phòng là những chiếc ghế ọp ẹp, cái bàn làm việc cũ, thêm một cái bàn ba chân, giá đựng đồ nấu ăn và tất cả đồ lè của một cái nhà bếp. Nhưng chẳng có dấu hiệu nào của Salzman hay cái thùng ma thuật của ông ta, có lẽ tất cả cũng chỉ là ảo tưởng của trí tưởng tượng. Mùi cá rán khiến Leo bủn rủn toàn thân.

“Ông ấy ở đâu vậy?” anh nài nỉ. “Tôi cần phải gặp chồng bà.”

Bà ta trả lời ngay, “Ai mà biết ông ta ở đâu cơ chứ? Lúc nào ông ta cũng nghĩ ra được ý tưởng mới để chạy đến một nơi khác. Cứ về nhà đi, ông ta sẽ đến tìm anh.”

“Nói với ông ta là Leo Finkle.”

Bà ta không tỏ dấu hiệu gì là đã nghe cả.

Anh đi xuống cầu thang, thất vọng.

Nhưng Salzman, thở hổn hển, đang đứng đợi trước cửa phòng anh.

Leo ngạc nhiên, mừng rỡ. “Bằng cách nào mà ông lại đến đây trước tôi?”

“Tôi chạy.”

“Vào nhà đi.”

Họ vào nhà. Leo pha trà và làm một chiếc sandwich kẹp cá trích cho Salzman. Lúc hai người uống nước, anh quờ tay ra sau tìm gói ảnh rồi đưa trả người môi giới.

Salzman đặt cốc xuống, nói với vẻ hi vọng, “Ngài đã tìm thấy người mình thích rồi chứ?”

“Không phải trong số này.”

Người môi giới ngoảnh đi.

“Đây là người tôi thích.” Leo đưa ra bức chân dung chụp nhanh.

Salzman đeo kính vào, tay run run cầm bức ảnh. Ông ta bỗng ử dột và buông ra tiếng than.

“Có chuyện gì vậy?” Leo hỏi lớn.

“Xin lỗi. Có sự nhầm lẫn ở bức ảnh này. Cô ta không hợp với ngài.”

Salzman cuống cuống rút cái túi giấy vào cặp. Ông ta dúm bức ảnh chụp nhanh vào túi rồi chạy ào xuống cầu thang.

Leo, sau thoáng suy nghĩ, vội đuổi theo và đôn người môi giới vào góc tiền sảnh. Mặc cho bà chủ nhà la hét ầm ĩ nhưng chẳng một ai trong họ buồn nghe.

“Trả lại tôi bức ảnh, Salzman.”

“Không.” Nỗi đau đớn trong cái nhìn của ông ta thực là khủng khiếp.

“Vậy thì hãy nói cho tôi biết cô ta là ai.”

“Việc này tôi không thể nói. Xin hãy tha lỗi.”

Ông ta dợm chân bước đi nhưng Leo, do không tự chủ đã chộp lấy chiếc áo khoác chặt của ông mỗi mà lắc liên hồi kì trận.

“Xin ngài,” Salzman phều phào. “Xin ngài.”

Leo xấu hổ buông ông ta ra. “Hãy nói cho tôi biết cô ta là ai đi,” anh nài nỉ. “Điều đó rất quan trọng đối với tôi.”

“Cô ta không xứng với ngài. Cô ta là người hoang đàng - hoang đàng, chẳng biết xấu hổ. Người này không thể là hôn thê của một giáo sĩ.”

“Ông nói hoang đường là có nghĩa gì vậy?”

“Giống loài vật. Giống một con chó. Với cô ta, nghèo là tội lỗi. Đây là nguyên do đối với tôi bây giờ cô ta đã chết.”

“Lạy chúa, ý ông là gì vậy?”

“Cô ta, tôi không thể giới thiệu với ngài,” Salzman gào lên.

“Tại sao ông lại kích động đến thế?”

“Tại sao ư, ngài muốn biết à,” Salzman nói trong nước mắt òa tràn. “Nó là con tôi, Stella của tôi, nó đáng bị thiêu dưới địa ngục.”

* * *

Leo vội chạy về giường trùm kín chăn. Dưới tấm chăn, anh nghĩ về cuộc đời mình. Mặc dù anh dễ chìm vào giấc ngủ nhưng anh không thể xóa nổi hình bóng cô khỏi tâm trí. Anh thức giấc, dấm vào ngực. Mặc dù anh cầu nguyện để được xa lánh cô nhưng lời nguyện cầu của anh không được đáp lời. Suốt chuỗi ngày dài khổ sở, anh không ngừng vật vã để đừng yêu cô nhưng rồi lại sợ thành công nên anh ngừng lại. Rồi anh đi đến kết luận là phải biến đổi cô thành người tốt, còn bản thân mình thì thành Chúa. Ý tưởng ấy vừa làm anh buồn nôn vừa làm anh phấn khởi.

Ắt hẳn anh đã không biết mình đi đến kết luận cuối cùng cho đến khi anh gặp với Salzman ở tiệm Broadway. Ông ta đang ngồi một mình ở cái bàn phía sau mút xương cá. Người môi giới phờ phạc, mỏng tang như thể sắp biến mất.

Thoạt tiên, Salzman nhìn mà không nhận ra anh. Leo để râu mọc lờm chờm, còn đôi mắt thì nặng trĩu bởi sự thông thái.

“Salzman,” anh nói, “cuối cùng thì tình yêu cũng đã đến với tôi.”

“Ai mà lại có thể yêu bởi một tấm ảnh cơ chứ?” người môi giới giễu.

“Chuyện ấy vẫn có thể.”

“Nếu ngài có thể yêu nó thì ngài có thể yêu bất kì ai. Để tôi cho ngài xem mấy khách hàng mới, vừa gởi ảnh cho tôi. Có một cô bé nhỏ, thật dễ thương.”

“Chỉ cô ấy là người tôi muốn,” Leo lẩm bẩm.

“Đừng có ngốc, thưa tiến sĩ. Đừng bận tâm với nó.”

“Cứ để tôi tiếp xúc với cô ấy, Salzman,” Leo háo hức nói. “Có lẽ tôi sẽ cảm hóa được cô ta.”

Salzman ngừng ăn và Leo ngẫm hiểu rằng bây giờ nguyện vọng ấy đang được thu xếp.

Rời tiệm ăn, tuy nhiên anh vẫn cảm thấy quặn đau bởi bị giày vò vì nỗi nghi ngờ rằng Salzman đã thu xếp mọi chuyện để nó diễn ra theo cách này.

* * *

Một lá thư thông tin cho Leo biết rằng cô sẽ gặp anh ở góc phố nọ và cô đến đó vào một tối mùa xuân, đợi dưới ngọn đèn đường. Anh xuất hiện, mang theo một bó hoa nhỏ gồm hoa hồng và hoa violet. Stella đứng bên cột đèn, hút thuốc. Cô đi đôi giày trắng điểm đỏ, hợp với sự mong đợi của anh, mặc dù trong khoảnh khắc căng thẳng anh hình dung cái váy màu đỏ, chỉ có đôi giày là màu trắng. Cô ngóng đợi, bồn chồn và e lệ. Từ xa, anh đã nhìn thấy đôi mắt cô - trong trẻo, như mắt người cha - ngập tràn sự ngây thơ mong đợi. Anh thấy ở cô là sự cứu rỗi của chính mình. Tiếng đàn violông và nến thắp sáng giăng tròn trên bầu trời. Leo chạy về phía trước với những bông hoa vườn dài.

Bên kia góc phố, Salzman, đứng tựa lưng vào tường, đọc kinh cầu nguyện cho người đã khuất.

RIP VAN WINKLE

Washington Irving (Mỹ, 1783-1859)

Bất kỳ ai từng ngược dòng Hudson hẳn đều nhớ núi Kaatskill. Đây là một nhánh của dãy Appalachian hùng vĩ, nằm cách xa dòng sông về hướng Tây, cao vút uy nghiêm, nổi bật lên trên vùng đất bằng bao quanh. Mỗi một thay đổi của mùa, mỗi một thay đổi của thời tiết và thậm chí mỗi giờ trong ngày cũng đều để lại dấu vết trên sắc màu và hình dạng bí ẩn của những ngọn núi này; những người vợ đảm đang xa gần đều xem núi ấy như một chiếc phong vũ biểu đáng tin cậy. Vào những lúc thời tiết đẹp và ổn định, núi khoác màu xanh sẫm và in đậm đường nét sống động lên trên trời chiều quang đãng; nhưng đôi khi trời quang mây tạnh, những đám hơi nước màu xám vẫn dờn quanh các đỉnh núi rồi thì trong ánh hoàng hôn rơi rớt lại, chúng lấp lánh và rực sáng tựa chiếc vương miện uy nghi.

Dưới chân của dãy núi thần tiên này, du khách hẳn sẽ kể về những làn khói mỏng vờn trên ngôi làng, những mái nhà ván lấp lánh giữa rừng cây, nơi màu xanh của cao nguyên hòa trong màu xanh thẫm, tươi rói của vùng phụ cận. Ngôi làng bé nhỏ rất cổ kính ấy được mấy nhà thực dân Hà Lan xây dựng vào buổi đầu thành lập tỉnh, ngay vào dịp ra mắt chính quyền của Peter Stuyvesant tốt bụng (cầu cho ông ta được an nghỉ!), nhiều ngôi nhà của người khai khẩn tồn tại trong nhiều năm, tường được xây bằng loại gạch vàng nhỏ của người Hà Lan, nhà có cửa sổ mắt cáo, đầu hồi nhô ra mặt tiền, bên trên là mũi tên chỉ chiều gió.

Tại làng ấy và tại một trong những ngôi nhà ấy (tình thực mà nói là đã quá tả tơi với thời tiết và thời gian) có một anh chàng tốt bụng, xuềnh xoàng tên là Rip Van Winkle sinh sống hằng bao năm nay kể từ khi miền ấy

chưa trở thành một tỉnh của nước Anh. Chàng là hậu duệ của dòng họ Van Winkle, người lừng danh nghĩa hiệp trong thời hiệp sĩ của Peter Stuyvesant và đã sát cánh với ông ta trong trận vây hãm pháo đài Christina. Tuy nhiên, chàng chỉ kế thừa một chút phẩm chất kiêu hùng của tổ tiên mình. Tôi đã nhận xét chàng là người tốt bụng, xuềnh xoàng; hơn thế nữa, chàng còn là láng giềng tử tế và là một ông chồng ngoan ngoãn, bị vợ bắt nạt. Thực ra, đối với cái vẻ thứ hai này, con người ta hẳn phải vay mượn một khí chất nhu mì mà sẽ mang lại cho hẳn tiếng tăm lừng lẫy; bởi vì những con người ấy thích hợp nhất với việc quỳ lụy và dàn hòa hết mực; trong nhà, họ tuân theo kỷ luật của những bà vợ nóng tính. Chẳng nghi ngờ gì về tính tình của họ: luôn nhường bộ và dễ uốn nắn trong lò luyện hung tợn, đầy ải quá đỗi của gia đình; và một bài lên lớp bất kì thì có giá trị bằng lời giảng của tất cả các cha cố trên thế gian này khi đề cập đến đức tính kiên nhẫn và sự bền bỉ chịu đựng. Vì lẽ đó, từ một khía cạnh nào đấy, một bà vợ ngoa ngoắt được xem như là người ban ân sủng khá khá; và nếu như thế thì Rip Van Winkle đã được ban phước ba lần.

Điều chắc chắn là trong lòng của tất cả các bà vợ hiền trong làng, chàng là người được yêu thích nhất; đám phụ nữ ấy, thông thường với mục đích tốt, đã đưa chàng tham dự vào tất cả những cuộc cãi vã ầm ĩ trong gia đình; và bất cứ lúc nào đề cập đến những vấn đề này trong các cuộc ngồi lê đôi mách buổi tối thì họ chẳng bao giờ thất bại khi đổ hết tội lỗi lên Dame Van Winkle. Bọn trẻ trong làng cũng hò reo vui vẻ bất cứ khi nào chàng đến gần. Chàng chơi thể thao với chúng, làm cho chúng nhiều đồ chơi, dạy chúng thả diều, bắn bi, kể cho chúng nghe những câu chuyện dài về ma quái, phù thủy và người da đỏ. Bất cứ lúc nào chàng lang thang trong làng thì cũng bị một nhóm trẻ bao vây níu quần, nhảy lên lưng và nghịch ngợm đủ trò với chàng mà không bị khiển trách; ngay cả chó trong làng cũng không có con nào sủa chàng.

Lỗi lớn nhất trong thể trạng Rip là sự ác cảm cùng tận với tất cả các công việc lao động bổ ích. Điều này không can hệ gì đến bản tính siêng năng hay tính kiên nhẫn; bởi chàng có thể ngồi trên phiến đá ướt, cầm cái cần câu dài

và nặng như mũi lao của người Tac-ta, câu cá suốt ngày mà không hề cầu nhàu nửa lời dẫu cho chẳng có lấy một chú cá rĩa mồi, kích thích sự kiên nhẫn của chàng. Chàng có thể mang khẩu súng săn trên vai suốt nhiều giờ đi xuyên qua rừng, đầm lầy, leo lên đồi và xuống thung lũng để bắn vài con sóc hay mấy con bồ câu hoang. Chàng sẽ không bao giờ từ chối giúp đỡ hàng xóm trong bất kỳ công việc nặng nhọc nào và là người đầu têu trong vùng với trò đùa bóc vỏ ngô của người da đỏ hay là xây hàng rào đá; phụ nữ trong làng cũng thường mượn chàng chạy việc vặt cho họ và làm những công việc kì quặc tỉ mỉ khi những ông chồng kém trách nhiệm không chịu làm cho họ. Tóm lại, Rip sẵn lòng làm việc của bất kì ai, ngoại trừ việc của mình, thay vì phải làm tròn bốn phận với gia đình, giữ cửa nhà ngăn nắp thì chàng lại thấy điều ấy không thể nào thực hiện được.

Sự thực là chàng đã tuyên bố có làm việc ở nông trại của mình thì cũng chẳng ích lợi gì; bởi đấy là mảnh đất bé nhỏ thảm hại nhất miền ấy; mọi thứ ở đó đều tồi tệ, vậy thì cứ tệ hại đi, đừng có níu kéo gì chàng nữa. Hàng rào của chàng vẫn tiếp tục sụp nát; con bò của chàng hoặc đã bị lạc đường hoặc đã sà vào vườn bắp cải nào đó; trên cánh đồng của chàng, chắc chắn cỏ mọc nhanh hơn bất cứ cánh đồng nào khác; mưa luôn gây nên nạn lụt lội và khi ấy chàng có việc phải làm ngoài đồng; nhưng chàng để mặc và rồi chỗ đất thu lợi ấy dần bị thu hẹp dưới sự quản lý của chàng, từng hecta một ra đi cho đến khi cánh đồng chỉ còn lại vạt đất đủ để trồng mấy luống ngô da đỏ và khoai tây; nhưng chưa hết, so với quanh vùng đấy còn là vạt đất cằn cỗi nhất.

Con cái chàng cũng thế, chúng lôi thôi lếch thếch như những kẻ cầu bất cầu bơ. Con trai Rip, một thằng nhóc nghịch ngợm sống theo sở thích của riêng nó, vận những bộ đồ cũ của cha nó, cho thấy sự hứa hẹn kế thừa tính cách của cha. Người ta thấy nó như một chú ngựa non luôn quẩn quanh bên gót mẹ, được trang bị chiếc quần dài rộng thùng thình phế thải của cha, nó gặp nhiều phiền toái khi phải một tay giữ quần như cách quý nương xinh đẹp giữ tà áo dài lê thê của mình trong mùa gió chướng.

Rip Van Winkle dĩ nhiên là một trong số những người hạnh phúc ấy, những người lười suy nghĩ, biếng nhác ấy mà, những kẻ chấp nhận cuộc sống dễ dãi, có thể ăn bánh mì trắng hoặc bánh mì nâu, bất kể thứ gì miễn là ít phải suy nghĩ hoặc ít gặp sự rắc rối, và hãnh thà chết đói với một xu hơn là phải đi làm để có một quan. Nếu để mặc kệ chàng thì chàng hẳn sẽ mãn nguyện để cuộc sống trôi đi trong sự hoàn hảo ấy; nhưng bà vợ vẫn không ngừng làm đình tai nhức óc chàng nào là sự lười biếng, bất cần; nào là những tổn hại chàng đang mang về cho gia đình. Sáng, trưa và tối miệng lưỡi cô ta cứ ra rả, còn mọi thứ chàng nói hay làm thì chắc chắn sẽ gây nên dòng thác hùng biện cũ rích. Rip chỉ có một cách duy nhất để đáp lại tất cả những bài học kiểu ấy nhưng do sử dụng thường xuyên nên đâm ra thành thói quen. Chàng nhún vai, lắc đầu, mở to mắt nhưng không nói gì. Việc này, dĩ nhiên, luôn khơi dậy một tràng thao thao bất tuyệt mới mẻ của bà vợ đến nỗi chàng vui vẻ từ bỏ quyền lực, nhận chỗ đứng bên rìa gia đình, tức bên phía, thực ra là để dành cho các anh chồng sợ vợ.

Môn đồ trong nhà duy nhất của Rip là con chó Wolf, kẻ sợ bà chủ hết như ông chủ nó; vì Dame Van Winkle xem họ như một đôi lười biếng và thậm chí còn nhìn Wolf với con mắt căm thù vì nghĩ nó là nguyên nhân làm ông chủ luôn lạc đường. Thực ra, trong số tất cả những đặc tính để trở thành con chó đáng kính, nó là con chó can đảm khi đi săn trong rừng - nhưng lòng can đảm ấy liệu có thể chịu đựng nổi với sự bạo tàn của giọng lưỡi dai dẳng, luôn rình rập của người đàn bà kia không? Ngay khi Wolf bước vào nhà, lông bờm nó rũ xuống, đuôi buông sát đất hay cuộn lại giữa hai chân, nó ngửi ngửi với điệu bộ của một kẻ sắp bị đưa đi treo cổ, mắt liên tục liếc nhìn Dame Van Winkle để chờ xem nếu thấy cái vá hoặc cán chổi vung lên thì vội ăng ăng phi ngay ra cửa.

Theo thời gian, Rip Van Winkle càng ngày càng khốn đốn hơn trong cuộc sống gia đình; tính gắt gỏng chẳng hề nguôi đi với tuổi tác, còn giọng lưỡi sắc sảo thì lại là thứ công cụ ngày một sắc hơn khi được sử dụng thường xuyên. Trong suốt những tháng năm đằng đẵng, chàng thường tự an ủi mình khi rời khỏi nhà, và năng lui tới câu lạc bộ thường trực những nhà

thông thái, triết gia và những yếu nhân ăn không ngồi rồi khác của làng thường xuyên nhóm họp trên chiếc ghế dài phía trước quán rượu nhỏ dưới sự giám sát của bức chân dung hồng hào của vua George Đệ tam. Ở đó, họ luôn ngồi trong bóng mát, lười biếng suốt cả ngày hè dài ngoẵng, bàn bạc không ngớt những vụ ngồi lê đôi mách trong làng hoặc kể những câu chuyện buồn ngủ bất tận chẳng có nội dung gì cả. Nhưng sẽ hẳn là đáng giá đồng tiền của vị lãnh tụ đáng kính nếu ngài được nghe những lời tranh luận uyên bác mà thỉnh thoảng được diễn ra sau khi tình cờ một tờ báo cũ của một vị du khách nào đó đi qua lọt vào tay họ. Thật trang nghiêm làm sao là cái cảnh họ lắng nghe nội dung được đọc bởi ông giáo làng Derrick Van Bummel, một bậc thức giả nhỏ thó, nhanh nhẹn, chẳng bao giờ run sợ trước những từ ngữ khổng lồ nhất trong từ điển; và thật thông thái làm sao khi họ suy xét kỹ lưỡng những sự kiện phổ biến được phát hành cách đây vài tháng.

Ý kiến của nhóm bí mật này được điều khiển hoàn toàn bởi Nicholas Vedder, một lão trưởng của làng và là chủ quán rượu nơi ông ta ngồi bên cạnh cửa ra vào từ sáng sớm đến tối mịt, chỉ di chuyển vừa đủ để tránh ánh mặt trời và ở trong bóng của cái cây to; qua đó, lảng giềng có thể biết được giờ giấc dựa vào sự di chuyển chính xác như cái đồng hồ mặt trời của ông. Thật ra, ông ta khó có thể nghe được gì để phát biểu ngoài việc liên tục rít tẩu. Những môn đồ của ông, dĩ nhiên (vì bất cứ con người vĩ đại nào cũng đều có môn đồ) hoàn toàn hiểu ông và biết cách tập hợp ý kiến của ông lại. Mỗi khi những chuyện được đọc hay kể làm ông phật ý thì ông cố tình rít tẩu dữ dội, nhả những ngum khói ngắn, liên tiếp, giận dữ; nhưng những lúc hài lòng thì ông sẽ nhả khói từ từ, yên tĩnh và nén nó thành những đám mây nhẹ, thanh thản; đôi lúc ông còn rút tẩu khỏi miệng, để khói tản ra, cuộn lên mũi rồi trịnh trọng gật đầu ra hiệu đồng ý hoàn toàn.

Dẫu được bảo vệ bởi thành trì này nhưng rốt cuộc Rip cũng bị đánh bại bởi bà vợ tác-ta của mình bất thành linh phá tan bầu không khí tĩnh lặng của nhóm và gọi tất cả các thành viên là lũ ăn hại, kể cả yếu nhân đáng kính Nicholas Vedder, bản thân ông ta cũng kinh hãi miệng lười ngoa ngoắt của

con sư tử cái hung tợn ấy, người đã thắng thường buộc ông ta tội khuyến khích chồng bà rơi vào con đường lừa dối.

Rốt cuộc, Rip đáng thương gần như bị đẩy vào thế tuyệt vọng; lựa chọn duy nhất của chàng, để không phải làm lụng trên đồng và không phải nghe những lời la lối của bà vợ là xách súng chuồn vào rừng. Đến đó, thỉnh thoảng chàng ngồi một mình dưới gốc cây và chia sẻ nỗi lòng với Wolf, con chó chàng cảm thông như kẻ chịu cùng cảnh ngộ. “Wolf tội nghiệp”, chàng hẳn nói, “bà chủ đối xử với mày thật chẳng ra gì; nhưng đừng buồn, anh bạn ạ, tao quý mày và chẳng bao giờ muốn kết bạn với ai ngoài mày đâu!” Wolf thì chắc sẽ vẫy đuôi, buồn bã ngược nhìn mặt chủ và nếu chó có thể cảm nhận được sự thương hại thì tôi tin chắc nó sẽ đền đáp lại tình cảm ấy bằng tất cả trái tim.

Mãi lang thang trong ngày thu trong trẻo, vô tình Rip đã leo lên một trong những vùng cao nhất của rừng Kaatskill. Chàng mãi mê theo đuổi việc săn sóc ưa thích của mình; khung cảnh cô độc hiu quạnh cứ vọng đi vọng lại tiếng súng của chàng. Hồn hể kiệt sức trong chiều muộn, chàng ngả người lên gò đất phủ đầy cỏ núi xanh rì nhô lên trên bờ vách đá. Từ khoảng trống giữa rừng cây, chàng có thể nhìn khắp vùng quê bên dưới trù phú trải dài trên nhiều dặm đất rừng. Đàng xa kia, chàng nhìn thấy dòng Hudson uy nghiêm, xa tắp phía dưới chàng, đang lững lờ trôi trong dáng vẻ trầm mặc, mang theo hình đám mây tía, hay cánh buồm của con thuyền lững thững như đang gà gât giữa dòng gương và cuối cùng biến mất sau dải đất cao xanh thẳm.

Phía bên kia, chàng nhìn xuống thung lũng núi sâu, rộng, đơn lẻ, hiu quạnh, đầy lổn nhổn những đá bong ra từ bờ vách được phủ luồng ánh sáng mờ mờ bởi những tia hồi quang của mặt trời sắp lặn. Rip nằm tư lự trước cảnh ấy một hồi lâu; bóng tối đang từ từ tràn đến; rừng núi bắt đầu hắt những cái bóng xanh, dài ngoẵng lên thung lũng; Rip nhận ra trời sẽ tối rất lâu trước khi chàng có thể về được đến làng, chàng buông một tiếng thở ả o não khi nghĩ đến việc chạm trán với cơn lôi đình của Dame Van Winkle.

Ngay lúc sắp sửa leo xuống, chàng nghe tiếng gọi từ xa vọng lại, “Rip Van Winkle! Rip Van Winkle!” Chàng nhìn quanh nhưng chẳng thấy gì ngoài con quạ lẻ loi đang vỗ cánh bay qua ngọn núi. Chàng nghĩ chắc tại trí tưởng tượng lừa mình và quay người chuẩn bị đi xuống thì chàng lại nghe vẫn những tiếng ấy vang trong trời chiều yên tĩnh: “Rip Van Winkle! Rip Van Winkle!” - ngay lúc đó, Wolf dựng đứng lông lên, cất tiếng gừ trầm, nép sát vào người chủ đang sợ hãi nhìn xuống thung lũng. Lúc này Rip cảm thấy cơn sợ mơ hồ đang lan tỏa khắp người; chàng lo lắng nhìn kỹ hướng ấy và phát hiện ra một bóng người kỳ lạ đang ì ạch di chuyển trên những tảng đá, lưng oằn xuống bởi sức nặng của thứ hằn ta đeo phía sau. Chàng kinh ngạc khi thấy có người xuất hiện tại nơi xa xôi hẻo lánh này, nhưng rồi chàng sức nghĩ đấy có thể là một trong những người hàng xóm đang cần sự giúp đỡ của chàng, chàng vội xuống giúp.

Khi đến gần hơn, chàng lại thêm phần ngạc nhiên bởi ngoại diện cổ quái của người lạ mặt. Ông ta đã già, vóc người thấp, tầm thước, đầu tóc rậm bù xù và bộ râu lởm đom đóm bạc. Ông ta ăn mặc theo kiểu Hà Lan cổ - một cái áo chèn bằng vải quần quanh hông - chiếc quần ống túm nhiều lớp, lớp bên ngoài có kích thước rộng, được trang trí hai hàng nút chạy dọc hai bên và những búi tua ở hai đầu gối. Ông ta vác trên vai cái thùng tròn, dường như đầy ắp rượu và ra hiệu cho Rip đến giúp ông ta mang chiếc thùng. Mặc dù hơi xấu hổ và chẳng mấy tin tưởng người bạn mới này nhưng Rip vẫn vâng lời với sự sốt sắng thường nhật của mình; rồi cùng giúp đỡ nhau, họ leo lên cái khe hẹp, rõ ràng là một đáy suối núi đã khô cạn. Khi leo lên, thỉnh thoảng Rip nghe những tràng âm thanh kéo dài, tựa tiếng sấm xa, dường như đang dội từ bên ngoài khe núi sâu hay ở một khe khác, giữa những tảng đá cao chót vót mà họ đang ì ạch mở lối leo tới. Chàng dừng lại một lát nhưng rồi nghĩ đấy chắc là tiếng ì ầm của một trong những cơn mưa rào có sấm thoáng qua thường xảy ra ở vùng núi cao ngất này, chàng lại đi tiếp. Vượt qua khe núi, họ đến một thung lũng nhỏ nom tựa cái sân khấu lộ thiên được bao quanh bởi những vách đá dựng đứng, bên trên bờ đá, những thân cây già nua đan cành nên bạn chỉ có thể nhìn thấy những mảng trời xanh và

áng mây chiều rực sáng lấp ló qua đám lá cành. Suốt thời gian lao động, Rip và bạn chàng chẳng nói năng gì; và dầu cho ông lão gây nên sự nghi ngờ về mục đích của việc khên thùng rượu lên ngọn núi hoang dã này thì vẫn còn nhiều điều kỳ lạ, khó hiểu về sự bí ẩn mà đã gây nên nỗi lo sợ và sự dè dặt trong tiếp xúc.

Lên đến cái sân khấu lộ thiên kia, họ lại gặp nhiều điều kỳ lạ nữa. Trên khoảng đất bằng ngay chính giữa là một nhóm người hình dung cổ quái đang chơi ky chín con. Họ ăn vận theo một ngoại quốc cổ lỗ kỳ quặc; vài người vận áo chên ngắn, vài người vận áo chên da, đeo những con dao dài ở thắt lưng, đa số mặc quần túm ống rộng thùng thình hết như kiểu của người dẫn đường. Khuôn mặt họ cũng kỳ lạ; một người mặt lớn, để râu có đôi mắt quàu quạu ti hí; mặt của người nữa dường như chỉ độc có mỗi cái mũi, và được tôn cao bằng cái mũi như bánh đường trắng trên chóp có cắm chiếc lông đuôi gà nhỏ màu đỏ. Tất cả đều để râu, đủ mọi hình dạng và màu sắc. Có một người dường như là thủ lĩnh. Ông ta đã già, quắc thước, lịch sự với gương mặt dãi dầu nắng gió; ông mặc chiếc áo chên buộc dây, thắt lưng to và gườm, vương miện cao có ngù, tất đỏ, giày cao gót trang trí bằng hoa hồng. Toàn nhóm gọi Rip nhớ lại những nhân vật trong bức tranh Flemish cũ trong phòng khách của Dominie Van Shaick, mục sư của làng, bức tranh được đưa từ Hà Lan đến vào lúc định cư.

Điều dường như cực kỳ kỳ quặc đối với Rip là mặc dù những dị nhân này rõ ràng thực sự vui vẻ nhưng nét mặt của họ vẫn ảm đạm, sự im lặng cực kỳ bí ẩn cùng với sự hài lòng sâu muộn là những chuyện đến giờ chàng mới được chứng kiến. Chẳng tiếng gì khuấy động bầu không khí yên tĩnh của cuộc chơi ngoại trừ âm thanh của mấy hòn bi khi chúng lăn dội vào núi tựa chuỗi tiếng sấm ầm ầm.

Khi Rip và bạn chàng đến, họ đột nhiên ngừng chơi, nhìn như dán mắt vào chàng với những nét mặt đờ đẫn, mông muội, quái dị đến nỗi tim chàng như muốn nhảy tung ra khỏi lồng ngực, còn đầu gối chàng thì cứ gõ vào nhau. Bây giờ bạn chàng trút hết rượu trong thùng vào cái hũ lớn rồi ra hiệu cho chàng hầu rượu mấy người kia. Chàng tuân lệnh với nỗi sợ hãi và run

rầy; họ uống cạn rượu trong sự im lặng tuyệt đối rồi quay lại với trò chơi của mình.

Dần dần nổi kinh hoàng, khiếp đảm của Rip giảm xuống. Thậm chí khi không còn ai nhìn mình, chàng mạo hiểm nếm rượu và nhận thấy đây là hương vị của loại rượu Hà Lan tuyệt hảo. Chàng là con ma men từ bản chất nên chẳng mấy chốc hũ rượu lại quyến rũ chàng uống nữa. Ngụm này tiếp nối ngụm kia và chàng cứ lặp đi lặp lại những lần viếng thăm đến hũ rượu nhiều đến nỗi rốt cuộc ngũ giác chàng bải hoải, mắt chàng bơi trong dầu, đầu chàng từ từ gục xuống và chàng chìm vào giấc ngủ say.

Thức giấc, chàng thấy mình nằm trên gò đất xanh nơi lần đầu tiên chàng nom thấy ông già dưới thung lũng hẹp. Chàng dụi mắt - đã là buổi sáng rực rỡ ánh nắng. Chim chóc đang nháy nhót và hót líu lo trong bụi rậm, một con đại bàng bay lượn trên cao, ưỡn ngực đón làn gió núi tinh khiết. “Chắc chắn”, Rip nghĩ, “là mình đã không ngủ ở đây suốt đêm”. Chàng nhớ lại các sự kiện trước khi chìm vào giấc ngủ. Người đàn ông kỳ lạ với thùng rượu - cái hẻm núi - nơi ẩn dật hoang dã giữa núi rừng - nhóm người buồn rầu chơi ky chín con - cái hũ rượu! - “Ồ! Cái hũ rượu! Cái hũ rượu độc ác ấy!” Rip nghĩ - “Mình biết ăn nói làm sao với Dame Van Winkle đây!”

Chàng nhìn quanh tìm khẩu súng, nhưng tại nơi đặt khẩu súng được bôi dầu cẩn thận, sạch sẽ, chàng chỉ thấy mỗi phần thân súng còn lại, nòng súng bị gỉ bám, khóa nòng tuột ra, báng súng thì bị mối gặm. Bây giờ chàng nghi ngờ rằng đám ma núi đã lừa chàng, phục rượu rồi cướp khẩu súng. Wolf cũng biến mất, nhưng chắc nó đang chạy đâu đó đuổi theo sóc hay chú gà gô nào đó. Chàng huýt sáo rồi gọi lớn tên nó, nhưng chỉ hoài sức; chỉ có tiếng huýt sáo và tiếng gọi của chàng vọng lại còn con chó thì bật vô âm tín.

Chàng quyết định quay lại nơi mọi người chơi đùa chiều hôm trước và nếu gặp bất kỳ ai trong số đó thì chàng sẽ đòi lại con chó và khẩu súng. Khi đứng dậy đi, chàng thấy các khớp xương của mình tê cứng, không giống mọi ngày. “Ngủ trên núi này không hợp với mình rồi,” Rip nghĩ, “và nếu sự vui đùa này gây cho mình bệnh thấp khớp thì mình sẽ trở thành kẻ đáng

nguyên rủa với Dame Van Winkle rồi đây”. Cố đi tập tễnh, chàng lần xuống thung lũng hẹp; chàng tìm thấy cái khe mà chàng cùng với bạn đi chiều hôm trước; nhưng chàng chợt sửng sốt vì bây giờ một dòng suối núi đang chảy xuống, tràn từ phiến đá này sang phiến đá khác, ngập cả thung lũng hẹp với những tiếng bong bóng vỡ xì xào. Dĩ nhiên, chàng chuyển hướng lao lên bờ suối, vất vả mở lối đi xuyên qua rừng bu-bô, de vàng, phủ hoa vàng dày đặc và thỉnh thoảng bị vướng hay vấp ngã bởi những cụm dây leo đại xoắn thành vòng hay kết chùm từ cây này sang cây kia rồi giăng ra như một tấm lưới trên lối chàng đi.

Cuối cùng, chàng cũng đến nơi cái khe cắt qua vách đá đến chỗ sâu khẩu lộ thiên; nhưng ở đó chẳng còn lại dấu vết gì. Đá kết thành bức tường cao không thể vượt qua được, từ trên đỉnh, một dòng suối sủi bọt mướt mà đổ thẳng xuống cái vực sâu rộng đen ngòm bởi bóng của khu rừng bao quanh. Đến đây, Rip đáng thương đành phải dừng lại. Chàng cất tiếng và huýt sáo gọi con chó; nhưng đáp lại lời chàng chỉ có những tiếng quạ quạ của bầy quạ lười biếng đang đậu trên cái cây khô vươn mình chơi vơi trong không trung từ vách đá ngập nắng; an toàn từ trên cao ấy, chúng như thể nhìn xuống, buông lời chế giễu bộ dạng bối rối của người đàn ông tội nghiệp. Biết làm gì được bây giờ? Buổi sáng đang dần qua, Rip cảm thấy đói và muốn ăn sáng. Chàng bùi ngùi chịu mất con chó và khẩu súng; chàng sợ gặp vợ; nhưng chẳng lẽ lại chịu chết đói giữa rừng núi này? Chàng lắc đầu, khoác khẩu súng gi trên vai cùng với con tim đầy ắp suy tư và âu lo, chàng quay bước về nhà.

Khi về đến làng, chàng gặp nhiều người nhưng chẳng biết một ai cả, điều này làm chàng ngạc nhiên bởi chàng nghĩ mình đã quen mặt hết mọi người trong làng. Quần áo họ cũng khác với kiểu chàng đã từng quen thuộc. Mọi người trở mắt nhìn chàng và cũng biểu lộ sự kinh ngạc giống hệt như thái độ của chàng và bất cứ lúc nào nhìn chàng, họ cũng đều đưa tay lên vuốt cằm của mình. Điều bộ ấy cứ thường xuyên lặp lại, đã khiến Rip cũng máy móc làm tương tự rồi bỗng sửng sốt khi thấy râu mình dài gần ba tấc.

Bây giờ chàng đã vào làng. Một nhóm trẻ lạ mặt bám gót chàng, hò hét và chỉ trỏ bộ râu bạc. Lũ chó cũng vậy, chàng nhận thấy chẳng có con nào quen cả và chúng cứ sủa ầm ĩ khi chàng đi qua. Ngôi làng cũng đã thay đổi, rộng hơn và đông đúc hơn. Có những dãy nhà mà chàng chưa từng thấy trước đó, còn những ngôi nhà, đã từng quen thuộc với chàng thì biến mất. Những cái tên lạ dính trên cửa - những khuôn mặt lạ ở cửa sổ - mọi thứ đều lạ lẫm. Lúc này chàng hoài nghi trí óc mình; chàng bắt đầu nghi ngờ cả chàng lẫn thế giới quanh chàng cũng đều bị phù phép cả chẳng. Rõ ràng đây chính là làng của chàng, ngôi làng mà chàng đã đi khỏi mới chỉ một ngày trước đây. Rặng Kaatskill vẫn đứng đó, dòng Hudson ánh bạc vẫn chảy phía xa kia - mỗi ngọn đồi và thung lũng vẫn luôn nguyên vẹn ở đó. Rip thực sự bối rối - “Tại cái hũ rượu tối qua,” chàng nghĩ, “đã làm cái đầu tội nghiệp của ta lú lẩn hết cả rồi!”

Chàng thấy đường về nhà hơi khó đi; chàng bước đến gần trong nỗi sợ hãi câm lặng, nơm nớp nghe phải giọng rin rít của Dame Van Winkle. Chàng thấy ngôi nhà đã tàn tạ - mái nhà đổ xuống, cửa sổ ngả nghiêng, cửa ra vào bong khỏi lề. Một con chó gầy gơ xương nom giống Wolf đang lẩn quanh. Rip gọi tên nhưng chú ta gầm gừ, nhe răng rồi chạy mất. Cảnh đấy thực sự là vết thương lòng - “Con chó cưng của ta”, Rip tội nghiệp thở dài, “Cũng đã quên ta rồi!”

Chàng bước vào ngôi nhà mà Dame Van Winkle luôn giữ gọn gàng ngăn nắp, để nói sự thật. Ngôi nhà trống rỗng, điều hiu và hoàn toàn hoang vắng. Cảnh tiêu điều ấy làm dậy lên tất cả nỗi lo sợ cho gia đình - chàng gọi lớn tên vợ và bọn trẻ - những căn buồng cô đơn vọng tiếng chàng trong phút chốc rồi tất cả rơi vào câm lặng.

Lúc này, lòng chàng như thiêu như đốt, chàng vội đến nơi nghỉ mát xưa, quán rượu làng, nhưng nó cũng biến mất. Một tòa nhà gỗ to lớn ọp ẹp đã ngửa lên chỗ của nó, cửa sổ trống toang hoác, mấy cánh bị gãy và được chèn lại bằng những chiếc mũ và váy lót đàn bà đã cũ; trên cửa ra vào sơn dòng chữ, “Khách sạn Union của Jonathan Doolittle”. Tại nơi cái cây khổng lồ thường tỏa bóng xuống cái quán rượu Hà Lan nhỏ yên tĩnh bây giờ được

thay thế bằng cây cột thẳng đuột, cao ngều với vật gì trên chóp nom giống như chiếc mũ ngủ màu đỏ và một lá cờ đang phất phới bay, trên lá cờ chỉ tập trung rắc những đường kẻ và ngôi sao - cảnh tượng ấy thật kỳ lạ và không thể nào hiểu được. Tuy nhiên, chàng vẫn tìm ra dấu vết cũ, khuôn mặt hồng hào của vua George, bên dưới bức ảnh ấy chàng đã từng khoan khoái tận hưởng những tẩu thuốc yên bình; nhưng thậm chí cả bức ảnh đó cũng bị biến hình. Chiếc áo choàng màu đỏ chuyển sang màu xanh pha vàng sẫm, tay lại cầm thanh gươm thay vì cầm quyền trượng, đầu thì được trang điểm bằng cái mũ hếch lên in dòng chữ lớn TƯỞNG WASHINGTON.

Như thường lệ, có một đám đông những người nhàn hạ bên cửa, nhưng chẳng có ai là người Rip quen. Tính cách của con người dường như cũng thay đổi. Kiểu giọng điệu ưa tranh cãi, vội vã, bận rộn thay thế cho thói quen uể oải và sự tĩnh lặng ngái ngủ. Chàng vô vọng tìm kiếm nhà thông thái Nicholas Vedder có khuôn mặt rộng, cằm đôi, tẩu thuốc dài đẹp, toàn dùng khói thuốc thay vì cử diễn thuyết dông dài; hay Van Bummel, ông giáo làng, luôn rõ lệ trước những bài báo cũ. Ở nơi đó, một gã trông bản tính, gầy nhom, túi đầy ắp truyền đơn đang hô hào âm ỉ về quyền công dân - bầu cử - thành viên Quốc hội - tự do - Bunker's Hill - anh hùng bảy sáu - và những từ ngữ khác thực sự là rất khó hiểu đối với anh chàng Van Winkle đang hoang mang tột độ.

Ngoại hình Rip, với bộ râu dài lổm đổm bạc, khẩu súng săn gỉ sét và cả đoàn đàn bà con nít bám sau gót chẳng mấy chốc thu hút sự chú ý của các chính khách quán rượu. Họ vây đông nghịt quanh chàng, nhìn chàng từ đầu đến chân với sự tò mò tột bậc. Gã diễn thuyết xáp vào kéo chàng qua một bên và hỏi, “Ngài bầu bên nào?” Rip trở mắt nhìn đầy ngỡ ngàng. Một gã khác lùn tịt, bé nhỏ nhưng tất bật bấu tay chàng, nhón chân, ghé tai hỏi, “Ngài theo phái ủng hộ chính sách thống nhất liên bang hay đảng Dân chủ?” Rip cũng chẳng thể nào hiểu được câu hỏi ấy; ngay khi ấy, một quý ông đã già, nom quan trọng và hiểu biết, đội chiếc mũ vênh cao, chen qua đám đông, dùng cùi tay gạt mọi người sang hai bên để đi đến trước mặt Van

Winkle, một tay chống nạnh, tay kia tỳ lên cây can, đôi mắt sắc sảo và cái mũi nhọn như xuyên thấu tận hồn chàng, truyền lệnh bằng giọng nghiêm khắc, “Chuyện gì đã xui hấn đến bầu cử với khẩu súng trên vai và cả một đám du thủ du thực bám gót, liệu hấn có muốn xúi giục dân làng bạo loạn không?” - “Trời đất ơi! thưa quý ngài”, Rip kêu lên, hơi mất can đảm, “Tôi là một người bình thường, nghèo nàn, sinh trưởng trên mảnh đất này và là thần dân trung thành của hoàng đế, cầu Chúa phù hộ cho Người!”

Đến đây tất cả mọi người đứng xem đồng thanh hét lên - “Đảng Bảo thủ! Đảng Bảo thủ! Đồ gián điệp! Đồ tị nạn! Tổng khử hấn đi! Hãy tránh xa hấn ra!” Thật cực kỳ khó khăn để người ra vẻ quan trọng đội mũ vênh lập lại trật tự, và sau khi cau mày đến mười lần để tôn thêm tầm quan trọng, ông ta lại cất lời hỏi kẻ tình nghi xa lạ rằng chàng đến đây để làm gì và đang tìm kiếm ai? Con người đáng thương kia khúm núm khẳng định với ông ta rằng mình không làm điều gì có hại cả mà chỉ đến nơi này tìm mấy người bạn, những người thường quanh quẩn trong quán rượu.

“À - họ là ai vậy? - thử nói tên đi.”

Rip ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi. “Nicholas Vedder đâu rồi?”

Đám đông lặng im một lát rồi có tiếng một ông lão trả lời bằng giọng khàn đục, “Nicholas Vedder ấy à! Ông ta đã chết cách đây mười tám năm! Có một tấm bia mộ bằng gỗ trong nghĩa địa viết về ông ta, nhưng bây giờ cũng đã mục nát cả rồi.”

“Thế Brom Dutcher đâu?”

“Ồ, ông ta nhập ngũ ngay từ lúc chiến tranh bắt đầu; người ta bảo ông chết trong trận kịch chiến Stony Point^[2] - những người khác thì bảo ông chết đuối trong cơn lốc dưới chân Mũi Anthony^[3]. Tôi không biết - nhưng ông ta chẳng bao giờ trở lại”.

“Còn ông giáo làng, Van Bummel đâu rồi?”

“Ông ta cũng ra trận, đã là một vị tướng của lực lượng dân quân tự vệ lấy lòng, bây giờ đang ở trong Quốc hội.”

Tim Rip chết lặng khi biết những thay đổi buồn bã về gia đình, về bạn bè và thấy mình là người cô độc trên thế gian này. Câu trả lời nào cũng làm chàng hoang mang bởi phải điên đầu với những khoảng cách thời gian rất dài như thế và cả những vấn đề mà chàng không tài nào hiểu được: chiến tranh - quốc hội - Stony Point; - chàng không còn đủ can đảm để hỏi về bất kỳ người bạn nào nữa mà chỉ tuyệt vọng kêu lên, “Thế chẳng còn ai ở đây biết Rip Van Winkle hay sao?”

“Ồ, Rip Van Winkle,” hai ba người cùng thốt lên, “Ồ, biết là cái chắc! Rip Van Winkle kia kìa, đang tựa vào cái cây ấy.”

Rip nhìn và thấy một người giống hệt như mình vào khoảng thời gian đi lên núi; cũng lười biếng quá độ và rách nát như thế. Anh chàng đáng thương bây giờ đã lú lẫn hoàn toàn. Chàng nghi ngờ chính cả bản thân mình và thậm chí hỏi chàng là chàng hay là một ai khác. Trong cơn hoang mang của chàng, người đội mũ vênh lại hỏi chàng là ai và tên chàng là gì?

“Chúa biết”, chàng kêu lên khi quẩn trí; “Ta không phải là ta - ta là người khác - ta ở đằng kia kìa - không - đấy là người khác giả dạng ta - hôm qua ta vẫn là ta, nhưng ta đã ngủ trên núi, họ đối súng ta và mọi thứ đều thay đổi, ta thay đổi, ta không thể biết tên ta hay ta là ai!”

Lúc này, đám người xem bắt đầu nhìn nhau, gật đầu, nháy mắt ra hiệu rồi vỗ vỗ tay lên trán. Cũng có những tiếng thì thào về việc tước khẩu súng để ngăn không cho lão già làm điều ác, ngay khi gợi ý ấy được đưa ra, người làm ra vẻ quan trọng đội mũ vênh vội chuồn mất. Vào lúc căng thẳng ấy, một người đàn bà rẽ lối qua đám đông đến nhìn người đàn ông râu bạc. Chị ta ôm một đứa bé mũm mĩm trên tay, đứa bé hoảng sợ trước bộ dạng của ông lão nên bật khóc. “Này, Rip”, chị đe, “này, cún con; ông lão không làm con đau đâu”. Tên đứa bé, điệu bộ của người mẹ, âm sắc của giọng nói, tất cả đánh thức dậy chuỗi hình ảnh trong đầu chàng. “Tên cô là gì, hỡi người phụ nữ tốt bụng của tôi?” chàng hỏi.

“Thưa, Judith Gardenier.”

“Còn tên cha cô?”

“Ôi, con người tội nghiệp, Rip Van Winkle là tên ông ấy, nhưng đây là chuyện hai mươi năm trước, kể từ ngày ông bỏ nhà ra đi với khẩu súng và kể từ đó chẳng có tin tức gì của ông - con chó của ông về nhà một mình, chẳng hiểu ông tự sát hay bị bọn da đỏ bắt cóc, chẳng có ai biết. Lúc ấy tôi hãy còn là một cô bé!”

Rip muốn nhưng vẫn còn một câu hỏi nữa; và chàng hỏi bằng giọng ngập ngừng:

“Thế mẹ của cô đâu?”

“Ồ, bà ấy cũng đã mất không lâu sau đó; bà bị đứt mạch máu khi nổi giận với một kẻ bán hàng rong người New England.”

Cuối cùng thì sự thoải mái cũng đến sau khi nghe tin này. Con người trung thực ấy không thể giấu mình thêm nữa. Chàng ôm chầm lấy con gái và cháu trong vòng tay. “Ta là cha của con đây!” Chàng thốt lên - “Dạo ấy là chàng Rip Van Winkle - còn bây giờ là lão Rip Van Winkle! - không có ai biết Rip Van Winkle khốn khổ này ư?”

Tất cả đứng sững sờ cho đến khi một bà lão lão đạo bước ra khỏi đám đông, đưa tay che mắt, nhìn mặt chàng một lúc rồi thốt lên, “Đúng thật rồi! người này là Rip Van Winkle - đúng là ông ta rồi! Chúc mừng ông đã trở về; ông lảng giềng cũ ạ - Tại sao, ông đã ở đâu trong suốt hai mươi năm trời nay?”

Chẳng mấy chốc, câu chuyện của Rip đã được kể ra, với chàng hai mươi năm chỉ là một đêm. Những người hàng xóm nhìn chăm chăm khi nghe chuyện đó; người ta thấy họ còn nháy mắt với nhau, thè lưỡi dài ra; còn người có bộ dạng quan trọng đội mũ vênh khi thấy sự nguy hiểm đã qua đi vội quay lại, chìa môi, lắc đầu - và thế là cả đám đông cũng lắc đầu theo kiểu ấy.

Tuy nhiên mọi người quyết định cần hỏi ý kiến của ông lão Peter Vanderdonk, người đang trên đường từ từ bước đến. Lão là hậu duệ của nhà sử học cùng tên, người đã viết một trong những bài sử sớm nhất về tỉnh nhà. Peter là người già nhất làng và đã làm những bài thơ rất hay về tất cả

các sự kiện và truyền thống tuyệt vời của tình làng nghĩa xóm. Lão nhận ra ngay Rip rồi với dáng vẻ cực kỳ thỏa mãn lão tăng thêm tính thuyết phục cho câu chuyện của mình. Lão khẳng định với mọi người chuyện ấy có thật và được lưu truyền từ thời tổ tiên của nhà sử học rằng rặng Kaatskill là nơi thường xuyên lui tới của những người kỳ lạ. Rằng điều đó đã được xác nhận, rằng Hendrick Hudson vĩ đại, người đầu tiên khám phá dòng sông và vùng đất, cứ hai mươi năm một lần cùng thủy thủ đoàn trên tàu Half-Moon của ngài đều đặn xuất hiện để theo dõi bằng cách ấy để được phép viếng thăm trở lại vùng đất từng chứng kiến những việc làm táo bạo của ngài và hướng cái nhìn bảo hộ lên dòng sông và thành phố sầm uất mang tên ngài. Rằng cha lão đã từng trông thấy họ vận đồ theo kiểu Hà Lan cổ đang chơi ky chín hòn trên thung lũng lòng chảo của vùng núi; và rằng vào một chiều hè, bản thân lão cũng đã nghe tiếng mấy hòn bi của họ, tựa chuỗi sấm rền xa xa.

Để ngắt câu chuyện lê thê này lại, đám người tản ra, quay lại với những vấn đề quan trọng hơn của cuộc bầu cử. Con gái Rip đưa Rip về sống với cô; cô có một ngôi nhà ấm cúng, đồ đạc xinh xắn và anh chồng nông dân vạm vỡ, vui vẻ. Rip nhận ra đây là một trong những cậu bé lém lỉnh, trước đây thường cười trên lưng chàng. Về cậu con và là người thừa kế của Rip, người giống hệt chàng mà lúc này tựa vào thân cây, cậu được mượn làm việc trong nông trại nhưng lại tỏ ra có khuynh hướng di truyền là ưa thích những chuyện lông bông khác ngoài trừ công việc của mình.

Bây giờ Rip lại tiếp tục những cuộc đi dạo và thói quen cũ; chẳng mấy chốc chàng đã tìm được rất nhiều bạn nối khố nhưng tất cả đã suy sụp theo độ bào mòn của thời gian, vậy nên chàng thích kết bạn với thế hệ trẻ, với họ chàng nhanh chóng tìm được niềm vui.

Chẳng phải làm việc nhà, đã đến cái tuổi hạnh phúc khi con người có thể ăn không ngồi rồi mà không bị trách phạt, một lần nữa chàng lại giữ một chỗ trên chiếc ghế dài bên cạnh cửa quán rượu, được kính trọng như một trong những lão trượng của làng, như một cuốn biên niên của thời xưa cũ “trước chiến tranh”. Phải mất một khoảng thời gian dài chàng mới có thể

tham dự vào những cuộc chuyện phiếm, hay có thể hiểu những sự kiện kỳ lạ đã diễn ra trong lúc chàng ngủ vùi. Biết rằng đã có một cuộc chiến tranh cách mạng - rằng xứ sở đã lật đổ ách thống trị của nước Anh già cỗi - và biết thay vì là thần dân của vua George Đệ Tam, bây giờ chàng là công dân tự do của Hợp chủng quốc. Thật ra, Rip chẳng phải là chính khách; sự thay đổi quốc gia và hoàng đế chẳng gây xúc động nhiều ở chàng; nhưng có một kiểu chuyên quyền mà chàng đã từng rên xiết vì nó, đó là - sự thống trị của đàn bà. Hạnh phúc làm sao khi ách áp bức đó đã cáo chung; chàng đã rũ bỏ được cái ách của cuộc sống vợ chồng khỏi cổ và có thể tự do đi đến bất cứ nơi nào chàng thích, chẳng hề sợ hãi bà bạo chúa Dame Van Winkle. Tuy nhiên, bất cứ khi nào tên bà được nhắc đến thì Rip cũng lắc đầu, nhún vai và mở to mắt như thể muốn diễn đạt hoặc là sự cam chịu số phận hoặc là sự vui vẻ trước việc được giải thoát của mình.

Chàng luôn kể câu chuyện của mình cho bất kỳ người lạ nào đến khách sạn Doolittle. Thoạt tiên mỗi lần kể chàng có thêm bớt đôi chút, điều này dĩ nhiên là tại chàng mới tỉnh mộng. Nhưng về sau, câu chuyện diễn ra trình tự như tôi đã kể và không đàn ông, đàn bà và trẻ con nào trong làng lại không thuộc lòng câu chuyện. Đôi người thường giả vờ nghi ngờ sự có thực của nó và quả quyết rằng Rip bị điên; đây là vấn đề chàng luôn tranh đấu đến cùng. Nhưng nhìn chung, hầu hết những người Hà Lan già đều tin câu chuyện là hoàn toàn có thật. Thậm chí ngày nay dẫu không hề nghe lấy một tiếng sấm nào trong chiều hè ở Kaatskill nhưng họ vẫn bảo Hendrick Hudson và người của ngài đang chơi ky chín hòn; và ước muốn chung của những anh chồng sợ vợ trong vùng một khi phải chịu quá đỗi áp bức thì hẳn họ sẽ ao ước được lặng lẽ uống cạn cả hũ rượu của Rip Van Winkle.

TẤM KHĂN

Cynthia Ozick (Mỹ, 1928-?)

Stella, lạnh, lạnh, cái lạnh của âm phủ. Cái cách họ cùng nhau cuốc bộ trên đường, Rosa bế Magda đang cuộn người giữa đôi bầu vú đau nhức, tấm khăn quấn quanh người Magda. Thịnh thoảng Stella bế Magda. Nhưng cô lại ganh với Magda. Một cô gái gầy gò mười bốn tuổi, quá bé nhỏ, với bộ ngực quá nhỏ, Stella muốn mình được quấn trong khăn, được che chở, ngủ khi theo nhịp đung đưa của bước chân, như một đứa bé, một hài nhi bé bỏng được bế trên tay. Magda ngậm vú Rosa, còn Rosa thì vẫn mãi bước, ru nó theo nhịp chân. Sữa không đủ; đôi lúc Magda bú không khí; khi ấy nó khóc thét. Stella đói là người. Đầu gối cô như thể mấy khối u mọc trên cây sậy, khuỷu tay cô xác xơ như xương gà.

Rosa không thấy đói; cô cảm thấy người bị hẫng, không phải đang đi mà như người sắp ngã, rơi vào trạng thái hôn mê, bênh bồng như thể một thiên thần đang bay lượn, tỉnh táo ngắm nhìn vạn vật, nhưng ở trên trời chứ không phải ở đây, không chạm xuống đường. Như thể đang loạng choạng trên đầu ngón chân. Cô nhìn khuôn mặt Magda qua khoảng hở của chiếc khăn: một chú sóc nhỏ nấp trong tổ, bình yên, không ai có thể chạm được nó trong ngôi nhà bé nhỏ bằng những vòng khăn quấn. Khuôn mặt, rất tròn như được phản chiếu trong gương: nhưng nước da ấy không có màu hơi sẫm của Rosa mà lại đen đui như màu bệnh tả, khuôn mặt ấy cũng chẳng giống, đôi mắt xanh màu trời, lớp lông tơ mịn màng có màu vàng gần giống như màu của những ngôi sao thêu trên áo Rosa. Bạn có thể nghĩ con bé là con của họ.

Rosa đang bênh bồng trong giấc mơ trao Magda cho người khác tại một trong những làng đã đi qua. Cô có thể rời khỏi hàng một phút để dúm Magda vào tay một phụ nữ nào đó bên đường. Nhưng nếu cô rời bỏ hàng, chúng sẽ bắn. Và cho dầu cô có thể trốn khỏi hàng độ nửa giây và đặt bó khăn ấy vào tay một người lạ mặt thì liệu bà ta có dám nhận không? Chắc bà ta sẽ kinh ngạc, sợ hãi rồi để rơi tấm khăn, Magda sẽ rơi xuống đập đầu mà chết. Cái đầu tròn bé bỏng. Đứa bé dễ thương đến thế, nó ngừng khóc, bây giờ đã ngậm chặt bầu vú chỉ để cảm nhận được vị khô khốc. Hai hàm lợi xinh xắn giữ chặt. Một cái răng vừa nhú lên, trắng muốt, một tấm bia mộ bằng đá trắng lấp lánh. Không hề kêu khóc, Magda từ bỏ cả hai vú Rosa, thoát tiên là vú trái, sau đó là vú phải; cả hai cần khô, không còn tí mùi sữa. Tuyến sữa đã tắc, một cái núi lửa chết, con mắt mù, cái hồ lạnh lẽo, vậy nên thay vì vú, Magda nhả một góc khăn và bú sữa từ đó. Nó mút, mút mãi, làm ướt những sợi khăn. Tấm khăn có vị hấp dẫn, mùi sữa của vải lạnh.

Đây là tấm khăn thần, nó có thể nuôi dưỡng đứa bé suốt ba ngày đêm. Magda không chết, nó vẫn sống, mặc dù thoi thóp. Một thứ mùi đặc biệt, mùi quế pha lẫn mùi hạnh, từ miệng nó tỏa ra. Nó cứ mở mắt thao láo, quên mất động tác nhắm hay chớp mắt; Rosa và đôi lúc cả Stella theo dõi màu xanh của đôi mắt. Dọc đường, họ cứ lê những bước chân nặng nề và ngó nghiêng khuôn mặt Magda. “Đức thuần chúng,” Stella khẽ nói nhẹ như hơi gió; và Rosa bỗng hiểu tại sao Stella lại nhìn Magda như thể một kẻ ăn thịt đồng loại bé nhỏ. Rồi lúc Stella nói “Đức thuần chúng,” thì đối với Rosa, giọng điệu ấy nghe như thể hàm ý “ta hãy nuốt sống nó đi”.

Nhưng Magda vẫn sống để bước đi. Nó sống như thế khá lâu nhưng đi chưa thật vững, một phần vì nó mới mười lăm tháng và thêm nữa là tại căng chân khăng khiu của nó không thể đỡ nổi cái bụng ỏng. Cái bụng ỏng đầy không khí, căng phồng và tròn. Rosa nhường hầu hết thức ăn của mình cho Magda, Stella chẳng nhường tí nào cả; Stella đói rồi, cô là đứa trẻ mới lớn, nhưng chưa đủ trưởng thành. Stella chưa có kinh. Rosa chưa có kinh. Rosa đói cồn cào, nhưng lại cũng không đói; cô học Magda cách mút mùi vị ngón tay trong mồm. Họ ở vào tình thế cạn kiệt tình thương, ở Rosa,

tình thương đã bị hủy hoại hoàn toàn, cô nhìn cái khung xương của Stella mà chẳng động lòng mảy may. Cô chắc rằng Stella đang đợi Magda chết để có thể cắn ngập răng vào hai cái đùi bé nhỏ.

Rosa biết chẳng mấy nữa Magda sẽ chết; lẽ ra nó đã chết từ lâu rồi, nhưng con bé lại được vùi sâu trong tấm khăn thần, nhằm lẫn nằm đó run rẩy trên ngực Rosa; Rosa bám chiếc khăn như thể nó chỉ che chở người cô. Chẳng có ai tước đoạt nó khỏi cô. Magda câm lặng. Nó không khóc. Rosa giấu nó trong trại, dưới tấm khăn, nhưng cô biết có ngày ai đó sẽ tố giác; hoặc có ngày, ai đó, không phải Stella, sẽ ăn cắp Magda để ăn thịt. Khi Magda bắt đầu chập chững đi thì Rosa biết Magda sẽ không còn sống lâu nữa, chuyện gì đó sắp sửa xảy ra. Cô sợ mình chìm vào giấc ngủ; cô ngủ với một chân gác lên người Magda; cô sợ đùi mình sẽ làm Magda ngạt thở. Trọng lượng của Rosa càng ngày càng suy giảm; dần dần Rosa và Stella sắp biến thành không khí.

Magda lặng câm, nhưng mắt nó sống động, kinh hoàng, tựa màu xanh mắt hổ. Nó nhìn. Thỉnh thoảng nó cười - dường như là tiếng cười, nhưng làm sao mà phân định? Magda chưa bao giờ nhìn thấy ai cười. Nhưng Magda lại cười với tấm khăn khi gió lùa vào góc của nó, cơn gió xấu mang theo những hạt màu đen làm Rosa và Stella trào nước mắt. Mắt Magda luôn trong veo, không một giọt nước mắt. Nó nhìn như thể một con hổ nhìn. Nó canh chừng tấm khăn của mình. Chẳng một ai có thể chạm vào chiếc khăn ấy, trừ Rosa. Stella cũng không được phép. Tấm khăn là đứa bé của Magda, là con vật cưng, là đứa em gái bé bỏng của nó. Nó cuộn người trong khăn, mút một góc khăn khi muốn giữ im lặng tuyệt đối.

Rồi Stella lấy chiếc khăn để khiến Magda chết.

Sau đó Stella bảo: “Tôi lạnh.”

Và sau đó cô thường xuyên lạnh, thường xuyên. Cái lạnh ngấm vào tim cô: Rosa biết tim Stella lạnh giá. Magda lóng ngóng bước bằng đôi chân nhỏ xíu tựa bút chì, nguệch ngoạc đi tìm tấm khăn; hai cái chân bút chì lần ra đến cửa trại, nơi ánh sáng chiếu rọi. Rosa nhìn thấy và đuổi theo. Nhưng Magda đã bước hẳn ra sân bên ngoài trại, trong ánh nắng rực rỡ. Người ta

gọi cái sân ấy là vũ đài. Mỗi sáng, Rosa phải giấu Magda trong tấm khăn đặt sát vách trại và ra ngoài đứng trên vũ đài cùng với Stella và hàng trăm người khác, đôi khi họ phải đứng hàng tiếng đồng hồ, còn Magda thì nằm một mình lặng lẽ dưới tấm khăn, mút góc khăn của mình. Hằng ngày, Magda im lặng vậy nên nó không chết. Nhưng hôm nay, Rosa hiểu rằng Magda sắp chết, ngay lúc ấy nỗi kinh hoàng dâng lên trong lòng Rosa, tay cô như đặt trên lửa, cô sửng sờ, phát sốt: Magda, trong ánh nắng, trông trắng trên đôi chân bết chít của nó, đang cất tiếng hú. Từ khi bầu vú Rosa khô kiệt, từ khi cất tiếng thét cuối cùng trên đường, Magda không thốt lên bất kì âm thanh nào nữa; Magda đã câm. Rosa nghĩ rằng tại thanh quản, khí quản, dây thanh âm của nó bị trục trặc gì đó; Magda bị khuyết tật, không thể nói, có lẽ nó điếc; hay trí tuệ của nó chắc có gì bất ổn; Magda câm. Thậm chí tiếng cười khi thấy cơn gió bắn cuốn đám mây bụi ra khỏi tấm khăn của Magda cũng chỉ là luồng không khí thổi phồng hàm răng của cô bé. Ngay cả khi lũ chuột, chuột lớn chuột bé, làm nó kinh hoàng đến nỗi khi thấy một trong số những con chuột lớn lén vào trại vào ban ngày tìm thịt thối thì nó vật vẩy mình, cào bấu, đá và cuộn người lại mà chẳng thốt lên một âm thanh rên rỉ nào cả. Nhưng bây giờ, mồm Magda đang tuôn ra cả tràng âm thanh dài huyền ảo.

“Mẹ ẹ ẹ ẹ...”

Đấy là âm thanh đầu tiên Magda phát ra khỏi cổ họng kể từ khi bú cạn sữa Rosa.

“Mẹ ẹ ẹ ẹ... ẹ ẹ ẹ!”

Một lần nữa! Magda lóng ngóng dưới ánh nắng ngập tràn của vũ đài, loạng choạng trên đôi chân bé nhỏ chùng xuống đáng thương. Rosa hiểu. Cô hiểu Magda tiếc chiếc khăn mất của mình, cô biết Magda sắp chết. Hàng loạt mệnh lệnh dội lên trong ngực cô: Tìm kiếm, lấy, mang đến! Nhưng cô không biết phải làm điều gì trước, Magda hay cái khăn. Nếu cô lao ra sân giữ lấy Magda thì tiếng gào thét sẽ không ngừng lại bởi Magda vẫn chưa có tấm khăn; nhưng nếu cô chạy về trại tìm khăn, nếu cô tìm thấy

và nếu cô chạy theo Magda, giữ lại và đưa tấm khăn cho nó thì cô sẽ đưa được Magda về, Magda sẽ đút khăn vào miệng và cầm trở lại.

Rosa lúi vào bóng tối. Tấm khăn dễ tìm. Stella nằm trên nó, ngủ vùi trong bộ xương gầy còm của cô. Rosa xé tấm khăn rồi bay - cô có thể bay, cô chỉ là không khí - đến vũ đài. Cái nóng mặt trời thì thăm về một cuộc sống khác, cuộc sống của đàn bướm trong mùa hè. Ánh nắng diêm tĩnh, dịu êm. Bên phía hàng rào sắt xa kia, thảm cỏ xanh rờn điểm những cây bồ công anh và những bông hoa violét tím sẫm; đằng sau chúng, xa hơn nữa, những khóm huệ hồ hồn nhiên, cao, nâng những nụ hoa màu da cam của chúng. Ở trại, người ta nói về “hoa” hay “mưa” như “phân” hay “những sợi phân dày” và thác nước màu nâu đỏ hôi hám từ từ ngấm xuống từ những cái giường tầng trên, mùi hôi thối quện lẫn mùi khói béo ngậy đẳng đẳng giăng ra ám cả lên da Rosa. Cô đứng một lát bên lề sân trại. Đôi khi, điện cài trên hàng rào kêu o o; và dẫu cho Stella bảo điều đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhưng Rosa vẫn nghe rõ âm thanh ấy qua dây điện; một thứ âm thanh sâu thẳm. Càng đứng xa hàng rào bao nhiêu thì cô càng nghe rõ những tiếng nói ấy bấy nhiêu. Giọng khóc than nỉ non ai oán, xót xa quá đổi mà ta khó có thể bảo đấy là giọng của ma quái. Giọng ấy bảo cô giữ chặt lấy tấm khăn, nâng cao; giọng ấy bảo cô rung khăn, đập và rũ tung nó ra như một lá cờ. Rosa nhấc lên, rũ, đập, mở ra. Đằng kia, rất xa, Magda cúi người trên cái bụng đầy không khí của nó, vươn rộng cánh tay xương xẩu. Nó vươn cao, được nâng lên trên vai của người nào đó. Nhưng đôi vai mang Magda không tiến về Rosa và tấm khăn, nó dạt đi xa, bóng hình nhỏ bé của Magda cứ chìm dần vào khoảng xa đầy khói. Bên trên đôi vai, chiếc mũ sắt lấp lánh. Ánh nắng rọi vào cái mũ làm biến dạng nó thành hình cái ly. Bên dưới cái mũ là một cơ thể đen ngòm giống như quân cờ domino và một đôi ủng đen đưa họ về phía hàng rào điện. Âm thanh điện bắt đầu vang lên mạnh mẽ. “Mẹ mẹ, mẹ, mẹ”, tất cả chúng đang o o với nhau. Lúc này Magda đã cách rất xa Rosa, nó đã ở bên kia sân trại, qua mười hai dãy trại, qua hết các lối đi đến lề bên kia! Nó đã bé hơn cả một con bướm đêm.

Ngay khi đó, Magda đã bơi trong không trung. Cơ thể Magda bay đến độ cao chói vót. Trông nó như thể một con bướm đang đậu trên dây nho bạc. Vào khoảnh khắc cái đầu tròn lông lá của Magda, đôi chân bút chì, cái bụng ỏng, đôi cánh tay vẹo vọ của nó chạm vào hàng rào, thì giọng nói của dây điện rộn ràng, hồi hả, giục giã Rosa chạy, chạy đến nơi Magda ngã xuống khi đường bay của nó vướng vào hàng rào dây điện; nhưng dĩ nhiên, Rosa không nghe lời chúng. Cô chỉ đứng yên bởi nếu cô chạy thì chúng sẽ bắn và nếu cô cố đỡ mảnh hình hài xác xơ của Magda dậy thì chúng cũng bắn và nếu lúc này cô buông tiếng hét đau đớn của người mẹ trước bộ xương vỡ vụn của đứa con thì chúng cũng bắn; vậy nên cô cầm tấm khăn của Magda nhét vào miệng mình, nhét nó xuống, ấn xuống cho đến khi cô nuốt được tiếng hét thảm thương và nếm được vị quế và vị hạnh vương trong nước bọt của Magda; Rosa uống tấm khăn của Magda cho đến khi khô kiệt.

Chú thích

^[1]Tựa của tác giả: Cái thùng ma thuật.

^[2]tên trận chiến nổi tiếng trong cuộc chiến tranh cách mạng Mỹ.

^[3]tên một ngọn núi.